

TOÀN ÁNH

CẦM CẠ VIỆT NAM



XUÂN THU

Toan Ảnh

CẦM CA VIỆT NAM

(SƯU TẦM PHONG TỤC)

tựa của Nguyễn Hiến Lê

Lá Bối

CẦM CA VIỆT NAM
Lá bối in lần thứ nhất 1970
SAIGON — VIETNAM

*Mến tặng hiền thê
để kỷ niệm 30 năm ngày cưới*

T. A.

TỰA

Tôi mừng rằng công trình sưu tầm biên khảo về Nếp cũ của ông Toàn Ánh càng ngày càng được quốc dân hoan nghênh. Non ba chục năm trước, đọc những bài chép các tục lệ ở thôn quê Bắc Việt và đăng rải rác trên các báo Tri Tân, Trung Bắc Chủ Nhật, Tao Đàn tôi đã đề ý tới ông liền : khu vực đó ít người khai thác mà những chuyện ông kể đều hấp dẫn, dồi dào về chi tiết. Kể đó là chiến tranh Pháp Việt. Bẵng đi một thời gian, sau Hiệp định Genève một ít lâu, tôi lại thấy ông xuất hiện trên văn đàn với những tác phẩm : Bỏ hoa Bắc Việt, Trong lũy tre xanh. Và trong mấy năm nay, không năm nào ông không cho ra vài ba cuốn, có cuốn dày 400-500 trang khổ lớn : Tin ngưỡng Việt Nam, Người Việt... Đất Việt, Làng xóm Việt Nam, Miền Bắc khai nguyên... Ông đã sớm định một chỉ hướng từ khi mới ra làm việc, lựa một con đường ít người đi mà cũng là con đường đẹp nhất, thích thú nhất : đi sâu vào lòng dân tộc, tìm hiểu nếp sống của tổ tiên ; và luôn mấy chục năm, tập trung mọi hoạt động vào đó, sưu tầm trong các sách báo cũ và mới, đi

tới từng miền để điều tra, ghi chép, lợi dụng mọi hoàn cảnh để đạt mục đích (cuộc di cư năm 1954 đối với ông chính là một điều may vì nhờ nó mà ông đã nghiên cứu được tại chỗ phong tục miền Trung và miền Nam) nên tài liệu của ông mỗi ngày một nhiều, sự sáng tác của ông mỗi ngày một phong phú. Nghe nói ông dự tính soạn năm sáu cuốn nữa, mỗi cuốn bốn năm trăm trang. Và công của ông đến nay đã được quốc dân đền đáp. Đó là điều đáng mừng, không phải mừng cho ông mà cho tiền đồ của văn hóa nước nhà.

Sau Hiệp định Genève, khi ảnh hưởng của Mỹ bắt đầu lan tràn vào Việt Nam, trong khoảng mười năm đầu một số người hăng hái tiếp thu văn hóa Mỹ vì nó lạ đối với chúng ta, một số khác nhiệt liệt giới thiệu những trào lưu tư tưởng mới của Pháp. Dĩ nhiên công việc đó nên làm, nhưng chúng ta đã say với cái mới, cái lạ của người mà cơ hồ như quên cái đẹp, cái cũ của mình. Vài năm nay, có một trào lưu ngược lại ; chúng ta đã thấy mặt trái của phương Tây : có một lực lượng phi thường chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại mà họ không ổn định nổi chính xã hội của họ, lại chỉ gây thêm vô số xáo trộn trên thế giới, ở Đông Á, Tây Á, Phi Châu, Nam Mỹ. Nên một số học giả phương Tây đương muốn tìm hiểu sâu hơn văn minh của phương Đông ; ở nước ta thì một số nhà văn đã trở lại

nghiên cứu Văn hóa cổ truyền của mình : triết lý
 cổ, tuồng cổ, văn thơ cổ, nếp sống cổ .. Chúng ta
 chưa biết công trình của các nhà đó có dẫn tới một
 đường lối nào dung hòa mới với cũ không, tạo nên
 một nhân sinh quan mới, một nếp sống mới nào
 không, nhưng nội một điều quốc dân, nhất là thanh
 niên, đã hoan nghênh công việc của họ, cũng đủ cho
 ta mừng rồi : có tìm hiểu kỹ dĩ vãng của mình thì
 mới quý nó được, có quý nó thì mới tìm được hướng
 đi cho tương lai ; không một dân tộc nào đoạn tuyệt
 hẳn với dĩ vãng mà cường thịnh được. Lịch sử là
 một sự liên tục : tương lai ở trong hiện tại, mà hiện
 tại ở trong dĩ vãng. Tôi mong mà cũng tin rằng « sự
 suy đồi của văn hóa vì đụng chạm với những sản
 phẩm ngoại lai lúc này » — lời của ông Toan Ánh
 — chỉ là một thứ lỗ ló ngoài da phát sinh trong các
 thành thị, còn đại đa số dân chúng ở thôn quê, ở các
 quận, các tỉnh nhỏ vẫn còn giữ được nếp sống cũ.
 Tôi có thể dẫn chứng được vì đã mục kích nhiều
 gương hi sinh nhẫn nại tiết tháo.

Trước sự xâm nhập ồn ào, « man rợ » của các
 loại nhạc Jazz, Twist, Be-bop mấy năm gần đây, ông
 Toan Ánh âm thầm thu thập tài liệu về Cầm Ca
 Việt Nam để chúng ta thấy tinh cách nghiêm trang
 mà hòa nhã, vui mà không loạn của ca nhạc cổ, nhất
 là cái tinh thần « cộng lạc » giữa giai cấp sĩ phu và
 bình dân thời xưa ra sao. Tôi yêu quý các cụ Nguyễn

Du và Phan bội Châu quá khi các cụ đêm đêm đi hát dặm với các thôn nữ, và tôi thích cái tục hát quan họ ở Bắc Ninh làm sao ? Thời đó trí thức và bình dân đâu có cách biệt như ngày nay, mà không có cách biệt thì làm gì có đấu tranh giai cấp.

Tác giả không thể đi sâu vào chi tiết được — như vậy thì biết mấy ngàn trang cho đủ ? nhưng ông đã ghi hết được những đại cương về cầm ca của ta từ thời cổ cho tới đầu thế chiến vừa rồi : nhắc qua « nhạc lý » : lục ký, thất bát đàn ; tả mấy chục thứ nhạc khí và không biết bao nhiêu giọng ca hát trí thức và bình dân : hát đồ đưa, hát chẵn trâu, hát ru em, hát ví, hát quan họ, hát dặm, hát trống quân, hát phường, hò, vè, hát xẩm, hát ả đào, ca Huế, hát thờ, hát tuồng, hát chèo, vãn vãn, cả ca cải lương nữa, chấm dứt là những bài hát đầu tiên chịu ảnh hưởng của Tây phương.

Đọc tác phẩm của ông tôi bâng khuâng nhớ lại một lúc vui thanh thoát trong đời tôi mà nhờ dân ca tôi đã được hưởng. Cách đây non bốn mươi năm, cũng vào một đêm Trung thu như đêm nay, nhưng ở làng Thịnh Hào cách Hà Nội sáu cây số. Anh em chúng tôi ba bốn người đương chuyện trò trong một khu vườn bồng có tiếng hát văng vẳng đưa lại, và chẳng ai bảo ai, mọi người đều im bật. Tiếng hợp ca mỗi lúc mỗi gần và chúng tôi nghe rõ là điệu Ru hời :

XIII

*Tay tiên là tiên chuốc chén ơ ơ đào là rượu
đào,
Đồ đi là đi thời tiếc, ơ ơ vào, uống vào, uống
vào thời say.*

Ru là ru ru hời, ơ ơ hời là ru hời...

Giọng ca tới những tiếng chén, tiếc, bay vút lên không, rồi chìm hẳn xuống ở những tiếng (rượu) đào, (uống) vào ; sau cùng tan lẫn trong cảnh bao la của đồng ruộng. Đúng lúc đó nhìn qua bờ ao, chúng tôi thấy một đoàn thợ gặt, cả trai và gái khoảng mười mấy người đi hàng hai dưới ánh trăng vàng vặc trên con đê (tức đường Quần ngựa). Tiếng hát ngừng một chút rồi lại cất lên, tôi nhòm nhòm muốn chạy theo họ, nhưng rồi lại ngồi xuống, vì băng qua được cánh đồng chiêm tới chân đê thì họ đã đi xa mất rồi. Tôi lắng tai nghe tới khi dư âm tắt hẳn, mà tiếc ngơ tiếc ngẩn ! Suốt đời tôi, chưa có lần nào giọng ca làm cho mê như lần đó : nó du dương, uyển chuyển, bát ngát, tôi biết dùng tiếng gì để tả bây giờ ? Ca nhạc Tây phương không sao gọi cho tôi được cảm xúc thần tiên đó. Ca nhạc của mình quả thực không phong phú, nhiều sắc thái bằng phương Tây nhưng có những nét riêng, cái thần riêng thâm thiết với ta, như là tiếng gọi của tổ tiên, của dân tộc. Ông Toan Ánh đã có công gọi cho ta nhớ lại nhớ cái hồn của đất nước đó trong cuốn *Cầm ca Việt Nam* này. Chỉ là một « nhất lãm » nhưng rất đủ để hướng

dẫn những người muốn đi sâu vào chi tiết.

Một điểm đáng chú ý nữa là ông đã khéo lựa những câu hát để chúng ta thấy tinh thần khả ái của thôn nữ Việt Nam.

Họ sống thật cực khổ :

Một ngày hai bận trèo non,

Lấy gì mà đẹp mà dòn hời anh !
mà họ rất chung tình :

Ra về chỉ một ngóng theo,

Ngóng rừng rừn rậm, ngóng đèo đèo cao.
và rất hiếu thảo với cha mẹ, tận tụy với chồng con :

Bổ kinh thờ mẹ thờ cha,

Thờ chồng trọn đạo cùng là nuôi con.

Một số thiếu nữ ngày nay, hạng bạn mini-jupe hút Salem, uống huyết-ky, đọc những câu đố tất bữu mới, cho là cổ hủ ; nhưng dân tộc ta — mà dân tộc nào cũng vậy — sở dĩ vượt qua được những cơn hỗn loạn, khủng hoảng mà lại hiên ngang ngưỡng đầu lên được, chính là nhờ những người mẹ, người vợ cổ hủ như các cụ bà Sào Nam, Tú Xương, Nguyễn quang Diêu...

Sàigòn, Trung Thu Kỷ Dậu

NGUYỄN HIỂN LÊ

Thú vui tao nhã

Người ngoại quốc sống trên đất Việt, tìm hiểu nếp sống của người Việt Nam, đều công nhận dân tộc Việt Nam là một dân tộc chịu khó, không ngã lòng trước mọi khó khăn, đã chiến thắng được tất cả mọi trở ngại vật chất và tinh thần trong chiến đấu, trong gian lao. Lịch sử Việt Nam trải qua bao nhiêu cuộc hưng vong, người Việt Nam như cây tre, gặp gió mạnh thì ngã xuống, qua cơn gió lại vươn mình lên. Trong cuộc sống hàng ngày, họ không nề hà vất vả, làm lụng sáng chiều, đầu tắt mặt tối, vất lộn với sự sống. Sống trên một dải đất khi nắng thì như thiêu như đốt, khi lạnh thì như cắt da cắt thịt, đất đai thì núi rừng trùng điệp và đồng lầy mênh mông, nếu tổ tiên chúng ta không kiên nhẫn phấn đấu, không bền gan chịu đựng, làm sao ngày nay chúng ta có một giang sơn gấm vóc. Chúng ta đã chống lại được sự thôn tính của người Trung Hoa về phương Bắc, chúng ta lại mở

mang được bờ cõi về phương Nam, và gần đây, chúng ta lại tự giải thoát được ách nô lệ của người Pháp, mặc dầu kẻ địch của chúng ta có đủ khi giới tối tân, đối lại chúng ta chỉ có sự đoàn kết dân tộc với lòng bền bỉ kiên cường.

Ở hoàn cảnh rất khó khăn, về địa lý cũng như về chính trị, dân tộc Việt Nam đã phải làm lụng nhiều hơn tiêu khiển, đã phải đương đầu chiến đấu nhiều hơn hưởng thụ, gia dĩ, từ ngày lập quốc tới nay, hết kẻ thù gần đến kẻ thù xa, họ luôn luôn muốn thôn tính đất nước chúng ta, cho tới ngày nay tham vọng ngoại tộc trên-đất nước vẫn chưa hết, họ muốn sang đoạt hết quyền sống, trách chi chúng ta không cực nhọc trong sinh hoạt !

Nói như vậy không phải là người Việt Nam không có những thú chơi giải trí. Có lắm chứ, tuy vất vả, tuy bận rộn, nhưng sau những giờ làm lụng, sau những cuộc phấn đấu, chúng ta vẫn có nghỉ ngơi và chơi bời, có như vậy chúng ta mới có dịp tự thưởng công cho mình.

Chúng ta giải trí với những thú vui riêng của dân tộc, và những thú vui này là những trò tiêu khiển của mọi tầng lớp, thay đổi tùy theo từng hạng người và cũng có khi từng địa phương.

Và ngay trong các lối chơi tiêu khiển cũng có năm bảy đường, *« có cách chơi nhã, có cách chơi tục, có cách chơi thanh, có cách chơi thô, có cách*

chơi nghĩa lý văn chương, có cách chơi bá láp vô vị, có cách chơi đủ dĩ dưỡng tinh tình có cách chơi làm hư bại nhân cách » (1)

Thói thường có làm thì phải có chơi, và chơi bời cũng không phải là có hại, « *có lao lực phải có tiêu khiển* (1) điều cần thiết là phải chọn lối chơi mà vui, vì trong cách chơi hay hoặc dở, nhẽ hoặc tục, thanh hoặc thô thường do lối mà cũng do cả người chơi nữa. « *Người chơi phong nhã cao thượng thì cách chơi cũng cao thượng phong nhã ; người chơi nhả nhớt tục tằn thì cách chơi cũng tục tằn nhả nhớt* » (1). Người biết chơi thường tìm những thú chơi hợp với mình. Có những thú chơi âm ỉ ồn ào, có những thú chơi yên tĩnh trầm lặng, có thú chơi cần tới sức vóc, có thú chơi cần sự suy nghĩ, lại có thú chơi cần cả trí lẫn lực. Có thú chơi, người chơi chỉ một mình cũng thấy thú, lại có những thú chơi phải có đồng bạn mới hào hứng ; có thú chơi không cần sự ganh đua, có thú chơi phải ganh đua mới thỏa thích.

Thú chơi thay đổi tùy người, thay đổi tùy địa phương, nhưng cũng lại thay đổi theo thời đại. Tôi không nói tới những thú chơi mới ngày nay do ảnh hưởng của Tây phương mà có, tôi chỉ hạn chế trong những thú cổ xưa của người mình, và tôi cũng

(1) **Phạm Quỳnh.** — *Văn chương trong lối hát ả đào.* Nam Phong số 69, tháng 3 năm 1923.

không đề cập tới những thú chơi ồn ào rầm rĩ, những thú chơi mạnh mẽ cần tới sức vóc, chỉ muốn nhắc tới những *Thú vui tao nhã* của người xưa.

Những thú tao nhã này, trước hết phải kể tứ thư phong lưu là *cầm, kỳ, thi, họa*, rồi đến những thú tiêu khiển khác như *ca hát, chơi cây cảnh, uống trà, chơi chim, chơi hòn non bộ, chơi diều v.v...*

« Xét trong cách chơi bời, cách nào cũng có một cái thú tiêu nhân, cũng di dưỡng được tính tình, cũng khoan khoái được thần trí » (1).

Những thú chơi tao nhã của tổ tiên chúng ta trải qua bao nhiêu cuộc hưng vong của đất nước, ngày nay nhiều thú vẫn còn tồn tại và đương thời cũng còn nhiều người thích thú. Còn hay mất, những thú chơi này đã từng làm chò ông cha chúng ta say mê, chúng ta phải tìm hiểu, tìm hiểu để thưởng thức cũng như để so sánh với một vài thú chơi ngày nay.

Nếu chúng ta được nghe những cụ già đứng trước những cây tùng của hòn non bộ thân bằng cổ tay lá bằng mũi kim vào giữa mùa nóng nực mà nói rằng thấy mát cả người như đã bước chân vào rừng tùng ; nếu chúng ta được thấy một người đứng tuổi vào bực đàn anh trong làng cặm cụi ngồi vót từng cái khung diều, uốn đôi cánh diều quên cả ăn,

(1) Phan Kế Bính. — *Việt Nam phong tục*, Đông Dương tạp chí, 1914 — 1915.

quên cả mệt, nếu chúng ta được nhìn một cụ già khác cầm cùi với nghiền mực, với ngọn bút nhỏ để vẽ một bức tranh thủy mặc, chú ý tới nét vẽ của mình như quên hẳn cuộc đời bên ngoài, nếu chúng ta lại chứng kiến các cụ pha một ấm chè tàu buổi sáng, được tự tay đun lấy bình nước, tự tay tráng chiếc ấm và những chiếc chén, từ chén tổng tới chén quân và nữa... còn nhiều nữa, chúng ta sẽ cảm thấy cái thanh thú của những thú chơi lịch sự thanh tao của người mình và chừng đó chúng ta ắt phải say những cái say mê của tổ tiên.

Viết về những thú vui tao nhã trong nếp sống cũ của dân tộc, tôi tự biết rằng sẽ không làm thỏa mãn được nhiều độc giả vì sự hiểu biết quá nông cạn của tôi, vì tôi chỉ nhắc lại một cách quá giản lược, chính tôi không phải là một tài tử trong một thú chơi, không lột hết được những điều phải trình bày, nhưng tôi vẫn viết, viết để ghi lại một vài cái gì của ông cha để hoặc có người lưu ý tới sẽ đào sâu hơn kỹ hơn, trình bày rõ ràng và đầy đủ với một sự tham bác rộng rãi hơn.

Trước khi đề cập tới những thú vui tao nhã khác, trong tập sách nhỏ này, trước hết tôi xin trình bày về hai thú Cầm, Ca.

Tôi sẽ rất thỏa mãn nếu những trang sách nhỏ này có người đọc tới và sẽ chỉ bảo cho những điều thiếu sót để bổ khuyết về sau.

Tháng giêng năm Kỷ Dậu — 1959

CẦM

Trong những thú vui tao nhã của ta, người xưa xếp tứ thú phong lưu lên đầu, mà đứng đầu tứ thú này là *cầm*, nghĩa là chơi đàn.

Gảy đàn (cầm) là một lối chơi thanh nhã, hoặc gảy một mình, hoặc hợp tấu với bạn bè (1)

Cầm tuy nói là đàn, nhưng ta phải hiểu đây là nhạc, vì ngoài đàn ra, trong thú tiêu khiển này người xưa còn thổi sáo, kéo nhị, đánh trống, chơi sinh tiền v.v...

Những lúc thư nhàn, những khi đêm khuya thanh vắng với một nỗi tâm tư vui buồn riêng, dạo một khúc đàn, thổi một bản sáo để tự tỏ nỗi vui hoặc giải nỗi buồn, quả thật là thú vị. Sự trầm lặng yên tĩnh càng tăng vẻ tao nhã của thú chơi. Tiếng đàn thánh tha thánh thót như những cung bậc của niềm vui, mà cũng có thể như những tiếng nói để thổ lộ nỗi buồn u uất.

(1) Đào Duy Anh — Việt Nam Văn Hóa Sử Cương, Nhà XB Bốn Phương Saigon, 1961.

Đàn tui là một thú tiêu khiển, nhưng trong đạo trị dân của người xưa, đàn, hay đúng hơn, nhạc cũng là một trong những điều quan trọng, vì điệu đàn là tự lòng người mà hiện ra. Qua điệu đàn của một địa phương, có thể biết được phong hóa thịnh suy, chính trị mờ tỏ.

Sách Lễ Ký có nói rằng : *Nhạc giả thông luân lý giả dã*, nghĩa là nhạc thông với luân lý. Tiếng nhạc thanh tao êm ái có thể biến thành kêu gọi dân đảng. Người xưa chơi đàn gìn giữ *chánh thanh*, cố giữ điệu đàn không có âm thanh biến thể để chánh thanh hóa dân thanh.

Đàn tui tao nhã, nhưng chỉ tao nhã với khách phong lưu ; với những con người đạo đức kém, người xưa cho là *gia hữu cầm, nữ tử đàn*.

Đàn hay dở lợi hại là do người, người học đàn phải biết tự điều khiển mình, tiếng đàn mới hữu ích và không di hại.

Người xưa thường dùng đàn để chỉnh tâm dưỡng tính, để khuyến thiện, răn ác với mục đích sửa cho ngay lòng người. Vua Thuấn xưa gảy cây đàn năm dây, ca bài Nam Phong đem sự đại trị lại cho thiên hạ, đức Khổng Tử khi ở nước Tề, nghe nhạc Thiệu mà quên ăn.

Tại nước ta, đàn nhạc đã có từ lâu và vua Lê thánh Tôn đã quy luật âm nhạc bằng cách đặt ra bộ *Đồng Văn* và bộ *Nhã Nhạc* để hòa nhạc và

xương hát.

Trong các cuộc tế lễ từ Triều đình đến dân gian, bao giờ đàn nhạc cũng điều hòa nghi lễ.

Đàn đã ăn sâu vào phong tục của ta, đàn đã là một thủ tiêu khiển thanh tao, và đàn cũng đã gắn liền với một phần đời sống của nhiều người, từ nơi dân giả tới hàng quý tộc.

BÁT ÂM.

Đàn hay dở do âm thanh, khéo điều hòa âm thanh thì tiếng đàn thanh thoát thanh cao êm ái, điều hòa vụng, âm thanh rối loạn và như vậy tiếng đàn cũng biến theo.

Đề phát ra âm thanh, ta dùng tám thứ tiếng phát ra bởi tám vật liệu khác nhau, gọi là bát âm, do đó các phường nhạc của ta xưa còn được gọi là *phường bát âm*.

Bát âm gồm :

Kim : tiếng loại kim khí, thường là tiếng đồng như tiếng chuông, tiếng bát (loại chuông nhỏ), tiếng chiêng, tiếng nao (loại chiêng nhỏ), tiếng nảo bát, tiếng sinh tiền v.v...

Thạch : tiếng đá, thường là tiếng khánh.

Thổ : tiếng đất sét nung, thường là tiếng huân, một thứ nhạc dùng để thổi, tiếng còi và có khi tiếng bát.

Tỳ : tiếng phát ra do dây tơ, thường là tiếng

các thứ đàn : cầm, sắt, tỳ bà, tranh, nguyệt v.v...

Trúc : tiếng các loại tre, thường là tiếng các loại sáo, loại tiêu v.v...

Bào : tiếng trái bầu, trái bí, thường là tiếng kèn. Cỗ nhân thường dùng các trái bầu bí làm kèn.

Cách : tiếng da thuộc căng thẳng, thường là tiếng trống.

Mộc : tiếng gỗ thường là tiếng mõ, tiếng phách.

Những nhạc khí chế tạo bởi các nguyên liệu trên phát ra mỗi loại một thứ tiếng khác nhau, nhiều âm thanh có thể đi đơn độc trong các bản độc tấu, nhưng thường trong một buổi hòa nhạc, phải có sự hòa hợp pha trộn giữa nhiều âm thanh của nhiều nhạc khí. Tiếng gọi là bát âm, nhưng trên thực tế rất ít khi phường bát âm dùng đủ các nhạc cụ với đủ tám thanh âm của tám nguyên liệu nói trên, nhất là tiếng gỗ, thiết ít khi được dùng đến. Thường trong những buổi đàn hát, các âm thanh của ti, trúc, cách và kim được dùng đến nhiều, và những nhạc khí cũng được thay đổi tùy từng trường hợp, nhiều nhạc khí như kèn trống đám táng không đem dùng trong buổi tế lễ, mặc dầu các bản nhạc không giống nhau.

Trong trường hợp có một bản nhạc hòa nên bởi cả tám nhạc khí, bản nhạc gọi là *bát âm nhã nhạc*. Thường phường bát âm xưa chỉ chơi những điệu sẵn có, lưu thủy, ngũ đối, tứ đại, nam ai, nam bình, tấu mã v. v... rất ít có bản mới.

NHỮNG ĐIỀU KỶ

Người xưa chơi nhạc có sáu điều kỷ gọi là *lục kỷ*, những điều kỷ này đều về thời tiết. Các nhạc cụ là những đồ lúc làm cần tỉ mỉ để giữ cho cung điệu được đúng, sai một chút là lạc âm thanh. Kỹ thuật chế tạo nhạc cụ của ta xưa dù sao cũng chưa hoàn toàn tinh vi, nhất là thân nhiều nhạc cụ đều bằng gỗ hoặc bằng tre, rất dễ chịu ảnh hưởng của thời tiết.

Lục kỷ của ta là :

Kỷ đại hàn.— Trời lạnh thường làm mọi vật se lại, co lại, và trong lúc đó khí trời cũng khô hanh. Gặp kỷ đại hàn, nước còn đông lại, đàn không thể hay được.

Kỷ đại thử.— Trái với lạnh, gặp nóng vật gì cũng nở ra, và trong lúc đó khí trời như bốc lửa. Đàn gảy lên không phản ảnh đúng được cung bậc của bản đàn, đàn không hay.

Ấy là chưa kể người chịu ảnh hưởng của sức nóng, lúc đàn nắn dây so phím không được như lúc tiết trời mát mẻ, ẩm áp.

Kỷ đại phong.— Gió lớn làm rung bầu không khí, những âm thanh phát ra cũng bị rung động theo, đàn trong cơn đại phong cũng không lọt hết được ý đàn.

Kỷ đại vũ.— Mưa to, nước đổ như trút, tiếng nước đổ át tiếng đàn, đàn không hay. Đây là chưa

nói, không khí có nước làm âm thanh có thể sai lạc và dây đàn cũng chịu ảnh hưởng sự ẩm thấp của khí trời.

Kỳ sấm sét.— Khi sấm sét vang trời, đàn không hay, tiếng sấm sét át tiếng đàn.

Kỳ đại tuyết.— Khi tuyết phủ đầy đường, đàn không hay. Nước ta không có tuyết, nếu có cũng rất hạn hữu và cũng chỉ có ở các tỉnh biên giới miền Bắc nơi có núi cao.

Sáu điều kỳ trên của các tài tử phương Đông thời xưa, các cụ ta vẫn hằng theo. Xét cho kỹ những điều kỳ đó cũng đúng, nhất là đối với các nhạc khí của người mình chế tạo, tuy có tinh vi nhưng cũng không hoàn toàn thoát khỏi được ảnh hưởng của thời tiết.

Ngày nay với những nhạc khí Tây Phương của nền tân nhạc, chế tạo bởi những nguyên liệu chọn lọc qua một kỹ thuật tân kỳ, không hẳn lúc kỳ trên có còn chăng? Và các nhạc sĩ cổ điển ngày nay có còn giữ những điều kỳ của người xưa?

NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐÀN

Gặp những khi thời tiết kỳ với tiếng đàn, người ta không đàn, nhưng ngoài những trường hợp đại kỳ nêu trên, cũng còn những trường hợp khác người ta chẳng đàn. Những trường hợp này có bảy và người xưa gọi là *Thất bất đàn*. Bảy trường hợp này hoặc nằm trong khuôn phép xử

thể của người lịch sự thanh cao, người chơi đàn thường cố giữ gìn để tránh tiếng chê trách của bậc tri thức thượng lưu, hoặc vì tôn trọng ngón chơi, nâng cao nghệ thuật.

Thất bất đàn là :

- 1.— Tang tóc không đàn,
- 2.— Khi nhạc có chuông trống ồn ào không đàn,
- 3.— Khi tâm trạng bối rối không đàn,
- 4.— Khăn áo không chỉnh tề không đàn,
- 5.— Không xông trầm không đàn,
- 6.— Trong mình không sạch sẽ không đàn,
- 7.— **Không gấp tri âm không đàn.**

Qua bảy điều trên, người chơi đàn đã có lý do chính đáng để không đàn trong mỗi trường hợp.

Tang tóc không đàn vì sự buồn rầu ; chơi đàn là để giải trí, giải trí trong lúc có tang không hợp với đạo đức của phương Đông. Các cụ còn nói *nghe tang không đàn*, tang đây có thể là tang của người khác, như được một tin buồn của người khác, người lịch sự không có quyền vui với đàn địch trong khi người khác đau xót.

Khi nhạc có chuông trống không đàn vì tiếng chuông tiếng trống sẽ át hẳn tiếng đàn, đàn dù có hay mấy cũng không ai biết thưởng thức và chính mình cũng không tự thưởng thức được tài nghệ của mình, lại khi tâm trạng bối rối, đàn làm sao mà hay được ?

Khăn áo không tề chỉnh, trong người không sạch sẽ, không xông trầm không đàn chính vì lý do nâng cao nghệ thuật.

Không gặp tri âm cũng không đàn, vì đàn lên ai là người nghe, ai là người thấu được tâm trạng của mình qua tiếng đàn.

Nhân đây, tôi xin phép nhắc lại sự tích Bá Nha, Tử Kỳ, mặc dầu tích này bạn đọc đều thừa biết, nhưng nhắc lại để chứng tỏ đàn mà có tri âm, người chơi đàn mới thật là mãn nguyện.

SỰ TÍCH BÁ NHA, TỬ KỲ

Bá Nha người nước Tống làm quan đến chức Thượng Đại Phu, chơi đàn rất giỏi, nhưng chưa gặp người hiểu đàn để thưởng thức ngón đàn tuyệt diệu của mình. Một ngày kia Ông đi Sứ nước Sở về, qua một quãng sông, gặp đêm trăng trong, gió mát, lại thêm cảnh vật nên thơ, Ông cho ghé thuyền vào bờ sông Hàm Dương lấy đàn ra gảy. Lúc ấy ở trên bờ sông có Tử Kỳ vừa đốn củi về, nghe tiếng đàn dừng lại nghe trộm. Bá Nha đang gảy đàn, đàn bỗng đứt dây. Bá Nha đoán có người nghe trộm tiếng đàn của mình, và Ông nghĩ, quãng sông vắng vẻ, rừng núi chập chùng, kẻ nghe trộm đàn ắt không phải thiện nhân. Ông cho quân sĩ lên bờ tìm bắt. Tử Kỳ lên tiếng nói:

— Tôi là người đốn củi, qua đây, thấy đại nhân gảy khúc đàn hay nên lắng tai nghe, tôi thật không phải kẻ bắt lương.

Bá Nha không tin một gã tiểu phu lại thưởng thức nổi tiếng đàn của mình, hỏi lại :

— Vừa rồi ta đàn bản gì ?

Tử Kỳ đáp ngay :

— Ngài đàn bản Đức Khổng Tử thương tiếc thầy Nhan Hồi.

Thấy Tử Kỳ am hiểu tiếng đàn của mình, Bá Nha có lòng trọng, mời xuống thuyền, rồi lên dây gảy một bản đàn khác. Trong lúc đàn, Bá Nha nghĩ đến non cao, Tử Kỳ khen hay và nói :

— Tiếng đàn cao vút, chí của Ngài vọi vọi ở chốn non cao.

Bá Nha lại đàn một bản khác, tâm trí nghĩ đến giòng nước chảy, Tử Kỳ lại khen hay :

— Chí của Ngài cuộn cuộn như giòng nước chảy.

Thấy Tử Kỳ biết thưởng thức ngón đàn của mình, Bá Nha nhận thấy thiệt là tri âm và quý mến lắm. Hai người cùng nhau đàm đạo về đàn, về nhạc thân mật và tương đắc.

Bá Nha muốn mời Tử Kỳ cùng về Kinh đô nước Tống với mình để cùng chung hưởng sang giàu, nhưng Tử Kỳ từ chối vì còn cha mẹ già phải phụng dưỡng, không thể bỏ cha mẹ ra đi, trái đạo làm con.

Hai người hẹn nhau đến năm sau cùng hội ngộ ở nơi này.

Năm sau, y hẹn, Bá Nha xin phép vua Tống

trở về thăm nhà, đi qua chỗ cũ đem đàn ra gảy. Đàn gảy lên, Bá Nha không thấy Tử Kỳ, tiếng đàn lại nghe như sâu não oán than. Bá Nha nghi hoặc, tìm đến nhà Tử Kỳ, hỏi ra mới biết Tử Kỳ đã chết. Bá Nha buồn rầu thương tiếc, xin đến má để thăm người bạn tri âm lần chót.

Đến mộ Tử Kỳ, Bá Nha đem đàn ra gảy một bản đàn ai điều nghe bi thảm não nuột sau khi đã bày đồ lễ trước nơi an nghỉ cuối cùng của người tri kỷ. Bá Nha khóc than thảm thiết và khi đàn xong, Bá Nha đập vỡ đàn, thề trọn đời không đàn nữa, vì người duy nhất biết thưởng thức đàn của mình là Tử Kỳ đã chết.

Qua sự tích trên, phải nhận rằng, chơi đàn đã là một cái thú, gặp người biết thưởng thức ngón đàn của mình lại càng thú hơn.

BÁT TUYỆT

Đàn hay, khách chơi đàn cần phải có tri âm và khi đã đạt tới mức của Bá Nha, ngón đàn thật là tuyệt diệu.

Theo người xưa, cái tuyệt trong đàn có tám điều gọi là *Bát tuyệt*, và tám điều này, đạt được thực ra rất hiếm người.

Bát tuyệt là :

Thanh : Đàn hay, người chơi đàn khiến được tiếng đàn. Gặp cây đàn tiếng đục, lúc chơi tiếng cũng hóa trong.

Kỳ : Đàn hay thật là kỳ ảo, biến hóa vô cùng trong đục rõ rệt và nghĩ tới đâu, tiếng đàn như theo tới đó, như khi Bá Nha đàn cho Tử Kỳ nghe, lúc lên non cao, lúc theo giòng nước.

U : Tâm hồn người chơi đàn nằm trong tiếng đàn nếu có chuyện gì u trầm, trong tiếng đàn có thể hiện ra. Sách xưa ghi lại truyện Đức Khổng Tử đánh đàn. Lúc Ngài đang đàn, có thầy Tăng Tử và thầy Tử Cống đứng bên cửa nghe. Khi Ngài đàn xong, thầy Tăng Tử nói rằng : « Trong tiếng đàn dường như có tham ý, sao mà bất nhân thế ! »

Thầy Tử Cống nhắc lại lời thầy Tăng Tử với đức Khổng Tử. Ngài bảo rằng :

— Sâm (tên húy của thầy Tăng Tử) thật là người hiền trong thiên hạ, đã quen thắm âm rồi. Khi ta đang đàn có một con chuột chạy ra, con mèo thấy, mắt lăm le, chân nhẹ nhẹ rình bắt con chuột, ta muốn cho bắt được, điều muốn của ta đã hiện trong tiếng đàn.

Nhã : tiếng đàn vui vẻ mà hòa nhã, không hấp tấp, lụp chụp.

Bi : Trong tâm có điều gì bất như ý, tiếng đàn nghe sầu não ai oán.

Tráng : Gặp việc đắc ý, tiếng đàn nghe mạnh mẽ hùng hào.

Du : Ý người đánh đàn ở non cao hay vực

thăm tiếng đàn biểu hiện được nơi đó hoặc cao xa hoặc thăm thẳm.

Trường : Ý người đánh đàn tại chỗ sâu xa, tiếng đàn nghe dài đặc, cuộn cuộn như giòng nước.

Chơi đàn đạt được bát tuyệt, ngón đàn thật là tinh vi, và người sành đàn được thưởng thức tài nghệ tuyệt diệu này cũng lấy làm thú vị.

NHẠC KHÍ

C hơi nhạc, người sử dụng nhạc khí này, người sành nhạc khí khác, mỗi cây đàn, cây sáo, cây nhị, âm thanh mỗi khác. Tình cảm của người chơi nhạc biểu lộ qua cung đàn, điệu sáo, nhưng mỗi ngón đàn nhạc lại nói lên một cách tâm hồn của người chơi cũng như lại diễn tả một tính tình khác nhau? Có tiếng đàn gảy nên những khúc hùng tráng mạnh mẽ, có tiếng đàn tạo nên những điệu êm đềm mơ mộng nhẹ nhàng. Có người chỉ giỏi về một cây đàn có người tài nghệ có thể diễn hiện trên đôi ba nhạc khí.

Nhạc khí của ta rất nhiều từ đàn đến sáo, từ sáo đến nhị, — ở đây tôi không nói tới những loại thanh la, nào bát, chuông, trống, chiêng, khánh, thường chỉ được sử dụng trong những cuộc tế lễ.

Dưới đây xin nói qua về mấy nhạc khí chính

tôi được biết hoặc qua các sách vở hoặc được thấy bạn bè đã từng dùng trong những buổi hòa nhạc.

CÁC LOẠI ĐÀN

Ta chơi nhiều loại đàn, có thứ hoàn toàn Việt Nam, có thứ do nước ngoài du nhập vào.

ĐÀN BẦU. — Cây đàn hoàn toàn Việt Nam, nặng tính chất Việt Nam nhất phải kể là cây đàn bầu. Đàn bầu được chế hóa một cách hết sức giản dị, và chỉ có một dây, do đó đàn còn có tên là độc huyền cầm.

Dây đàn căng thẳng trên trống đàn, một đầu dây buộc chặt vào trống đàn, còn một đầu buộc vào cây trụ bằng tre. Cây trụ dùng để nhấn âm thanh khi nhạc sĩ gảy đàn. Đàn không ngựa, không phím, và trên mặt trống đàn chỉ có ba vạch trắng, chia đàn làm bốn cung thay vì năm cung như các đàn khác. Các nhạc sĩ thành thạo, không cần đến các vạch trắng, họ đã hiểu cung nào ở chỗ nào.

Trống đàn làm bằng một thứ gỗ đục rỗng thường cỡ 1m20x0,12x0,16.

Tuy đàn chỉ có bốn cung, nhưng mỗi cung có thể tạo ra rất nhiều âm thanh và tiếng đàn nghe tha thiết buồn buồn, một thứ buồn êm ái quyến rũ, đôi khi đến nỗi nung nung để thấm lặn vào tâm hồn con người.

Người xưa cho những bản nhạc của đàn bầu là tục nhạc, là dân thanh vì tiếng nhạc dễ gọi u

hoài và tạo niềm sâu cảm.

Ca dao có câu :

Làm thân con gái chớ nghe đàn bầu.

Đàn bà con gái bị cấm nghe đàn bầu chính vì sức quyến rũ của những bản đàn.

Những lúc đêm khuya thanh vắng, tiếng đàn như rót vào tâm hồn con người và có một sức khêu gợi mãnh liệt, người có tâm sự buồn nghe đàn càng buồn thấm thía, trách chi những thiếu phụ, nữ lang sống cô độc trong khuê phòng làm sao tránh khỏi ảnh hưởng của âm thanh sâu man mác và đầy quyến rũ.

Nhớ lại hồi nhỏ tôi đã được nghe một tay đàn bầu, vừa đàn vừa ca bài *Tiến chân anh Khóa* của Á Nam. Nhạc sĩ đã khéo diễn tả cái cảnh chia ly trên cung bậc với những tiếng đàn nỉ non thánh thót, người nghe như có cảm tưởng đang sống trong một cảnh chia ly :

Anh Khóa ơi ! Em tiến chân anh đến tận bến tàu,

Hai tay em đỡ cái khăn trầu em lấy đưa anh.

Tay cầm trầu giọt lệ chạy quanh,

*Anh soi một miếng cho bỏ chút tình em nhớ
thương.*

*Anh Khóa ơi ! Cái bước công danh ngoắt ngoéo
đủ trăm đường,*

Anh đi một bước tấm gan vàng em xẻ làm hai.

Kìa người ta bè bạn vui cười,

*Hai anh em ta thương nhờ chỉ ngậm ngùi mà
đứng thương nhau!*

Bài hát của nhà thơ đã đi sâu vào tâm khảm người nghe lại thêm tiếng đàn rầm rứt như than vãn náo nê, ôi buồn sao buồn vậy!

Đàn bầu dễ nắm và người chơi ngồi thẳng, một tay gảy, một tay cầm cây trụ để điều khiển âm thanh.

Đàn bầu thường chỉ độc tấu, vì đàn rất khó hòa âm với các đàn khác. Chính vì tiếng đàn độc tấu nên nghe càng như rền rĩ nỉ non, và do đó sức kêu gọi, quyến rũ càng mạnh.

Khách tài hoa nhiều người chơi đàn bầu, nhưng đặc biệt xầm chợ thường dùng đàn này để xướng ca làm kể độ nhật.

NHỊ hay ĐÀN CỜ .— Nhị cũng là một nhạc khí hoàn toàn Việt Nam, và được gọi là đàn cờ ở miền nam. Gọi là đàn, nhưng khi chơi nhị, tài tử không phải gảy vào dây hay đánh vào thỏi ở trên như các loại đàn khác, mà dùng mã vĩ cọ sát vào hai dây nhị. Nhị hơi giống vĩ cầm của Tây phương, và sự phát thanh của nhị cũng như của vĩ cầm.

Nhị còn có tên là Hồ cầm. Nhị có bốn phần: thùng, cần, ngựa và dây.

Thùng nhị làm bằng một khối gỗ đục rỗng và được bịt bằng một miếng da trâu ở trên mặt. Một con ngựa được gắn trên trống thùng, để căng hai dây qua.

Cần nhị dài chừng nửa thước và cắm chặt vào thùng. Hai dây nhị được buộc từ đầu cần xuống tới ngựa, những dây này ăn vào hai trục đề lên dây, và luồn qua một cái khuyết ở giữa cần, khuyết là một vòng đồng.

Như trên đã trình bày, chơi nhị, phải dùng mã vĩ cọ sát vào dây nhị. Mã vĩ làm bằng đuôi ngựa hoặc bằng tóc buộc vào một cung tre, dây mã vĩ được đặt vào giữa khe của hai dây nhị. Khi chơi nhị, cầm chiếc cung tre kéo mã vĩ. Sự cọ sát giữa mã vĩ và dây nhị tạo nên âm thanh và âm thanh được rung mạnh trên một mảnh cây tùng hìrông.

Chơi nhị gọi là kéo nhị. Những nghệ sĩ tài hoa khi kéo nhị, tiếng nhị nghe êm ái hòa với các tiếng đàn khác. Những người mới tập, khi kéo nhị, âm thanh phát ra như xé vào tai với những tiếng the the chất chứa.

ĐÀN CẦM.— Cầm là một loại đàn cổ từ Trung Hoa truyền sang ta. Theo sách cổ để lại thì đàn do vua Phục Hy sáng chế ra đầu tiên. Sách kể lại rằng : « Xưa vua Phục Hy thấy chim Phượng Hoàng đậu trên cây Ngô đồng, ngài cho cây Ngô đồng là loại cây quý nhất, nên ngài sai đốn ngã cây Ngô đồng xuống cưa làm ba khúc, và gõ thử từng khúc một : khúc ngọn tiếng quá trong, khúc gốc tiếng quá đục, chỉ có khúc giữa đủ tiếng nặng nhẹ đục trong. Nhà vua đem ngâm khúc giữa này ở dòng nước chảy 72 ngày rồi sai người thợ khéo

là Lưu Tử Kỳ để ra làm thành đàn đặt tên là *Diêu Cầm*. Đàn dài ba thước sáu tấc sáu phân, trước rộng tám tấc, sau hẹp bốn tấc, trục ngọc, phím vàng. Đàn có 13 phím, 5 dây.

Về sau, Bá Ấp Khảo con vua Văn Vương nhà Chu thêm một dây, đến đời vua Võ Vương lại thêm một dây nữa. Bảy dây của đàn cầm mang tên : cung, thương, giốc, chủ, vũ, văn, võ.

Qua những dòng trên, lúc đầu đàn cầm chỉ có bảy dây nhưng về sau các nhà sành nhạc thêm bớt đặt ra đàn này đàn khác từ một tới chín dây : Nhất huyền cầm, tam huyền cầm, ngũ huyền cầm v. v...

Chơi đàn cầm có nhiều bài, và danh tiếng nhất là khúc *Phụng cầu Hoàng*.

Sử sách chép lại, những tay chơi đàn cầm hay thừa xưa là Bá Ấp Khảo, Bá Nha, Tư Mã Tương Như v. v...

Theo ông Thạc Nhân trong Xã Hội Nguyệt san số 6 xuất bản tháng 4 năm 1966, đàn cầm là đàn *Nguyệt Cầm*, còn gọi là đàn kim, tương tự như đàn Mandoline của Tây phương. Đàn nguyệt cầm này khác hẳn đàn cầm của vua Phục Hy. (1)

ĐÀN SẮT. Cầm sắt thường đi đôi với nhau, cả hai đều dùng dây tơ. Theo sách cũ chép lại thì đàn sắt nguyên của Bào hi Thị sáng chế ra, dài

Thạc Nhân. — Xã hội Việt Nam với vấn đề Lễ Nhạc.

bảy thước hai tấc, hai mươi lăm dây.

Ông Thạc Nhân trong bài dẫn trên có đề cập tới *Dương cầm sắt* và ông viết :

« Dương cầm sắt là một thứ cổ nhạc khí của
« đồng bào người Việt gốc Miên. Đàn được cấu
« tạo bởi những thanh sắt đẹp, đặt khít nhau trên
« một cái đàn bán cung, theo thứ tự âm thanh từ
« thấp lên cao. Mỗi thanh sắt là một âm. Người
« chơi đàn luôn luôn ngồi thẳng hai tay cầm hai
« thanh gỗ có mấu đánh cùng một lần xuống những
« thanh sắt. Do đó mỗi lần gõ đều có một hợp âm
« bởi hai thanh. Đặc biệt sự chế biến âm thanh
« cho dương cầm sắt này là người ta đục rỗng ở
« dưới thanh sắt nhiều ít tùy theo mỗi âm thanh...»

ĐÀN TRANH.— Đàn tranh bằng gỗ đục rỗng lòng máng, có 16 dây, 16 dây này tùy theo nhu cầu của âm thanh, căng chùng, dài ngắn khác nhau và tất cả đều bằng đồng. Những dây này máng trên những ngựa gắn vào khoảng giữa thùng đàn. Người chơi đàn phải ngồi thẳng, dùng đầu ngón tay phải có mấu những mấu sắt mà gảy, giống như người chơi Hạ Uy cầm ; tay trái nhấn trên các sợi dây để lưạ âm thanh.

Theo sách xưa đề lại, đàn tranh dài sáu thước, mười hai dây, cao ba tấc.

ĐÀN TỶ BÀ.— Đàn *Tỷ Bà* có bốn dây, gồm một thùng đàn trông tựa tựa như thùng đàn

Mandoline nhưng nhỏ hơn. Đàn có 14 phím gắn trên thùng từ gần lưng chừng thùng đến hết cần đàn, mỗi phím là một âm thanh. Âm thanh dài ngắn tùy theo tay nhấn vào phím. Chơi đàn, nhạc công phải ôm đàn vào lòng, tương tự như chơi mandoline ngày nay. Âm thanh được tạo ra bởi tay gảy vào dây, dây rung lên.

Người xưa cho đàn tỳ bà nguyên người Hồ làm ra, do đó còn mang tên là *Hồ cầm*. Người Hồ khi đi ngựa thường chơi đàn này, lấy tay nẩy ngược lên kêu là *Tỳ*, nẩy xuôi xuống kêu là *Bà*, đàn được đặt tên là *Tỳ bà* vì vậy. Đàn *Tỳ bà* được người xưa trở gỗ Ngô đồng ra mà làm, bụng như rùa, cổ như phụng.

Từ đời nhà Nguyên tới nay, đàn *Tỳ bà* làm bằng gỗ, đầu cong, cổ dài, có bốn trục vặn bốn dây, ở giữa có 14 phím.

DƯƠNG CẦM.— Đàn còn mang tên là *Đả cầm* hình như trái cật, dài 1 thước 5 tấc, bề ngang một thước (1), có 42 dây đồng, chia làm 14 bậc, mỗi bậc 3 dây.

Khi chơi đàn, để đàn trước mặt dùng hai thanh tre có mấu mà đánh, do đó gọi là *đả cầm*.

Đàn này mới có từ đời nhà Thanh.

Tại Việt Nam còn có *Dương cầm sắt* đã nói ở trên, *Dương cầm gỗ* cũng giống như *Dương cầm*

(1) Thước tấc đây là thước tấc của ta thời xưa.

sắt chỉ khác ở chỗ những thanh sắt đục rỗng được thay thế bằng những thanh gỗ cứng, dày mỏng tùy theo nhu cầu của mỗi âm thanh, *Dương cầm tre* với những thanh tre thay những thanh sắt. Ngoài ra lại còn *Dương cầm đồng* trình bày và cấu tạo cũng gần như các dương cầm trên, nhưng « có điểm đặc biệt là thay vì những thanh sắt hay gỗ, người ta làm những chiếc chiêng đồng nhỏ, dày mỏng cũng tùy theo nhu cầu của mỗi âm thanh. Lối chơi cũng như các dương cầm trên » (1).

ĐÀN NHẬT.— Đàn này, ngoài Bắc Việt còn gọi là *đàn tứ* vì có bốn dây. Thùng đàn hình tròn như mặt trời, cần dài 7 tấc, mặt thùng rộng 8 tấc. Đàn có 10 phím, 4 dây, 2 dây chập một.

ĐÀN NGUYỆT.— Đàn nguyệt hình mặt trăng, còn được gọi là Nguyệt cầm. Ông Thạc Nhân đã nhầm đàn này với đàn Cầm.

Đàn này thùng rộng tám tấc rưỡi, dày một tấc rưỡi, hoàn toàn kín, cần dài 1 thước 7 tấc, 8 phím, 4 dây, hai dây chập một như đàn nhật. Người sử dụng đàn có tài chỉ cần 2 dây. Mỗi phím có thể có 4 âm thanh tùy theo tay rung mạnh hay yếu trên dây, nhờ đó đàn có những biến âm rất êm tai và quyến rũ.

ĐÀN TAM.— Tên đàn do ba dây của đàn. Đàn giống như đàn Nguyệt nhưng bé hơn. Thùng cũng

(1) Thạc Nhân .— Tài liệu đã dẫn.

bằng gỗ, rộng năm tấc, dày hai tấc, hai bên bịt bằng da trâu thay vì bằng gỗ mỏng như đàn Nhật và đàn Nguyệt. Cần đàn dài một thước năm tấc, có ba trục để nín ba dây ; giữa mặt đàn có con ngựa, dây căng qua, và dây cũng luôn qua một chiếc khuyết ở giữa cần như dây nhị, chiếc khuyết này bằng ngà hay bằng xương có xoi ba lỗ cho ba dây. Khi chơi đàn, nhạc sĩ ngồi xếp bằng, kê đàn trên đầu gối chân mặt, tay trái ôm cần mà nhấn trên dây, tay mặt cầm một miếng ngà dài chừng hai tấc, rộng chừng tám phân hoặc miếng đồi mồi mà gảy.

ĐÀN CẦM NAM.— Đây là một cây đàn đặc biệt, có thể ăn theo với mọi điệu hát cung cao và cũng là một cây đàn hoàn toàn Việt Nam. Theo tài liệu của cụ Hoàng Yến trong *Cầm học tầm nguyên* đăng trong Nam Phong tạp chí số 47, tháng 5-1921, thì đàn này do Luàn Quốc Công, tên húy là Dục đặt ra. « Ngài là một tay rất mực phong lưu, tinh thông « nhã nhạc ; phàm điệu hát, câu hò, khúc lý, về tay « ngài sửa sang lại, phần nhiều Ngài thấy điệu hát « mình cung cao lắm, đờn xưa ít ăn theo, Ngài « mới hiệp cả Cầm, Sắt, Tỳ Bà lại một, chế ra một « cây đàn mới, kêu tên là *Nam cầm*. Đờn này thùng « dày, hình như quạt lá vả, cần dài 3 thước, tám « dây. Nam Bắc truyền bá ai cũng cho là hay.»

ĐÀN ĐÁY. Đàn đáy còn được gọi là *đàn nhá*

trò, vì được dùng nơi cầm ca, do các kếp gảy khi ca nhi hát ả đào. Đàn mặt sau khoét rỗng, nên còn được gọi là *vó để cầm*. Đàn thùng vuông, cần dài ba thước và cũng có ba dây, căng từ cuối thùng đàn lên đầu cần đàn, nơi có ba chiếc trục để vặn ba chiếc dây, hình thức gần như đàn cầm nam. Có người cho rằng đàn đáy chính là biến thân của đàn cầm nam mà hình dáng được sửa đổi lại.

Đàn đáy gảy theo điệu hát của các ca nhi, cao thấp mau chậm, nhịp khoan tùy theo điệu hát, thật là hay. Ngày xưa, người Nghệ An chơi đàn đáy rất tuyệt diệu, được tiếng khắp trong nước, và trong các tài tử có Cửu Đạm đàn thật cao nên ngày nay nhắc tới, những người quán ở tỉnh này còn nhớ.

Tương truyền rằng đàn đáy do ông Lý Thiệt Quài, một vị trong bát tiên sáng chế ra : Xưa có hai vợ chồng nhà đốt than ăn ở rất nhân từ mà vẫn nghèo, cho đến một hôm được một ông già cho một cây đàn và bảo hai vợ chồng tập đàn ca sẽ giàu có.

Hai vợ chồng mang đàn về nhưng không biết đàn, lại tìm đến ông già ấy dạy cho hàng ngày cho tới khi biết sử dụng đàn. Vừa hay lúc ấy gặp ngày lễ Vạn thọ vua Hán Vũ Đế. Hai vợ chồng đến đàn hát.

Bây lời vua Vũ Đế có ông Đông Phương Sóc, nghe tiếng đàn thấy điệu quen, đã từng được nghe. Hỏi thì hai vợ chồng nhà này nói rõ đầu đuôi và tả hình dạng ông già. Đông Phương Sóc

lúc đó mới nhớ lại là bản đàn của Lý Thiết Quài gảy ở cung tiên. Do sự tích trên mà sau này tại các làng có nghề nhà trò, khi cúng tế, thường tế vua Hán Vũ Đế, ông Đông Phương Sóc và ông Lý Thiết Quài, như ở Làng Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh vậy.

* * *

Trên đây là mấy loại đàn được ta thường dùng ngày trước, và cho tới ngày nay cũng không có mấy thay đổi đối với cổ nhạc.

Nói cho đúng, đàn không thay đổi, không có nhạc cụ mới, — tôi không nói tới những cây đàn Tây phương. — mà cả đến bản đàn cũng rất ít bản đàn mới. Nhạc độ ở nước ta xưa thấp kém lắm, các bản nhạc phần nhiều chịu ảnh hưởng của Trung Hoa và Chiêm Thành, ngoại trừ những bản hòa với dân ca đầy màu sắc dân tộc.

Các nhà chơi đàn của ta xưa, trong các cây đàn nêu trên, thường lấy 5 cây đàn làm ngũ điệu: Đàn Tranh, đàn Nguyệt, đàn Tý Bà, Nhị và đàn Tam. Các tài tử phong lưu xuất sắc thường biết chơi cả năm cây đàn trên.

CÁC LOẠI SÁO

Đàn nhị thường đi với sáo. Trong một phường bát âm không thể không có sáo được. Tiếng sáo hòa với tiếng đàn khiến khúc nhạc càng êm ái và

càng diễn tả rõ cái hay của bản đàn. Tiếng sáo bao giờ cũng thanh nhã. Tiếng sáo tạo nên do không khí chịu hơi thổi mà ra.

Sáo cũng có nhiều loại với nhiều tên khác nhau, có thứ thổi ngang, có thứ thổi dọc. Dưới đây là mấy loại sáo đã được cụ Hoàng Yến nhắc tới trong Cầm Học tâm nguyên.

HOÀNG .— Hoàng là 1 ống sáo có cái lưỡi gà, khi thổi tiếng phát ra do cái lưỡi gà, và âm thanh trầm bổng tùy theo các lỗ sáo.

TIÊU.— Tiêu bằng trúc có sáu lỗ, năm lỗ ở mặt trước và một lỗ ở sau.

Tục văn hiến thông khảo nói rằng ống Tiêu được chế ra từ đời nhà Minh, dài một thước chín tấc năm phân, tròn ba tấc, đầu ống khoét một lỗ gọi là Sơn khẩu.

Ống Tiêu ta hiện thổi bây giờ hình thức cũng vậy nhưng nhỏ và ngắn hơn.

ĐỊCH.— Dịch có bảy lỗ tức là ống sáo ta thổi bây giờ.

QUẢN.— Nhạc khí này ta thường gọi lầm là Dịch. Quản chế ra từ đời nhà Đường có bảy lỗ, được gọi là *thất tinh quản*, lại có một lỗ ở bên cạnh, lỗ này thường được dán lại bằng lụa ruột cây tre để cho tiếng reo lên, là *trợ thanh*. Ngày nay khi thổi sáo, ta thường lột lụa mo cau hoặc lụa củ hành mà dán lỗ này.

TRÌ.— Trì giống như ống Địch có đáy, thổi ngang, sáu lỗ.

HUÂN.— Đây chính là cái còi bằng đất có 2 lỗ, một lỗ thổi hơi vào, một lỗ là lối hơi thoát ra tạo nên tiếng còi.

Cái Huân người xưa làm bằng đất to, như trứng gà, tròn năm tắc rưỡi, dài ba tắc, sáu lỗ.

KÈN

Kèn cũng là một nhạc khí mà âm thanh tạo nên do hơi thổi làm chuyển động không khí trong kèn. Kèn thường như một ống loa, trên thân kèn có những lỗ, số lỗ nhiều ít theo nhu cầu của âm thanh, mỗi lỗ có hai âm thanh cao và trầm.

Miếng kèn nhỏ như một tổ sâu, có cái lưỡi gà để tạo âm thanh. Kèn phải thổi dọc.

Xưa kèn chỉ thường được dùng trong việc tế lễ, nhất là tang lễ. Tang lễ có một loại kèn riêng gọi là kèn đám ma, thổi lên kêu *tò te tí te*, tiếng thật là buồn, nhất là đêm hôm, khi con cháu khóc người chết có đệm tiếng kèn thật là ảo não.

SINH TIỀN

Đây cũng là một nhạc khí Việt Nam làm bằng hai thanh gỗ gắn vào nhau, trên mỗi thanh gỗ có lồng những đồng tiền đồng, do đó tên là *sinh tiền*. Nhạc sĩ sử dụng sinh tiền đập mạnh, tiếng những

đồng tiền chạm vào nhau vang lên để tăng nhịp điệu cho bản nhạc được hòa âm bởi các nhạc khí khác. Các thanh niên chơi sinh tiền trong phường bát âm thường có những điệu bộ như điệu múa, và đôi mắt đưa theo những đồng tiền lên xuống và chạm vào nhau trông thật khả ái.

PHÁCH

Phách làm bằng hai thanh tre dùng để đánh vào nhau theo nhịp đàn và làm nhịp cho câu hát. Các ả đào khi hát thường đánh phách.

BÁT

Đây chính là chiếc bát lớn dùng để gõ nhịp khi có ca hát đàn địch.

TRỐNG

Trong các buổi tế lễ thường có tiếng trống và trống dùng trong những dịp này thường là thứ trống to.

Trống có nhiều loại, mỗi loại được dùng một cách riêng, có loại dùng một dùi trống, có loại dùng hai dùi trống, và có loại chỉ cần bàn tay vỗ vào mặt trống là phát ra âm thanh.

Trống bao giờ cũng hình ống có khi hai đầu và giữa bằng nhau, có khi ở giữa khum khum, hai đầu nhỏ hơn. Trống có hai phần :

Thành trống.— thường bằng gỗ, — đây là tôi nói riêng về trống Việt Nam, — những trống phương tây ngày nay du nhập vào nước ta, thành bằng kim khí. Thành trống thường rỗng giữa.

Mặt trống.— Ở hai đầu thành trống, được bịt bằng da, ta thường dùng da trâu. Hai đầu bịt này là hai mặt trống.

Đánh trống phải có dùi, dùi to nhỏ tùy theo loại trống.

TRỐNG CÁI.— Đây là loại trống đại, thường đình làng nào cũng có. Trống này bề cao có khi tới hai thước và mặt trống có khi rộng tới một thước. Trống dùng để điểm vào trong các cuộc tế lễ, cùng đi với tiếng chiêng.

Trong những đám rước, trống cái phải có hai người khiêng và một người thứ ba đánh trống.

Những khi làng có hát thờ thần, thường có một vị chức sắc ngồi cầm chầu đánh trống, mỗi khi có điều gì đáng khen lại đánh một tiếng trống.

Trong đám tang cũng có khi có trống cái, trống đánh nhất gừng tiếng một dẫn đầu cho đám tang.

TRỐNG CƠM.— Trống cơm là một loại trống hoàn toàn Việt Nam, mình dài và nhỏ, khi đánh trống không dùng đến dùi mà dùng hai bàn tay vỗ vào hai mặt trống. Trên hai mặt trống, lúc chơi thường có hai nắm cơm nếp nhỏ, có lẽ do hai nắm

cơm nếp này mà trống được mang tên là trống cơm. Cũng có nơi «như làng Đình Bảng, làng Phù Đổng, tỉnh Bắc Ninh chẳng hạn, nhạc công lại không bao giờ đình cơm nếp lên mặt trống, họ chỉ để nguyên da trống như vậy trong lúc biểu diễn mà thôi.» (1)

Trống cơm được coi là một nhạc cụ cần thiết trong các phường nhạc bình dân. Từ những bản nhạc dạo hành khi rước thần hoặc đưa ma đến những đám hát chèo ta đều nghe có tiếng trống cơm, và bao giờ tiếng trống cơm cũng giữ nhịp cho điệu nhạc.

Tiếng trống cơm nghe cũng đặc biệt, *bùng bập bùng*, không trong lanh lảnh và cũng không trầm như chìm xuống. Tiết điệu trống cơm thật là phong phú và cách biểu diễn tiết tấu cũng rất tài tình. Tiếng trống cơm với tất cả những âm thanh trầm bổng như nặng hờn dân tộc bên trong.

TRỐNG BÙNG.— Có ai đã dự một cuộc thi vật ở các hội quê miền Bắc chưa? Và có ai đã dự một buổi đánh cờ bời hoặc đánh cờ người trên sân khấu chưa? Đã dự những cuộc này, ắt phải để ý tới một người cầm một chiếc trống nhỏ có cán đi sát các đấu thủ gõ lên những tiếng *tong tong tong* để khuyến khích các đồ vật hoặc thúc dục các kỳ thủ khi cuộc vật đi vào lúc gay cấn hoặc khi các kỳ thủ đang nghỉ

(1) Nguyễn tiến Chiêu.— Trống cơm. — Bách khoa số 67, đề ngày 15-10-1959

nước cờ. Tiếng trống thúc dục này đánh trên *trống bưng*. Có lẽ gọi như vậy vì người sử dụng phải bưng chiếc trống trên tay, mặc dầu bưng đây không đúng hẳn nghĩa, vì trống được cầm bằng một chiếc cán ở tay trái, còn tay phải cầm dùi trống đánh vào mặt trống.

Trong các buổi cúng lễ của các pháp sư đạo Lão, ngoài tiếng tiu, tiếng cảnh cũng có tiếng trống bưng. Trống bưng còn được gọi là *trống khầu*.

TRỐNG ẾCH.— Đây là một thứ trống của trẻ em chơi. Ở nhà quê, khi ăn thịt ếch, người ta lột da, và có người dùng da ếch bịt lên một ống tre, một khúc gỗ nhỏ khoét rỗng, phơi khô cho trẻ em chơi làm trống gọi là *trống ếch*. Danh từ trống ếch về sau được dùng để chỉ loại trống nhỏ, mặt cũng bịt bằng da trâu, dùng cho các trẻ em chơi trong những khi chơi tế lễ rước xách, nhất là khi có mùa sư tử vào dịp Trung thu ở miền Bắc.

Hồi năm 1945, khi Việt Minh nắm chính quyền tại các xã, họ đã tổ chức những đoàn nhi đồng và các đoàn này đã đánh trống ếch đi rước khắp làng tuyên truyền cho họ. Hồi đó, nhiều người chỉ nghe tiếng trống ếch là đủ sợ, tiếng trống ếch làm họ liên tưởng tới mọi sự giết chóc họ đã được chứng kiến.

TRỐNG BẢN.— Những phường nhạc đám tang có một loại trống riêng thành rất thấp độ hai tấc rưỡi ta, nhưng mặt lại rất rộng, đường kính trên

tám tắc. Tiếng trống nghe trầm và rất ăn với tiếng kèn. Trống này gọi là *trống bản*, và nôm na hơn người ta gọi là trống đám ma.

Trống Bản cũng như trống Cơm, khi sử dụng nhạc công phải dùng dây đeo qua vai và để trống phía trước mặt và đánh trống có hai dùi.

TRỐNG NGŨ BỘ. — Trống này giống như chiếc trống cái nhưng khuôn khổ nhỏ hơn, thành trống cao độ nửa thước, và mặt trống đường kính bằng hai phần ba thành trống.

Không hiểu tại sao lại gọi là trống ngũ bộ ? Phải chăng trống này hòa cùng với tiếng náo bạt đánh lên dịp năm, như phường trống ở làng Thị Cầu, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh. Phường trống này thường gồm bốn người, hai người đánh trống và hai người chơi *náo bạt*, mà người dân quê quen gọi là *chũm chọe*, vì náo bạt gồm hai mảnh bằng đồng hình tròn có núm, khi chơi đem hai mặt đánh vào nhau.

Trong những cuộc tế lễ hay rước xách ở làng Thị Cầu ngoài phường bát âm, có thêm phường trống này. Tiếng trống nghe dịp năm *tung tung cắc tung tung*, hòa với tiếng chũm chọe ăn theo thành những tiếng *dịch dinh dinh chọe*.

Nhạc công chơi trống cũng dùng quai, nhưng lại đeo thông ngang vai, để trống ở mé cạnh sườn. **Đánh** trống cũng phải dùng hai dùi.

Tại các nhà cô đầu, trống dùng để đánh châu đem theo câu hát, điệu đàn, tiếng phách là loại trống hình thê giống trống ngũ bộ, chỉ khác khi đánh trống, quan viên thường bịt mặt trống để tiếng trống nghe *tom tom* thay vì *tung tung*.

Ngoài mấy loại trống kể trên, còn nhiều trống khác như trống bỏi, trống thầy cúng v. v...

* * *

Đàn, nhị, sáo, sênh phách, kèn trống là những nhạc khí chính, thường ai cũng rõ, nhưng còn nhiều nhạc khí khác chỉ những người sử dụng mới hiểu như tiu, cảnh, lệnh, mõ, cồng, khánh v. v...

Tiu là một nhạc khí bằng đồng hình như cái bát, các thầy cúng thường đánh với cảnh tiếng nghe *cheng cheng*.

Cảnh cũng là một nhạc khí bằng đồng, gõ lên tiếng kêu cũng *cheng cheng*. Cảnh hình tròn vòng trong nổi cao hơn vòng ngoài. Khi sử dụng, thầy cúng dùng một chiếc dùi nhỏ gõ vào nơi vòng trong. Ở vòng ngoài, tức là vành cảnh có ba lỗ xỏ dây để mắc vào một chiếc khung tròn bằng sắt hoặc bằng đồng, chiếc khung này có cán. Lúc gõ cảnh, thầy cúng gõ thành những tiếng *chập cheng*, muốn tạo nên tiếng *chập*, thầy đưa tay giữ lấy chiếc cảnh. Tiếng cảnh hòa với tiếng ê a đọc kinh hoặc đọc sớ của thầy cúng.

Lệnh là một nhạc khí bằng đồng dầy vào khoảng

5 ly ngày nay, hình tròn đường kính độ 20 phân tây, khi gõ lên, tiếng kêu *beng beng*. Lệnh thường được dùng tại các làng quê để triệu tập những phiên họp của quan viên tại đình làng. Lệnh có một lỗ ở mép để xỏ dây vào, người đánh lệnh xách lệnh lên bằng dây này và gõ vào bằng một chiếc dùi.

Mô bằng gỗ hoặc bằng gốc tre, tạo nên những tiếng *cốc cốc*.

Cồng bằng đồng, hình tròn, ở giữa có núm tròn lồi lên, người ta dùng dùi đánh vào núm tròn này, vang lên những *boong boong*. Chung quanh cồng có vành cao độ ba bốn phân tây, hoặc ít nhiều hơn tùy theo cồng to hay nhỏ.

Khánh bằng đá hoặc bằng sành, gõ vào phát ra những tiếng *coong coong*.

Còn nhiều nhạc khí mà rất tiếc với kiến thức nông hẹp, người viết không đủ hiểu để diễn tả, hoặc không biết để nói tới được.

NHẠC Ở VIỆT NAM

Đã nói về cầm với các nhạc khí, chúng tôi thấy cũng nên nhắc qua tới các loại nhạc ở Việt Nam, — ở đây chúng tôi xin phép chỉ nói tới cổ nhạc.

Theo những nhạc khí, theo hoàn cảnh xã hội và qua sự trình bày của các phường nhạc, nhạc Việt Nam có thể chia làm hai loại : nhạc lễ và nhạc tiêu khiển.

NHẠC LỄ

Nhạc là một cái gì màu nhiệm thiêng liêng và người xưa cho rằng chỉ những thiên tài mới chế được ca nhạc, và do đó phương Đông chúng ta lại quan niệm rằng *nhạc là sự điều hòa giữa trời đất và nhạc hay cùng hòa chung với trời đất.*

Nhạc lại có thể cảm lòng người và thay đổi được phong tục. Lễ nghi không có nhạc thiếu vẻ trang nghiêm, và dễ giữ gìn mỹ tục, dễ bảo tồn lễ nghi, người xưa dùng nhạc trong các buổi tế lễ.

Nước Tàu về thời cổ vua chúa đặt ra nhạc phủ để trông coi việc tế tự và dạy bọn nhạc công (1).

Chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa, ngay từ ngày xưa, các vua chúa Việt Nam cũng dùng nhạc trong các cuộc tế lễ, và dần về sau trong các cuộc tế lễ tại các đình miếu, từ đường ở các vùng nông thôn Việt Nam, hoặc trong các đám ma, đám rước thần người ta có sử dụng các hội tiêu nhạc (2).

Về đời nhà Lê, vua Lê Thánh Tông đã sai các quan triều thần nghiên cứu âm nhạc Trung quốc, đặt ra bộ *Đồng Văn chuyên tập âm luật* để hòa nhạc và bộ *Nhĩ Nhạc chuyên dùng nhân thanh để xướng hát* (3). Hai bộ này được sử dụng vào các lễ

(1) Đỗ bằng Đoàn, Đỗ trọng Huệ.— *Việt Nam ca từ biên khảo* trang 23.

(2) Thạc nhân.— *Tài liệu đã dẫn.*

(3) Đào duy Anh.— *Việt Nam Văn Hóa Sử Cương.*

tế Giao Miếu và lễ triều hạ.

Rồi đến đời Lê Trung Hưng, các chúa Trịnh lại có đội bả lệnh dùng trong việc tang tế trong phủ Chúa cũng như ngoài dân gian.

Từ đời Quang Hưng (1578), nhạc khí dùng cho bộ Đồng văn và Nhã nhạc gồm một trống ngường thiên lớn, một kèn trúc lớn, một long sinh long phách (sinh tiền và phách có hình rồng), một cây đàn ba, bốn hoặc mười lăm dây, một ống sáo và một trống mảnh một mặt. Nhạc khí dùng cho đội bả lệnh gồm trống, mõ, trống tiền bông, kèn đại, kèn tiêu và kèn tổ sáo.

Hai bộ Đồng văn và Nhã nhạc từ đời này thường ít dùng đến, và về sau trong các cuộc tế lễ Giao miếu và lễ triều hạ, cũng như trong các buổi tế thần của dân gian người ta đều dùng nhạc của giáo phường, tức là thứ nhạc dân gian. Nhạc này ngày càng biến hóa, và bộ nhạc gồm *một cái nhịp dài bằng tre, do một cụ già gõ nhịp, một cái ống sáo, một cái quyền nhị, một cái trống cơm, một cái đàn đáy, mỗi người kép cầm một cái, còn đào thì cầm một cái phách, một cái sinh tiền, hoặc một cái trống mảnh một mặt dùng khi vừa hát vừa múa.* (1)

Ở miền Nam, âm nhạc của ta từ khi chúa Nguyễn vào khai thác, đã chịu ảnh hưởng âm nhạc Chiêm Thành và đã tạo nên những khúc nhạc cung

(1) Đào duy Anh.— Sách đã dẫn.

Nam trầm bi oán vọng, khác với những khúc nhạc linh hoạt cung Bắc. Nhạc miền Nam ngày càng phong phú thịnh vượng hơn, so với nhạc miền Bắc ngày một suy. Nhà vua có đội nhạc Thánh dùng trong việc tế tự, gồm những tay giỏi nhạc trong nước, sử dụng các nhạc khí cũng giống như miền Bắc, gọi là Đường ngoài.

Tới ngày nay, nhạc lễ cũng thay đổi nhiều, và trong các buổi tế lễ chỉ dùng những ban nhạc thu hẹp thường gọi là phường bát âm với các nhạc khí : nao, bát, bát, sinh tiền, kèn, trống nhỏ, đàn, nhị, sáo, một vài thứ đàn. Có phường có tám nhạc khí, có phường chỉ có năm sáu. Về đàn thì có khi là đàn nhật, có khi là đàn nguyệt, có khi là đàn tranh hoặc một thứ đàn khác, có khi hai ba thứ đàn.

Các bản nhạc dùng tới vui buồn thay đổi tùy trường hợp tế tự hoặc tang lễ.

Nói đến nhạc lễ cũng phải kể tới những buổi cầu đồng, hầu bóng tại các miếu điện vùng quê, mà ở đây có thầy cung văn vừa đàn vừa ca những bản châu văn với mục đích để đồng sớm nhập.

Trong những đám rước thần ở thôn quê bao giờ cũng có ban nhạc tham dự, không kể trống chiêng đi theo cờ tiết mao trên đầu đám rước. Ban nhạc gồm cả phường đồng văn lẫn phường bát âm. Phường đồng văn đi sau voi ngựa và đoàn chấp kích, thường gồm một người cầm trống khải, người này đứng đầu gọi là *cai đồng văn*, một người

cầm *thanh la*, hai người cầm *sinh tiền*, bảy hoặc tám người đánh *trống bản*. Có làng lại có thêm hai đứa con trai, ăn mặc giả gái, mỗi đứa đeo một cái *trống cơm*, gọi là *con đĩ đánh bông*.

Phường đồng văn này, hễ trống khêu, thanh la, sinh tiền khởi lên thì trống bản họa lại. Hai con đĩ đánh bông vừa đập trống vừa múa nhịp nhàng theo khúc điệu của những bản nhạc.

Phường bát âm đi sau phường đồng văn, hai phường cách nhau bởi cờ vía và gươm đàn mặt (1).

Phường bát âm thường gồm tám nhạc khí đã trình bày ở trên.

Tuy gọi là phường đồng văn và phường bát âm, nhưng thường là dân đinh trong làng, ít khi các làng xã phải nhờ đến những phường chuyên nghiệp. Các thanh niên trong làng, trong lúc mùa màng nhàn rỗi thường cùng nhau tập luyện âm nhạc trước là để tiêu khiển sau là giúp dân làng trong những cuộc tế lễ rước xách. Những chàng trai quê thường rất lấy làm hãnh diện được tham dự ban nhạc, nhất là phường bát âm trong những buổi tế thần cũng như trong khi đi rước. Trong những dịp này, các chàng trai được các cô gái làng chú ý. Các chàng cố đàn cho hay, sáo cho giỏi...

(1) Về nghi trượng đám rước, thứ tự cờ quạt đàn kiệu, trống chiêng v. v... xin xem **Tín Ngưỡng Việt Nam quyền** thượng trang 177 — 181. Nam chi tùng thư.

NHẠC TIÊU KHIỂN

Ngoài các buổi tế lễ, người ta còn dùng nhạc để tiêu khiển mua vui cùng nhau. Năm ba bạn trẻ, có khi do một người nhiều tuổi đứng đầu họp thành một ban nhạc, để cùng nhau luyện các bản nhạc và hòa tấu với nhau những khi gió sớm, lúc trăng chiều. Cũng có những người với một nhạc cụ, một cây đàn nhật hoặc cây đàn nguyệt, một cây nhị hoặc cây đàn bầu, khi nhàn rỗi vừa đàn vừa hát những bản nhạc mình ưa thích. *Những lúc thư nhàn, hoặc khi đêm khuya thanh vắng buồn bã một mình, thì mượn tiếng đàn làm tiếng giải muộn. Hoặc đàn nguyệt, đàn thập lục dạo một vài câu lưu thủy, hoặc gảy chơi một câu tứ đại, nam ai v. v... Tiếng đàn thánh tha thánh thót, ti ti như để kêu sầu cũng đủ tả tấm lòng ngao ngán.* (1)

Đem tâm tư gởi vào khúc nhạc, dùng nhạc để quên nỗi u buồn, dùng nhạc để nói lên niềm vui, nhạc thật là một thú tiêu khiển thanh cao tao nhã.

Trong các ban nhạc họp nhau để mua vui tiêu khiển các loại nhạc khí được dùng thường là : đàn kim, đàn nguyệt, đàn tranh, hồ cầm, sinh tiền, sáo, tiêu và trống nhỏ ; và các ban nhạc tài tử này cùng nhau hòa những bản nhạc thông dụng và được nhạc giới công nhận là có giá trị. Trong

(1) Phan kể Bính. — Việt Nam, phong tục, Đông Dương tạp chí 1914, 1915

các bản nhạc này, thường được phân chia thành hai loại : bản Bắc và bản Nam tức là những khúc nhạc cung Bắc và cung Nam như trên đã nhắc tới.

Nhạc cung Bắc. — Đây là những bản nhạc linh hoạt, một phần phóng tác theo nhạc Trung hoa, nhưng xoang điệu mang sắc thái Việt Nam. Thực ra cũng có những bản gốc Trung hoa, cũng có những bản gốc Việt Nam, ngày nay lẫn lộn, khó mà phân biệt. Mấy bản cung Bắc chính có thể kể :

Cổ bản : Một bản nhạc cổ rất nhiều xoang điệu. Nhạc nghe êm tai, nhưng nội dung không rõ là gì.

Lưu thủy : Lưu thủy là nước chảy. Bản nhạc gây cho thính giả một cảm giác êm ái, điệu nhạc như trầm lặng nhưng nhanh nhanh và buồn buồn.

Hành vân : Hành vân là mây bay. Qua hai chữ hành vân ta hình dung đám mây trôi xa xa giữa bầu trời xanh ngắt. Nghe bản nhạc hành vân, ta cảm thấy nhẹ nhẹ, êm êm, thanh thản.

Kim tiền : Bản nhạc gọi theo tên nhạc khí, kim tiền tức là sinh tiền dùng để đập nhịp. Nội dung và xoang điệu bản nhạc đi rất mạnh. Nghe bản nhạc, thính giả cảm thấy cái gì hăng hái, say sưa, mạnh mẽ. Trái hẳn với xoang điệu thanh thản của các bản lưu thủy, hành vân, xoang điệu bản kim tiền đi nhanh, dồn dập, réo rắt, hùng mạnh.

Bình bản : Bản này dung hợp cái chậm rãi và cái dồn dập của hai bản lưu thủy và kim tiền, xoang

điệu vừa mau vừa chậm, vừa trầm vừa hùng. Nội dung bản này có thể nói đoạn đầu là lưu thủy và đoạn sau là kim tiền.

Tầu mã: Bản này diễn tả nhịp ngựa phi, do đó vừa dồn dập, vừa nhanh, vừa mạnh. Điệu tàu mã thường được sử dụng trong các vở tuồng với những vai anh hùng, tráng sĩ.

Tứ đại cảnh: Tứ đại cảnh là cảnh của bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông trong một năm. Nội dung bản nhạc diễn tả cảnh sắc của bốn mùa. Bản nhạc này tuy được xếp vào các bản nhạc cung Bắc, nhưng nhiều người cho rằng tác giả bản nhạc này là vua Tự Đức vì các lẽ sau đây:

— Bản nhạc được phổ biến nhất nhiều ở Huế

— Vua Tự Đức là một nhạc sĩ có tài lại có tâm hồn nghệ sĩ, đàn giỏi, thơ hay.

Trên đây là những bản nhạc cung Bắc chính, ngoài ra cũng còn những bản khác như Phú lục, như những bản cổ của người Trung Hoa v.v...

Nhạc cung Nam. — Đây là những bản nhạc sản xuất ở miền Nam từ thời chúa Nguyễn, chịu ảnh hưởng rất nhiều các nhạc khúc Chiêm Thành. Từ nhạc thường buồn oán bi sầu, nhưng rất có giá trị. Dưới đây là các bản chính và luôn luôn được cầm giới sử dụng:

Nam ai: Nam ai là thương Nam, xót Nam. Đây

là bản nhạc buồn nhất, ai oán nhất trong các bản nhạc cung Nam.

Với bản nhạc Nam ai, rất nhiều nhạc sĩ, thi sĩ đặt lời ca, tùy theo hoàn cảnh cảm xúc và ý nghĩa của từng người. Thường bản ca Nam ai có ba vần tạo thành ba khổ. Dưới đây là một thí dụ :

*Khuyên ai gần bó báo đền công trình thày mẹ
Ấn nặng nhường sông, nghĩa chất non cao
Ơn cùc dục cù lao,
Sinh thành lo sợ xiết bao,
Lo cơm bữa nhường nao,
Ấm bông ra vào.*

* *

*Nâng niu, bú mớm đêm ngày xem tay vàng
ngọc,*

Hay chạy, hay đi, lúc nắng, lúc mưa.

* *

*Từ xưa đến giờ,
Lúc hãy còn thơ,
Đến bây giờ,
Chịu nhuốc nhơ,
Biết bao nhiêu mà !
Trống năm trọn ngày qua.
Da mồi, tóc bạc, mây xa,
Khuyên trong cõi người ta,
Thảo ngay mới là !*

Xoang điệu của bản Nam ai chậm chậm đề

diễn tả nỗi buồn thấm cực độ, do ảnh hưởng của Chiêm Thành.

Nam thương : Nam thương nghĩa là buồn nam, mẩn nam. Đây là một bản nhạc cổ điệu buồn nhưng không buồn bằng Nam ai. Bản nhạc cũng chịu ảnh hưởng nhạc Chiêm Thành, xoang điệu đi chậm nhưng một vài chỗ âm thanh có vẻ réo rắt, hàm ý thương tiếc nhớ nhung, đau khổ buồn buồn.

Nam xuân : Đây là một bản nhạc ít buồn và có đượm cái vui, tuy cái vui vẫn như thể bị cái buồn nổi tiếp. Phải chăng đây là cái buồn truyền kiếp của một quốc gia đã bị diệt vong mà ảnh hưởng ăn vào âm nhạc của Việt Nam. Xoang điệu bản nhạc tuy buồn nhưng có nhiều nét thướt tha duyên dáng, cái thướt tha duyên dáng của hình bóng cô gái Chăm đi lả lướt trên bóng chiều.

Nam bình : Đây là một bản nhạc không buồn không vui, âm thanh đi đều đều. Có thể nói đây là một bản nhạc cung Nam được hòa hợp bởi ba bản Nam ai, Nam thương và Nam Xuân cho nên nội dung pha lẫn buồn vui, nhưng cái buồn vẫn nhiều hơn.

Bốn bản nhạc trên, tuy nhạc chỉ có một bản, nhưng mỗi bản lại được phổ thành nhiều ca khúc bởi nhiều tác giả, mỗi ca khúc nội dung khác nhau tùy cảm hứng của từng tác giả.

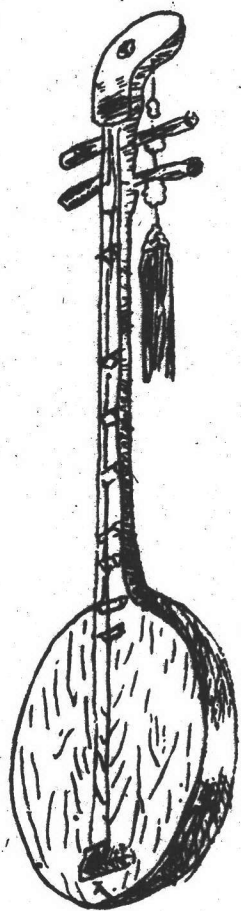
Xét qua tất cả các bản nhạc cung Bắc và cung Nam, ta thấy số các bản nhạc không thay đổi mấy qua thời gian, nhất là rất ít có bản mới. Các nhạc sĩ Việt Nam ta xưa cho rằng trách nhiệm của mình là học cho đủ những xoang điệu cũ, chứ không dám đặt ra những xoang điệu mới, thậm chí có người cho rằng những tiếng dặm thêm của một vài tài tử trẻ tuổi là do tính hiếu kỳ (1) Với quan niệm trên ta đừng lấy làm lạ khi vấn đề sáng tác nhạc của ta xưa rất là hạn chế.

Từ mấy chục năm nay, vì ảnh hưởng nhạc Tây phương, nhạc Việt Nam cũng có đôi sự thay đổi. Người ta đua nhau chơi tân nhạc, xa rời cổ nhạc. Cái thú phong lưu này của người xưa đã biến cải, và dường như những người ở chốn thị thành, những người tự cho mình là trí thức không lưu ý tới nền cổ nhạc, chỉ đua đòi học theo tân nhạc. Phải chăng đây là một sự tiến bộ, hay đây chỉ là một hiện trạng gốc rễ bị lung lay.

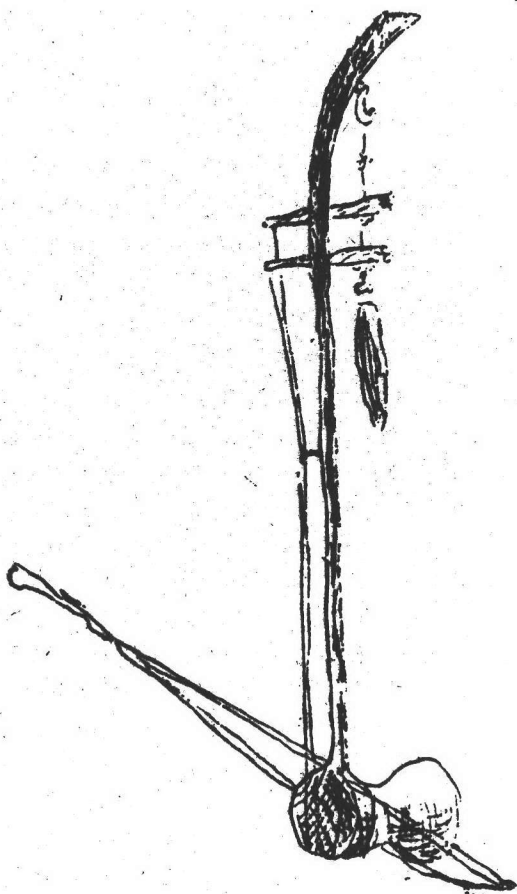
Đã đành rằng với thời đại mới, người ta không thể cứ bo bo theo cũ, nhưng theo mới không bỏ cũ, dùng mới để cải tiến cũ, để dung hòa cũ, có như vậy mới mong giữ vững được cội rễ của văn hóa.

Nhạc Việt Nam không phải dở, đã có những người ngoại quốc tán thưởng, thì tại sao chính ta, ta không chấn chỉnh lấy nền nhạc nước nhà?

(1) Đào duy Anh. — Tài liệu đã dẫn.



đàn Nguyệt



Nhị



ống Hoàng



ống Tiêu



ống Dịch



ống Quán



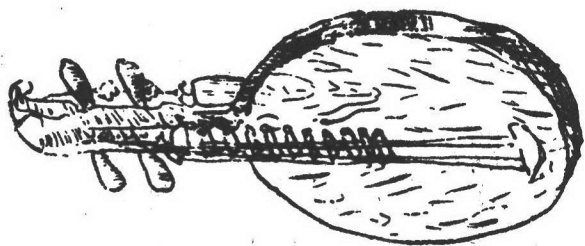
ống Huân

ống Tử



ống Thước

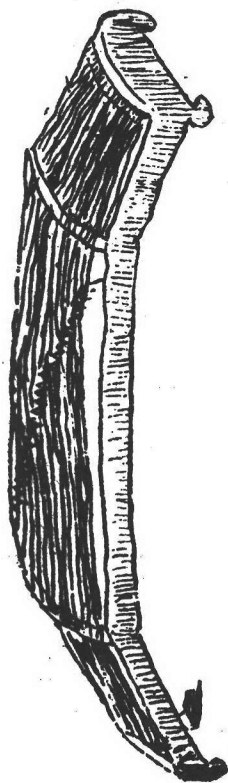




đàn Nhứt



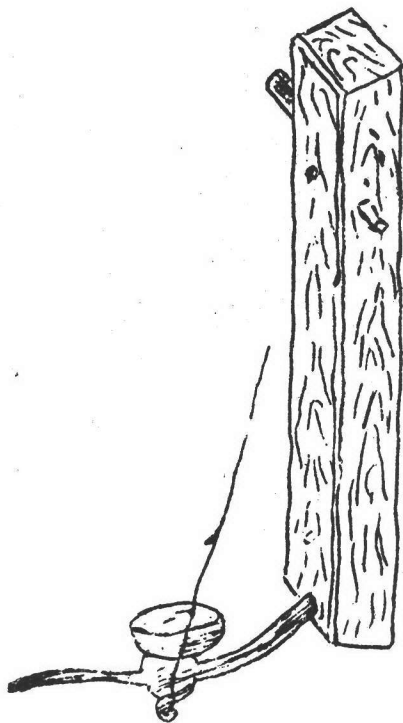
đàn Tranh



đàn Sắt vẽ theo thức đàn lễ khí đồ tại Tàn Thư Viện Huế



đàn Cầm



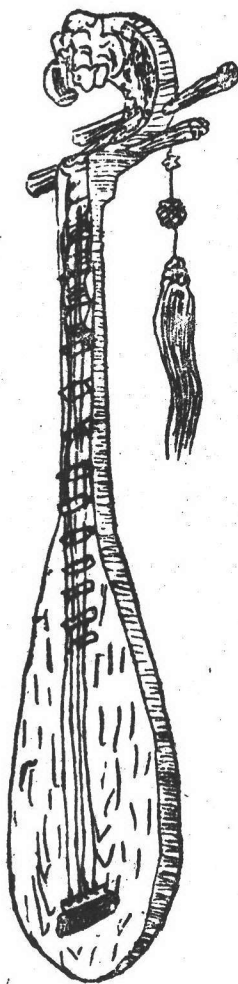
đàn Bầu



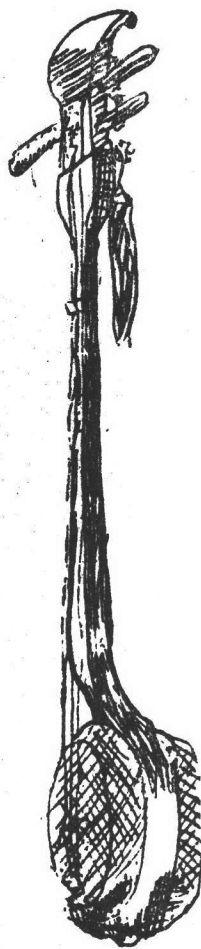
đàn Đáy



đàn Cầm Nam



đàn Tỳ Bà



đàn Tam

Tài liệu đọc thêm

ÂM NHẠC XỨ THƯỢNG

Âm nhạc của người Thượng rất đơn giản thường là kết hợp bởi những âm thanh man dại của núi rừng. Sống trong vị trí cách biệt hẳn mọi giao tiếp đòi thay của thế giới bên ngoài âm nhạc cũng như văn hóa của người Thượng ít bị ảnh hưởng ngoại lai mà vẫn giữ bản chất nguyên vẹn buổi ban đầu. Những bài ca của người Thượng thường là những điệu hát thần thoại được kết dệt từ ngàn xưa, hoặc đề kết lại nguồn gốc của bộ lạc, ca ngợi đời sống anh hùng của những tù trưởng can đảm, hay đề mơ tưởng một cuộc sống thanh bình sung túc, hoặc ca tụng những mối tình thơ mộng của núi rừng. Những lời ca đó không được ghi chép bằng văn từ mà chỉ được lưu truyền qua cửa miệng của loài người trải qua nhiều thế hệ.

Âm điệu của những bài hát rất đơn sơ, chất phác mô phỏng tiếng nói của núi rừng; Tiếng gió lách qua chòm

lá, tiếng chim hót, tiếng suối reo, tiếng thác đổ rạt rào...

Tất cả những âm thanh kết hợp thành nhịp điệu chi phối hình thức diễn tả. Do đó âm điệu của những bài ca miền núi thường thường trầm trầm nhẹ nhẹ như gió thoảng như thác không có những âm thanh cao vút hay dồn dập rộn ràng.

Nhạc cụ :

Nhạc cụ dùng phụ họa cho lời ca cũng đề diễn tả những âm điệu mô phỏng của thiên nhiên với những tiếng ngân nhỏ nhẹ trầm buồn như tiếng thì thảo của tâm hồn những người sơn cước.

Người Bahnar, Sédang hay chơi một loại đàn bầu giản dị. Ta gọi là đàn bầu vì đàn bên dưới làm bằng một quả bầu khô, cán đàn là một ống tre nhỏ, bên trên cắm 12 cái chốt để cột dây đàn. Dây đàn ngày trước làm bằng sợi dây gấc nên tiếng trầm và nhỏ, ngày nay thay thế bằng những sợi thép của dây điện thoại. Những sợi dây đàn được cột dài ngắn theo thứ tự vào những chốt trên cán đàn đối với thân bầu. Những sợi dài cho âm trầm, những sợi ngắn cho âm cao, tiếng rung của dây đàn sẽ được chuyển vào quả bầu và phát ra những âm thanh trầm trầm nho nhỏ. Muốn nghe đàn phải đứng rất gần người đánh đàn vì tiếng nhẹ như gió thoảng.

Người Sédang cũng thường thổi một loại ống sáo có 6 lỗ, thổi bằng cách nhậm vào một đàn ống. Ống sáo này cũng phát ra những tiếng nho nhỏ buồn buồn. Những thiếu nữ Bahnar thường chơi loại đàn ống. Nếu một hay hai

người chơi thì đàn gồm có 8 ống, nếu nhiều người cùng đàn có thể nhiều ống hơn. Những ống này làm bằng thân cây lồ ô đã thông mát, các ống dài ngắn khác nhau. Những ống dài cho âm trầm, những ống ngắn cho âm bổng. Muốn đàn người ta gác dọc những ống này trên hai thanh tre nằm ngang trên mặt đất, ống dài nhất ở bên phải rồi theo thứ tự đến ống ngắn nhất bên trái. Nếu chỉ một người chơi đàn thì người này phải quỳ ngồi ngay dưới đất ở giữa các ống đàn, dùng hai tay vỗ vào nhau để phát ra hơi gió ở trước mỗi ống, hơi gió luồn vào trong ống, chạm vào thành ống tạo nên tiếng ngân rồi thoát ra thành một âm ở đầu kia của ống. Người đánh đàn phải thuộc âm điệu của từng ống, mỗi ống cho một âm khác nhau, nhưng người chơi đàn có thể đánh những bán âm bằng cách vỗ ở giữa hai ống gần nhau, hơi gió sẽ chia vào hai ống và phát ra một âm trung bình giữa hai âm. Thường bao giờ cũng có một người ngồi ở phía dưới đối diện để đánh nhịp. Người đánh nhịp chỉ vỗ vào ống có âm trầm thứ nhì, ống này được kê cho cao phía bên người đánh nhịp. Tiếng đàn này rất ấm và trầm, thoang thoang âm vang hòa điệu với những bài ca âm điệu hiền lành.

Người Rhadé, người Stieng, người Khatu ở Quảng trị có một loại kèn ghép bằng nhiều ống hộp nhỏ theo thứ tự cao thấp như hình bậc thang, tiếng kèn có những âm thanh đều đều có vẻ man dại và buồn.

Người Thượng ở miền Nam Cao nguyên lại còn có một loại đàn ghép bằng hai thanh tre hay gỗ chuốc mỏng,

tùy theo độ mỏng hay dày, mỗi thanh tre cho một âm thanh khác nhau. Những thanh này được nối lại với nhau bằng hai sợi giây song song. Người chơi đàn cầm một thanh tre hay gỗ mỏng khác gõ vào đàn.

Có nơi loại đàn này biến đổi thành hai hình thức khác nhau, người ta không ghép những thanh tre lại để cầm mà đàn nhưng lại gác chúng lên trên miệng một đường mương nhỏ rồi dùng cây gỗ lên những thanh tre đó sẽ có được những âm thanh trong trẻo và nhẹ.

Ngoài những loại đàn và kèn đặc biệt của đồng bào Thượng thay đổi cho từng bộ lạc, ta còn thấy đồng bào Thượng có một nhạc cụ thông dụng cho mọi nơi đó là những chiếc goong và trống. Goong hay chiêng và trống gồm có nhiều loại lớn bé khác nhau, đánh goong giống trống cho hòa hợp là cả một nghệ thuật, người Thượng thường sử dụng các loại nhạc khí sau này vào những lúc có lễ lạc tế tự long trọng.

Người Thượng cũng có những vũ khúc bình dị, bình dị như âm nhạc và tâm hồn của họ. Vũ điệu thường đơn giản ít động tác và nhẹ nhàng hòa hợp với lời ca tiếng nhạc. Họ rất thích ca hát nhất là các cô thiếu nữ, lời ca ngân nga đều đều như không bao giờ thay đổi. Ngày nay xen lẫn với những điệu ca cổ truyền, người Thượng cũng đã biết hát những bản nhạc cải cách của Phạm Duy, Nguyễn văn Đông... Vào một vài buôn Thượng, thỉnh thoảng chúng ta được nghe điệu nhạc trầm buồn, vi vu qua tiếng đàn ống lẫn lộn với những âm thanh dồn dập như thánh thót của Tây Ban Cầm.

CỬU LONG GIANG và TOAN ANH
(Miền Thượng Cao Nguyên)

CA HÁT

Trước khi nói tới *kỳ*, cái thú phong lưu thứ hai của ta sau cầm, tôi nghĩ cần nói tới ca hát trước. Có đàn thì có hát, có cầm thì có ca ; đàn giữ nhịp cho câu hát, hát trợ hứng cho cung đàn, và cổ nhân thường nói thú cầm ca để gồm cả đàn lẫn hát.

Tiếng nói của ta rất nhiều giọng, cho nên câu nói uyển chuyển bỗng chìm rất dễ biến thành câu hát (1)

Ta hay hát vào những lúc nào ?

Ta thường ca hát khi cảm hứng nổi lên muốn đem tâm tư gửi vào giọng hát, hoặc cũng có khi vì uất hận muốn gởi nỗi niềm bức tức vào câu ca. Ngoài ra trước một cảnh đẹp hoặc trong khi làm một công việc nặng nhọc, để thông cảm với vẻ đẹp thiên nhiên hoặc để cho công việc bớt mệt nhọc ta cũng ca hát. Bởi thế cho nên *người nhà*

(1) Đào Duy Anh.— Việt Nam văn hóa sử cương.

quê khi làm việc hoặc khi vui chơi hay hát lắm. Đưa trẻ chẵn trâu, buổi chiều cho trâu về, hoặc cỡi trên cõ, hoặc nằm trên lưng trâu, nhẹ nhàng cất tiếng hát rồi năm mười đứa khác cũng họa theo. Những đàn ông, đàn bà cấy lúa, cắt lúa, làm cỏ hay tát nước ở dưới trăng hoặc ban đêm đập lúa, giã gạo, cũng theo nhịp nhàng tay chân mà hát để quên mệt. Trên các sông, nhất là trên sông Hương ở Huế, giữa đêm khuya thường được nghe một chị lái đò ở xa xa cất tiếng lanh lảnh hò « mái nhì » hay hò « mái chèo », giọng thực náo nùng tê tái. Những người kéo gõ trên sông, những lũ kéo chài dưới biển, cũng thường dùng tiếng « hò khoan », « dó ta » để làm cho rập tay chân. Ở Bắc Việt, những đêm sáng trăng, nhất là đêm rằm tháng tám, con trai, con gái trong làng thường họp nhau để hát đối hay hát trống quân ... xem thế thì ta thấy rằng người nhà quê ta rất thích hát. (1)

Ta rất thích hát và hát cũng là một thú chơi thanh cao tao nhã không kém gì cầm kỳ thi họa.

Hát nghĩa là gì, và hát với ca có khác nhau không ?

Theo Đào Đăng Vỹ trong Việt Nam Bách Khoa từ điển thì ca và hát cũng như nhau và có nghĩa là « Đưa giọng cao thấp lớn nhỏ và nhịp điệu để

(1) Đào Duy Anh. — Sách đã dẫn.

đọc những câu văn câu thơ nghe cho êm dịu. Ca chỉ là ngân nga giọng cho hay, còn hát gồm cả ca mà có điệu bộ hoặc có làm tuồng : ca vọng cổ, ca nam ai, hát cải lương, hát bội, hát chèo cổ.

Nói về ca hát, Việt Nam có những giọng ca điệu hát chung của dân tộc, nhưng mỗi miền Bắc, Trung, Nam lại có những lối ca hát riêng, tuy có đôi khi giống nhau, nhưng sự giống nhau vẫn có điều khác biệt vì tính tình con người mỗi địa phương tuy có đại đồng nhưng vẫn tiểu dị.

Các giọng ca hát của ta có thể phân biệt :

— Các giọng bình dân.

— Các giọng tri thức

CÁC GIỌNG CA HÁT BÌNH DÂN

Đây là những giọng ca hát do giới bình dân thường hát với nhau, hoặc được giới bình dân ưa chuộng thưởng thức.

Những câu hát dùng trong các giọng bình dân phần lớn là những câu ca dao nhưng khi đưa vào giọng hát đã hơi bị biến đổi trên hình thức tùy theo từng giọng.

Những giọng bình dân có *giọng hát trong lúc làm việc* để con người đỡ mệt như hát dò đưa, hò tát nước, hò kéo gỗ v. v... hoặc có tác dụng hẳn với việc làm như hát ru em. Bên những giọng hát trợ lực cho việc làm, có những *giọng hát trao tình* giữa trai gái, những giọng hát này riêng bọn nam

nữ dùng đối đáp với nhau trong cuộc gặp gỡ khi làm việc, trong những đám hội hè hoặc trong những buổi hát thi hát đố.

Ở miền Bắc về lối hát trao tình này có ba giọng chính : hát ví, hát quan họ, và hát trống quân.

Ở miền Trung có hát ví, hát dặm, hát các phường, hò. Ở miền Nam cũng có những câu hò, lại có hát cải lương và vọng cổ.

Với những giọng hát này, lúc hát các trai gái xướng họa đối đáp có thể có nhiều biến thể thành nhiều giọng khác.

Ngoài các giọng hát trong lúc làm việc và các giọng hát trao tình còn các giọng hát tôn giáo mà tiêu biểu nhất là giọng hát châu văn ở miền Bắc. Lối này cũng có thể coi là một lối hát nghề nghiệp của các ông cung văn, tức những người vừa đàn vừa hát trong các buổi hầu bóng. Hát vè cũng là một lối hát, dùng những câu vè để nói về một việc gì hoặc một vật gì.

Hát xẩm của những người bị mù tật đi hát rong làm kế sinh nhai cũng là một lối hát nghề nghiệp, ta thường gọi là xẩm chợ.

Hát tuồng, gọi là hát bội ở miền Trung, hát bội ở miền Nam cũng là hát nghề nghiệp, tuy nhiều khi cũng có những ban hát tuồng tài tử.

Sau hết phải nói đến hát chèo, một lối hát diễn lại các tích cũ giống như hát tuồng, nhưng

với những giọng hát khác hẳn và thiên về luân lý nhiều hơn.

Ngoài các giọng hát đã kể trên, tôi tưởng cũng không thể bỏ qua được những câu hát của trẻ em, những câu hát được các em nhắc lại trong các trò chơi như *Thả đũa ba ba, Chi chi chành chành v.v...*

Các giọng hát, trên bình diện khác nhau, nhưng phần nhiều nội dung câu hát không khác nhau.

NỘI DUNG CÂU HÁT

Trước khi đi vào chi tiết của từng lối hát, chúng ta thử xét qua nội dung của những câu hát.

Có những câu hát tả cảnh của đất trời :

Ngồi tựa mạn thuyền

*Trăng in mặt nước cùng nhìn non nước
càng xinh*

Sơn thủy hữu tình

*Thơ ngâm ngoài lái, rượu bình giải trí
trong khoang*

Tay lựa cung đàn

*Tiếng cao gieo giắt, tiếng trầm nấn nỉ
thiết tha.*

(Hát quan họ)

Nhiều hơn là những câu hát nói lên tâm tình của yêu đương.

Hôm qua tát nước đầu đình

Bỏ quên cái nón dưới cành hoa sen

Bắt được cho chúng anh xin
Hay là anh để làm tin thì làm.

(Ca dao)

Áo anh sứt chỉ đường tà
Vợ anh chưa có mẹ già chưa khâu
Áo anh sứt chỉ từ lâu
Muốn mượn có ấy vào khâu cho cùng.

(Ca dao)

Cùng có những câu hát đề tròng ghẹo lẫn
nhau :

Trống quân có đĩa thịt bò
Những anh không vợ đi mò cả đêm

(Hát trống quân)

Trống quân trống quít trống còi
Ta chẳng lấy nó, nó đòi lấy ta
Trống quân anh đánh dịp ba
Lúc vào dịp bảy, lúc ra dịp mười.

(Hát trống quân)

Cũng có những câu hát đề th á ch đổ lẫn nhau :

Cái gì mà thấp, cái gì mà cao ?
Cái gì sáng tỏ như sao trên trời ?
Cái gì anh trải em ngồi ?
Cái gì thơ thần ra chơi vườn đào ?
Cái gì mà sắc hơn dao ?
Cái gì phơi phới lòng đào hỡi anh ?

Đã có câu thách đố, lẽ tất nhiên phải có câu trả lời :

*Đất thấp ông trời cao
Ngon đèn sáng tỏ hơn sao trên trời
Chiếu hoa em trải anh ngồi,
Đêm nằm mơ tưởng ra chơi vườn đào
Nước kia nó sắc hơn dao,
Trứng gà phơi phơi lòng đào em bảo anh
Giữa câu hát, trai gái rất nhiều câu khen tặng
nhau :*

*Cổ tay em trắng như ngà.
Con mắt em liếc như là dao cau,
Miệng cười như thề hoa ngâu,
Cái khăn đội đầu như thề hoa sen.
Và các cô gái thường có những câu hát dẫn đo :*

*Thân em như tấm lụa đào,
Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai ?
Thân em như đoá hoa tươi,
Phải chăng chàng thật là người yêu hoa ?
Lại có những câu hát làm quen :*

*Lạ lòng tôi mới tới đây
Lạ thung, lạ thổ tôi nay lạ nhà
Ba cô tôi lạ cả ba
Bốn cô lạ bốn biết là quen ai
Đến đây lạ cả bạn trai
Lạ cả bạn gái biết ai mà chào ?
Bây giờ biết nói làm sao ?*

Biết ai quen thuộc mà vào trình thưa
Có cả cô hai ơi ! (Hát ví)

Cũng có những câu hát đề trai gái nói lên những lý do yêu đương của mình, những câu hát này nhắc tới những điều đáng yêu của đôi bên. Dưới đây là một câu đề chàng trai trình bày cùng cô gái tại sao chàng đã yêu cô :

Một yêu tóc để đuôi gà,
Hai yêu lời nói mặn mà có duyên ;
Ba yêu má lúm đồng tiền,
Bốn yêu răng lánh hạt huyền kém thua ;
Năm yêu cô yếm đeo bùa,
Sáu yêu nón thượng quai tua dịu dàng ;
Bảy yêu nét ở khôn ngoan,
Tám yêu ăn nói lại càng thêm xinh ;
Chín yêu em ở một mình,
Mười yêu con mắt hữu tình với ai.

Chàng trai đã yêu cô gái qua mười lý do. Ở đây tôi tưởng cần phải nói rõ về điểm thứ tư : Ngày xưa, cho tới hồi tiền chiến, ở miền Bắc và phía Bắc miền Trung, ta có tục nhuộm răng đen, nhất là tại các vùng quê. Răng đen nhưng phải đen nhưc như hạt huyền mới đẹp, hay ít ra cũng phải đen như hạt na già.

Những hàm răng không đủ đen, lại loang lổ ta gọi là *răng cải mả* thì dù người đẹp cũng giảm vẻ đẹp rất nhiều.

Có câu hát trên đề nói lên mười điều đáng yêu của cô gái, cũng lại có câu hát mười yêu khác nói tới những điều chẳng đáng yêu của cô gái chút nào :

Một yêu em béo như bở,
Chân tay ngắn ngủi đít to như giành ;
Hai yêu mắt toét ba vành,
Đầu đuôi khóe mắt như xanh bám đầy.
Ba yêu tới cặp môi đầy,
Mỗi khi ăn nói bầy nhầy rãi ra.
Bốn yêu bộ mặt rỗ hoa,
Lại thêm em có nước da mực tàu.
Năm yêu mái tóc trên đầu ;
Hỏi như tổ cú chấy bầu hàng đàn.
Sáu yêu tính khí ngang tàng,
Bạ ai em cũng oang oang chữ liền.
Bảy yêu lời nói có duyên,
Chua như mèο mưa xỏ xiên cả trời.
Tám yêu những lúc em cười,
Trông xinh bằng mẹ dười uoi hiện hình.
Chín yêu dáng điệu hữu tình,
Đi đâu đồ quán xiêu đình như chơi ;
Mười yêu khi đứng lúc ngồi,
Xỏ tràng trung tiện, sấm trời phải thua ;

Thực ra câu hát trên chỉ là một câu hát để tròng ghẹo các cô gái, chứ ở đời đã mấy ai có đủ mười đức tính đáng quý như câu hát nêu ra.

Những loại câu hát tương tự không phải hiếm, tại các địa phương thường có những câu hát khác nhau. Trong *Phong lưu đồng ruộng*, soạn giả đã có dịp nhắc tới một câu hát nói về *Cô gái Sơn Tây yếm thủy tày giần*, với những điều cũng đáng nực cười không kém chi *mười cái đáng yêu* của cô gái trong câu hát trên.

Tóm lại các câu hát qua những giọng điệu tuy khác nhau nhưng nội dung không khác nhau bao nhiêu. Có câu hát dùng cho lối hát này lại dùng cả cho lối hát khác. Và phần nhiều những câu hát đều là những câu ca dao ; không biết những người hát đã dùng ca dao để hát hay chính những câu hát đã chuyển thành ca dao.

NHỮNG GIỌNG HÁT TRONG KHI LÀM VIỆC

Người bình dân thường sống cuộc đời làm lụng vất vả, một nắng hai sương. Trong lúc làm lụng để quên mệt nhọc, họ thường dùng những câu hát để trợ lực cho mình và cũng là để giải khuây cùng chúng bạn làm việc. Mỗi việc làm đều có giọng hát riêng, nhưng các giọng hát này đều có một điểm giống nhau là hát mà không có nhạc đệm. Muốn hát, người lao động bình dân cứ cất tiếng ca, cốt sao cho âm thanh êm ái, cao thấp cho nhịp

nhàng, dài ngắn cho ngân nga, người nghe thấy êm dịu là khúc hát đã thành công.

Hát trong việc làm có nhiều giọng khác nhau bởi việc làm của mỗi người không giống nhau.

HÁT ĐÒ ĐƯA

Hát đò đưa là giọng hát của các cô cậu lái đò lúc chở đò hát lên theo nhịp với cây chèo khua trên mặt nước.

Giọng hát đò đưa thường êm êm buồn buồn tạo cho người ta có một tâm trạng yếu đuối và dễ bị cảm dỗ. Câu hát dài ngắn không đều, nhưng giọng bao giờ cũng buồn như gió lướt.

Cha mẹ thường cấm con gái nghe giọng hát đò đưa, và ca dao cũng có câu :

Trai khôn tránh khỏi vợ thừa,

Gái khôn tránh giọng đò đưa mời là !

Thực ra giọng hát đò đưa miền Bắc chỉ là một giọng hát huê tình, và các cô cậu lái đò trong khi chờ đợi đưa khách qua sông để tâm hồn được thông cảm với nỗi niềm riêng thường hát lên. Các cô cậu hát thường không phải để quyến rũ ai, mà cũng không phải hát cho một thính giả nào. Các cô cậu hát cho mình, nhưng cha mẹ các cô gái cứ luôn luôn dặn dò các cô phải coi chừng giọng hát đò đưa.

Giọng hát đò đưa thật quyến rũ, theo Mai văn Lương trong *La Chanson Annamite* (1), phải kể tới

(1) Indochine, nos, 77, 78, 1942.

giọng hát đò đưa miền Trung, nhất là giọng hát của các cô lái đò trên sông Hương ở Huế, giọng hát này, tức là hò Huế, sẽ được trình bày riêng ở sau.

Lối hát đò đưa cũng rất thịnh hành ở vùng Nghệ Tĩnh các cô cậu trai gái lái đò vừa chèo thuyền vừa hát hoặc một mình hoặc có đối đáp với nhau. Hát một mình, dù trai hay gái hát, gọi là *hát buông*, còn hát có đối đáp gọi là *hát cuộc*. Khi hát cuộc hoặc hai chiếc thuyền đi song song với nhau, hoặc chiếc nọ đi sau chiếc kia trên một giòng sông.

Người hát ngoài trai gái lái đò, có thể là khách đi đò.

Chèo đò thường vất vả, dãi nắng dầm sương mà công sá chẳng đủ ăn, do đó trong lúc hát buông các lái đò thường nhắc đến tình cảnh của mình :

Cau khô ăn với hạt bèo,

Lấy chồng đò dọc, ráo chèo mà ăn.

Nghề chèo đò có kiếm được bao nhiêu, nghỉ chèo, chèo ráo nước là cũng thiếu tiền ăn !

Một trăm ông lái đò thanh nhân

Không thương trai bạn cơ hàn nắng mưa !

Hát đò đưa tuy là một giọng hát trong việc làm nhưng khi trai gái đối đáp đã biến thành lối hát trao tình.

Sông rộng trời cao, gió mát trăng trong, trước cảnh đẹp lại gặp người đẹp, hỏi trai gái nào khỏi động tâm. Họ hát với nhau, họ trao đổi tình duyên, họ

hẹn hò cầu dẫn, mai sau có nên duyên hay không là truyện khác. Họ hãy biết ngày nay gặp gỡ, cùng nhau hát trong một cuộc đua đò, cùng trao nhau những lời êm dịu qua câu hát để hưởng lấy đêm trăng, để hưởng lấy cảnh đẹp và để hưởng lấy sự triu mến nũng nịu qua những lời hát ái ân, lấy mái chèo làm nhịp, khua xuống mặt nước như nhặt như khoan.

Trên những dòng sông, thuyền bè qua lại, đã có biết bao mối tình được bắt đầu, được gửi lại hoặc được kết thúc tốt tươi.

Đây là lời dặn dò nhau :

*Anh xuôi năm bảy tó thầy,
Đề em lẻ bóng trên này sao yên ?
Anh về cho chóng mà lên,
Đừng vui dưới nọ mà quên trên này !*

Dặn dò rồi nhớ nhưng :

*Từ ngày nhỏ nọc lui thuyền
Sóng bao nhiêu khúc, dạ em phiền bấy nhiêu.*

Hoặc gần bó :

*Sóng sâu sóng vỗ rập rình
Sóng bao nhiêu nước thương mình bấy nhiêu*

Hoặc trách móc :

*Nước lên lấp xấp cầu dầy
Anh quen em mới được một ngày thuyền lui.*

Rồi chia tay đôi bên có người chờ đợi :

Nước ngược anh bỏ sào xuôi

Khúc sông bỏ vắng có người sầu riêng.

*Nước chảy cho đá trôi nghiêng,
Anh vui chung thiên hạ, em sầu riêng một
minh.*

Khúc hát đờ đưa thật là thú vị, nó đã làm cho các cô cậu lái đò đỡ vất vả trong lúc chèo thuyền, và cùng các cô cậu vui đời, yêu đời mặc dù đời chèo thuyền trên sông nước một nắng hai sương.

Những câu hát ái ân, những câu hát triu mến, các cô gái tuổi mới lớn lên quên làm sao được, và giữ làm sao để tránh giọng hát đờ đưa như lời khuyên nhủ của mẹ cha :

Mẹ cha khuyên nhủ sớm trưa

Nhưng em vẫn hát đờ đưa cùng chàng !

Chính vì vậy trên các khúc sông vẫn luôn luôn vọng lên tiếng hát, trai hát mà gái cũng hát, và cũng có thể rằng một cuộc hát đờ đưa bắt đầu cho một hảo lương duyên.

Khách đi đò đôi khi thấy lái đò ca cũng cả hứng nẩy tình hát đối đáp mười câu, có khi cả một cuộc hành trình để lưu một kỷ niệm với con sông.

Sông bao nhiêu nước cũng vừa

Đôi ta giọng hát đờ đưa khác gì !

HÒ KÉO GỖ

Đây là lối hò đặc biệt của những người chèo

sức làm một công việc nặng, nhất là những người kéo gỗ.

Đặc biệt trong giọng *hò kéo gỗ* bao giờ cũng có điệp khúc là *mấy tiếng hò dó ta*.

Một bọn người cùng nhau kéo cây gỗ. Cây gỗ nặng, sức người cố gắng nhưng cây gỗ không nhích được bao nhiêu. Để làm nhịp cho mọi người cùng ra sức kéo một lúc và để đỡ sự mệt nhọc, một người hát lên một câu hát, thường là một câu hát vui hoặc một câu về tình ái. Câu hát chấm dứt, tất cả đoàn người đều cất tiếng *hò dó ta* rồi cùng cố sức cùng kéo.

Thí dụ :

Dó ta kéo gỗ làm đình,

Con gái vô tình thì để vú ra !

Hò dó ta !

Không phải mọi người chỉ nhắc lại một lần *hò dó ta*, mà họ nhắc lại đôi ba lần. Nhắc lại tiếng *hò dó ta* lần đầu để gắng sức, những lần sau để thở.

Vừa hát vừa làm việc, công việc xong, họ cũng ngừng hát.

Người cất tiếng hát phải tìm những câu ngộ nghĩnh để đồng bạn cùng vui, công việc mới nhanh chóng và đỡ mệt.

HÒ TÁT NƯỚC

Các thiếu nữ đồng quê, lúc cùng nhau tát nước, để vui công việc, họ có những câu hát riêng, không

giống những câu hát lúc họ hát trao tình với các bạn trai. Trong câu hát, có tiếng bắt chước tiếng nước tát từ ao sang ruộng hoặc từ sông vào đồng :

Thì thuồm ! thì thuồm !

Tát nước ao chuôm,

Bóng trắng soi xuống, trắng sông soi vào !

Thì thảo ! thì thảo !

Nước chảy ào ào !

Cầu trời cho trận mưa rào tháng năm !

Tiếng gầu sông, tiếng gầu dai vục xuống mặt nước, nước mức nước lên, đổ nước vào đồng phải chăng là những tiếng đệm cho câu hát.

Hay cánh tay tuy mỏi vì tát nước, nhưng câu hát nhịp nhàng cất lên giữa hai người cùng tát nước như có sức làm tiêu tan sự mệt nhọc, và các cô thiếu nữ, sau một buổi tát nước đêm, thấy nước trắng xóa trong ruộng nhà, lòng các cô phơi phơi, hớn hở vì công việc đã xong, và vui vẻ xếp gầu cùng nhau ra về !

HÁT RU EM

Ru em cũng là một việc làm của người dân quê. Ta có câu :

Xay lúa thì đừng ẵm em,

Ấm em thì đừng xay lúa.

Ru em là một phần trong công việc ẵm em. Ấm em, ru cho em ngủ, còn để đi làm việc khác, hoặc cùng nghỉ ngơi với giấc ngủ của em.

Ru em phải hát với giọng êm êm để đưa em vào giấc ngủ.

Gọi là ru em, nhưng thường thì bà ru cháu hoặc mẹ ru con chị ru em cũng có, nhưng chị còn bận nhiều công việc khác ở trong nhà, ở ngoài đồng hơn.

Về mùa hè, bà ru cháu, hoặc mẹ ru con thường nằm võng, tiếng võng đưa kéo cạ kéo kệt như làm nhịp cho điệu hát, và võng đưa tạo nên luồng gió nhẹ nhẹ khiến cho cháu ngủ theo giọng hát của bà và bà cũng thiu thiu ngủ cùng với cháu.

Hát ru em thường bắt đầu bằng hai tiếng *À ơi !* hoặc *Bồng bồng*.

Câu hát là những câu ca dao, nhưng cũng có những câu chỉ dùng để hát ru em :

*Bồng bồng mẹ bế con sang
Đò dọc quan cấm, đò ngang không chèo;
Muốn sang thì bắc cầu kiều
Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.*

Hoặc :

*À ơi ! Cái ngủ mày ngủ cho lâu
Mẹ mày đi cấy ruộng sâu chưa về !*

Hoặc :

*Bồng bồng ! cái bống là cái bống bình
Thời cơm gánh nước một mình bống soi !
Bồng bồng ! Cái bống là cái bống bang
Mẹ bống yêu bống, bống càng làm thơ.*

Những câu hát ru em thường nhiều câu chẳng có ý nghĩa gì hoặc đôi khi là những điều ước mong của người mẹ về đứa con :

*Mẹ ru con ngủ cho ngoan,
Mai sau con lớn con nên thân người.*

HÁT CHĂN TRÁU :

Các trẻ em ở thôn quê thường phải giúp đỡ cha mẹ, mà trong các công việc giúp đỡ cha mẹ, chăn trâu là một. Ở miền Bắc và phía Bắc miền Trung, các trẻ em lên chín lên mười đã được cha mẹ giao cho nhiệm vụ chăn dắt trông nom một con trâu, và công việc này, các em, trai cũng như gái, thường làm rất trọn vẹn cho đến năm mười lăm mười sáu tuổi, khi các em có thể giúp đỡ cha mẹ trong các công việc khó khăn.

Trong lúc cho trâu đi ăn cỏ, các em họp đoàn cùng nhau, bày những trò vui, và có khi các em ca hát với nhau. Vua Đinh tiên Hoàng thuở nhỏ cũng đi chăn trâu và thường cùng các bạn *cò lau tập trận*. Theo lời tương truyền để lại, trong lúc chăn trâu, chơi tập trận, nhà vua cùng chúng bạn thường hát câu hát sau đây :

*Cây cỏ ấy, nước non này,
Nước non quanh quất, cỏ cây xanh rì.
Rừng hoang cỏ rậm đề chi
Phen này ta quyết dọn đi cho rồi !
Này này chúng bạn ta ơi !*

Những khi ngồi trên mình trâu một mình, các em vừa cho trâu gặm cỏ ở bờ đê, vừa thổi sáo hoặc cất tiếng hát :

*Ngày xưa Ninh Thích chăn trâu,
Mà rồi mang ấn công hầu trâu ơi !*

*Ngày nay mình ghé ta ngồi,
Mai sau ta có một đời hiền vinh ?*

Ở vùng Nghệ Tĩnh, các em chăn trâu có rất nhiều câu hát. :

Tru (trâu) một mà cột con da (cây đa)

*Tru (trâu) đôi ăn kẹ (bờ ruộng), tru ba ăn
cồn (bãi)*

Cù cu (chim cu) tát nước ao bèo,

Mai đòi tru (dẫn trâu) lên trại ai rêu (chăn)

cho mi ?

Trước cảnh đồng ruộng bao la, các em cất cao giọng hát như muốn thông cảm với đất trời :

Thua chọ (chúng tao), biết sự thua chọ !

*Mai đòi tru (trâu) lên trại, trải chiếu hoa
cho ngồi*

Hát chăn trâu, các em vùng Nghệ Tĩnh có những tiếng ời ời kéo dài đậm cho câu hát, nghe như tiếng gọi nhau. Các em có những bài hát về đủ mọi điều. Có khi về đám giỗ :

Trách người quân tử vô tình,

Hôm qua có giỗ không cho mình vắt xôi !

Đối với lời trách móc không biểu nể xoi,
em nhà có giỗ đã không ngần ngại hát đáp :

*Giỗ thì anh nỏ (chả) mua vàng,
Xoi thì xoi độ (đậu) ngái (xa) đàng không
đem.*

Cũng có khi các em hát chòng ghẹo nhau :

*Đưa mô (nào) không chộ (thấy) thì mù,
Có không con gái cội (cười) tru quặp sừng.*

Trong đám chăn trâu có các em lớn, mười
lăm mười sáu tuổi trở lên, các em đã biết hẹn hò
với nhau :

*Năm ni em mắc chăn tru
Vài năm chi nữa về làm du (làm dâu) mẹ
thầy.*

* * *

*Năm ni anh mắc chăn bò,
Vài năm chi nữa về lo việc nhà.*

Hát chăn trâu tuy là lối hát của trẻ em, nhưng
nhờ những câu hát các em đã vui với công việc
của mình.

NHỮNG GIỌNG HÁT TRAO TÌNH

Tại miền Bắc có ba lối hát trao tình, chính là
hát ví, hát quan họ và hát trống quân, rồi từ
những giọng hát chính này nó biến thể ra những
giọng hát khác.

HÁT VÍ

Hát ví là lối hát thông thường nhất ở trung du và trung châu Bắc Việt. Ở nhiều nơi về miền Đông Bắc Việt, lời hát này còn được gọi là hát *Đúm*. *Hát ví có thể được coi là một bài hát làm quen.* (1) Đây là lối hát của những người mới gặp gỡ nhau và *cuộc hội ngộ có thể được kéo dài* (1). Hát ví có đối và có đáp, có hát để gắn bó và có hát để chia tay. *Bài hát ví là một khúc tình ca nho nhỏ* (1) và người hát ví thường dựa vào cảnh vật để nói lên tình ý của mình.

Hát ví trong lúc làm việc và cũng hát trong những đám hội, nhất là về vùng Bắc Giang.

Ai đã có dịp qua con đường cái quan mà hai bên là đồng ruộng, trên đường khách bộ hành qua lại, dưới ruộng thợ đồng làm việc, nam có, nữ có, người cấy ruộng, người cấy lúa ?

Ở quãng đường này, cách đây mấy chục năm về trước những chàng trai trẻ đi qua đám ruộng thường bị các cô gái hát trên :

Bảo này :

Hỡi người đi đường cái quan,

Dừng chân đứng lại em than vài lời.

Đi đâu với mấy anh ơi,

(1) **Phạm Duy.**— *Hát hội miền Bắc*, Văn đàn tạp chí, số 4 đề ngày 13-1-1961

*Công việc đã có chị tôi ở nhà
Anh cả anh hai đó ơi!*

Bắt đầu câu hát, người hát thường gọi lên hai tiếng *bảo này* như muốn cho người nghe chú ý tới câu hát của mình, và cuối câu hát thường đệm bằng mấy tiếng *Anh cả anh hai đó ơi!* hoặc *Chị cả chị hai đó ơi!* để báo cho người nghe biết câu hát của mình đã dứt, để người nghe sửa soạn hát đáp với mình.

Người khách bộ hành đi trên đường, nghe giọng hát đầy quyến rũ, lời ca đầm ấm, ngập ngừng rồi đứng lại để đáp lời làm quen của cô bạn gái dưới đồng.

Cô bạn gái đang cắt cỏ chẳng? Chàng trai — vì khách bộ hành thường là một chàng trai mới được các cô hát gheo, — liền hát lại:

Bảo này:

Cô kia cắt cỏ một mình

Cho anh cắt với chung tình làm đôi.

Cô còn cắt nữa hay thôi,

Đề anh cắt với làm đôi vợ chồng.

Cô cả cô hai đó ơi!

Thật là kẻ Bưởi vợ vào! Mới làm quen đã tính chuyện vợ chồng!

Câu hát có khi của chàng trai còn khấn khít hơn:

Bảo này:

*Cô kia cắt cỏ bên sông,
Có muốn ăn nhãn thì lồng sang đây!
Sang đây anh nắm cổ tay,
Anh hỏi câu này: có lấy anh không?
Cô cả cô hai đó ơi!*

Chàng trai hát trả lời cô gái vì lịch sự và vì phong nhã, chàng trai muốn gây chút cảm tình làm quen. Có chàng trai cứ cầm đầu đi mặc cho các cô dưới đồng hát gheo. Chàng trai rảo bước đi, cô gái không tha, hát theo:

Bảo này:

*Ma kéo hay là ma lối
Mà chàng nữ bỏ lời tôi chàng về.
Anh cả anh hai đó ơi!*

Có chàng trai đi thẳng, nhưng cũng có những chàng trai bực mình với các cô gái dưới đồng, chàng đứng lại, hát chọc một câu xuyên tâm:

Bảo này:

*Cô kia mà hát gheo ai,
Cái mồm méo xệch như quai chèo đò,
Có muốn anh nắn lại cho,
Ngày mai chèo đò, ăn bát cơm thiêu!
Cô cả cô hai đó ơi!*

Hát xong chàng bỏ đi thẳng, mặc cho cô gái muốn trả lời hay không.

Cũng có trường hợp chàng trai hát những câu sâu cay hơn.

Nhà em tội lỗi vì đâu,

Mà em đi chồng phao câu lên trời ?

Đây là chàng trai có ý moi móc cô gái đang cấy lúa, đầu cúi xuống và bộ mòng chồng ngược trở lên.

Tuy là gái quê, nhưng các cô cũng chẳng phải tay vừa. Bị hát châm chọc, các cô cũng hát lại :

Nhà em chẳng tội lỗi gì,

Em chẳng đi chồng, lấy gì anh soi ?

Câu hát rất đúng, đúng về nghĩa đen, nhưng cũng lại rất đau đớn về nghĩa bóng. Về nghĩa đen, các cô không đi chồng, nghĩa là đi cấy lúa, làm sao có gạo, còn về nghĩa bóng — chồng đây tức là đi đại tiện.

Thật là cay cú cho chàng trai, bị vố đau lớn, chẳng có cách gì hơn là bỏ đi thẳng, vừa đi vừa lầm bầm rửa thềm lũ thợ cấy chua ngoa... Còn các cô, các cô tiến theo chàng trai những chuỗi cười khiến cho chàng phải rảo bước đi mau hơn. Chàng không thể trách các cô được, tuy câu hát của các cô có hơi tàn nhẫn, vì sinh sự thì sự sinh, chàng hát câu sâu cay, chàng phải chịu những câu sâu cay hơn đáp trả. Các cô gái bao giờ cũng sẵn sàng những câu ứng biến đối với những chàng trai thiếu lịch sự. Như câu chuyện sau đây :

Các cô thợ cấy miền Bắc trước đây đi cấy thường mặc váy, chiếc quần một ống không đáy. Trong lúc

làm việc đôi khi gió lộng hoặc các cô vô ý, thân vảy tốc ngược lên. Có chàng trai ngẫu nhiên được trông thấy nơi kín đáo nhất của một cô, đã hát một câu thật thiếu lễ độ và lịch sự :

Tắm vải đáng giá bao tiền

Mà em để cả tổ tiên ra ngoài ?

Thật đáng giận chưa ? Khi không mà bị chàng trai hát sặc, có lẽ nào cô gái để yên. Cô suy nghĩ rồi cô hát đáp :

Nhà em tiết kiệm đồng tiền,

Xin anh rước lấy tổ tiên về thờ !

Câu hát đáp mới thật là chua ngoa : Cũng ở chàng trai gieo gió thì phải gặt bão.

Bị câu hát làm cho tím mặt, chàng trai hoặc tìm những câu hát khiếm nhã hơn, hoặc làm tỉnh bỏ đi thẳng, thường thì đi thẳng cho êm đẹp, vì đối với bọn gái chua ngoa, mồm mép con trai đáp sao cho lại.

Chàng trai đi thì mặc chàng, các cô gái lại cúi xuống tiếp tục những công việc của mình bên những trai làng.

Rồi trong đám trai làng, một chàng cảm nhan sắc của một cô gái làng, từ lâu vẫn muốn ngỏ nỗi lòng nhưng chưa có dịp nào thuận tiện. Hôm nay trời đẹp, ánh bình minh tươi sáng, mùi đất được cày vỡ nồng nàn, lòng chàng phơi phơi, chàng liếc nhìn cô gái, rồi chàng đánh bạo hát :

Bảo này :

*Cô kia yếm trắng lòa lòa,
Lại đây đập đất trồng cà với anh.
Bao giờ cà chín cà xanh,
Anh cho một quả để dành mớm con !
Cô cả cô hai đó ời !*

Chàng trai hơi sỗ sàng, nhưng đây chỉ là sự sỗ sàng của người đồng quê chất phác.

Cũng có những chàng trai tế nhị hơn, hát xa xôi hơn nhưng vẫn rơi vào phần mình :

Bảo này :

*Cô kia má đỏ hồng hồng
Cô chưa lấy chồng còn đợi chờ ai ?
Buồng không lần nữa hôm mai
Đầu xanh mấy chốc da mồi tóc sương !
Cô cả cô hai đó ời !*

Lời nói thật là khéo léo ! Nhưng với những lời khéo léo ấy, cô gái chẳng động tâm ; chàng trai cho rằng cô đã mắc mưu nơi nào ; chàng hát xa hát gần :

Bảo này :

*Cô kia đi đường này với ta,
Trồng đậu, đậu tốt, trồng cà, cà sai.
Cô kia đi đàng ấy với ai,
Trồng bông, bông héo, trồng khoai, khoai
hà !
Cô cả cô hai đó ời !*

Và có khi chàng trai lúc bắt đầu rụt rè, nhưng với giọng hát, nhất là khi được cô gái đối đáp một đôi lời, chàng trở nên quyết liệt :

Bảo này :

*Có mình ơi ! anh quyết với cô mình,
Công anh đan diu chẳng có thành thì thôi!
Con sông kia, bên lở có bên bồi,
Bên lở thì đục, bên bồi thì trong ;
Con sông kia nước chảy đôi giòng,
Biết rằng bên đục bên trong bên nào !
Có cả cô hai đó ơi !*

Trên đây chỉ là những câu hát nhắc lại những cuộc gặp gỡ giữa đường hoặc cùng làm việc với nhau.

Thật ra, trai gái đã yêu nhau vì tình đã quen hơi bén tiếng vì giọng hát câu ca, trai thường tìm đến làng gái để hát một vài canh, trong khi gái vừa làm việc vừa đối đáp với trai. Và những canh hát đối đáp này, thường khi đã kết quả bằng những lứa đôi tốt đẹp.

Đây là chưa nói tới hát hội.

Tại các đám hội xuân miền Bắc, nhất là tại các vùng Trung du, trai gái gặp gỡ nhau dùng miếng trầu mời hát để vui ngày hội, rồi cùng hẹn hò nhau tới những hội sau để cùng hát. Hoặc những cặp **trai gái** đã quen biết nhau, họ cũng hẹn nhau tới các

đám hội đề cùng nhau nối tiếp sự trao tình qua câu ca giọng hát.

Ở các đám hội, trai gái như có quyền tự do cùng nhau trao đổi câu ca tiếng hát để nói lên sự yêu đương tưởng nhớ của mình. Lễ giáo Việt Nam tuy khe khắt, nhưng tục lệ các làng lại rất rộng rãi trong các buổi hội xuân, cho trai gái được tự do luyện ái, miễn là sự luyện ái đừng đi tới trò trên bực trong dẫu.

Hát ví là giọng hát đề làm quen mà cũng là giọng hát đề đòi bên lưu luyện nhau :

Bảo này :

Minh về ta chẳng cho về

Ta nắm cổ áo ta đề bài thơ

Bài thơ ba chữ rành rành

Chữ « trung », chữ « hiếu », chữ « tình » là ba.

Chữ trung thì đề thờ cha,

Chữ hiếu thờ mẹ đôi ta chữ tình.

Có cả cô hai đó ời !

Trông những buổi hội xuân, với các đám hát ví quang cảnh thật là vui. Trời xuân lành lạnh, có khi mưa xuân lớt phớt. Những cô gái què khăn mỏ quạ, má ửng đỏ vì tiết trời, đứng tùm năm tùm ba cùng những bạn trai khăn đóng áo dài, vẻ mặt trung hậu chân thành, cùng nhau hát những lời yêu đương, thật là êm ái. Một đám hội

không phải chỉ có một đám hát, mà có rất nhiều đám hát. Đằng sau chùa, đằng trước chùa, bên bờ ruộng, cạnh đường làng, chỗ nào cũng là chỗ để trai gái tụ tập ca hát.

Hát ví thính hành khắp miền Bắc, nhưng hát ví trong ngày hội thường chỉ nhiều tại mấy tỉnh trung du như Bắc Giang, Bắc Ninh v.v...

HÁT VÍ NGHỆ, TỈNH

Từ trên, tôi mới trình bày về lối hát ví ở miền Bắc. Ở các tỉnh Nghệ, Tỉnh cũng có hát ví, và người dân quê ở vùng này, dù nam hay nữ không ai là không biết hát ví, vì ở đây hát ví cũng như ở ngoài Bắc, là một lối dân ca người đồng quê rất ưa thích.

Tục hát ví trước đây rất thịnh hành, chẳng những bình dân ca hát mà cả đến lớp nho sĩ cũng ham chuộng (1).

Hát lên ta nhởi ta nhởi,

Mấy khi đèn hạnh soi nơi quyền vàng.

Người ta hát theo những câu hát cũ hoặc đặt ra những câu hát mới. Những ai không biết cất điệu uốn giọng thì hát đệm theo người khác. Vì cho rằng có không biết hát nữa, đi dự đám hát, nghe người khác hát, theo dõi từng câu, từng ý, từng cách lấy điệu tìm lời, từng giọng hát để thưởng thức, hiểu được lời, biết được điệu hát, rõ được giọng hay, dù chính mình không hát, cái thú của hát ví vẫn đến với mình.

1) Nguyễn chung Anh.— *Hát ví Nghệ, Tỉnh*

Cũng như ở ngoài Bắc, hát ví là lối hát đối đáp, bên nọ lên tiếng, bên kia trả lời, trả lời sao cho câu hát ăn với câu hát của người lên tiếng. Muốn như vậy, các trai gái hát ví phải ứng khẩu hát ngay tại chỗ nhiều câu hát mới tự đặt ra nếu không tìm được những câu hát cũ. Người dự hát phải chú ý nghe câu hát của người cất tiếng rồi lúc hát đáp vừa cất giọng hát vừa suy nghĩ để lựa chữ tìm vần. Cũng nhiều khi họ dùng những câu có sẵn đã lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác, đã ăn sâu vào trí óc họ.

Sau những ngày làm lưng mệt nhọc, người dân quê vùng Nghệ, Tĩnh cũng như bất cứ người dân quê nơi nào ở Việt Nam cũng cần phải giải trí, và hát ví chính là một thú giải trí tao nhã vừa làm tiêu tan được sự mệt nhọc, vừa làm phấn khởi tinh thần con người để vui với việc làm.

Lắng tai nghe tiếng em « đàn »,

Bằng ai buông chén ngọc đổ vào gan lạnh lòng!

Đàn đây tức là hát ví. Câu hát đã làm rung động lòng người nghe và đem lại sự ấm áp giữa trời lạnh lẽo.

Hát ví là một sự trợ lực cho việc làm, bởi vậy có làm việc là có hát ví như tục *hát phường vãi* ở Nam Đàn (Nghệ An), *hát phường chiếu* ở Can Lộc (Hà Tĩnh) *hát vá lưới* ở các bờ biển, *hát phường buôn* ở các vùng kẻ chợ, *hát phường cấy* trong các vụ gặt cấy v.v...

Hát để giải mệt, hát để trợ lực cho việc làm, nhưng cũng lại là dịp để trai thanh tân, gái yểu điệu tìm hiểu nhau, và đã hơn một lần, những cuộc nhân duyên tốt đẹp đã bắt đầu bằng một canh hát ví như ở ngoài Bắc vậy.

Trong khi làm việc trai gái hát ví với nhau, nhưng các cụ già luôn theo dõi cuộc tranh tài của đôi bên, nhất là các cụ bà, và thỉnh thoảng lại nhắc lời nhắc ý cho con em. Các cụ thường khuyến khích trai gái thương yêu nhau để đi đến những lứa đôi cầm sắt, nhưng trong việc thương yêu, đôi bên đều giữ gìn kính trọng lẫn nhau, và chính các cụ già cũng vừa khuyến khích các cô các cậu nhưng cũng lại canh chừng để giới hạn những cử chỉ yêu thương chỉ ở trong vòng lễ giáo.

Hát ví, trai gái lựa câu để nói với nhau, để giải bày tâm sự với nhau. Thằng hoặc có chàng trai nghèo, gặp một cô gái nhà giàu kiêu kỳ hóm hĩnh, chàng không ngần ngại gì không nói rõ sự lựa chọn lứa đôi của mình :

Trèo lên cây chuối cao tàu

Vừa đôi thì lấy ham giàu mần chi ?

Cô gái cũng chẳng phải vừa ! Chàng trai đã miệt thị sự giàu có, nàng phải cho chàng biết cái giàu là điều vẫn hơn :

Ham giàu rặng lại mần chi ?

Trâu cày, ruộng cấy, có khi thuê phòrơng.

Thuê phường để phường hát đối đáp cho mà nghe tạo nên cảnh phong lưu vui vẻ.

Thường những câu hát ví Nghè, Tĩnh xoay quanh câu chuyện yêu đương; giữa trai gái phải có yêu đương, có yêu đương mới nảy trí, có nảy trí lời hát mới hay:

*Ba trăm năm nước cũ thanh bình,
Mừng nay gió mát trăng thanh một trời.
Thư hương mừng khách anh tài,
Lạ quen xin có mấy lời chào nhau.*

Đó là câu hát lúc mở đầu đôi bên mới gặp nhau. Ý nghĩa câu hát thật là đẹp và tinh tứ biết bao, nhất là khi câu hát lại do một thiếu nữ xinh đẹp hát lên.

Và chàng trai cũng đáp lại bằng một câu hết sức lịch sự, vừa nói lên sự hân hoan của mình, lại vừa ngợi khen nhan sắc của người đẹp.

*Gặp hồi gió mát trăng trong,
Không đi thì sợ phụ lòng Hằng Nga.*

*Hữu tình ta lại gặp ta,
Biết nhau một tiếng đã là biết nhau!*

Đã lịch sự chưa? Phụ lòng Hằng Nga tức là phụ lòng người đẹp đang đối đáp với mình, và người đẹp khả dĩ sánh với Hằng Nga.

Nhiều khi trai gái mới gặp gỡ nhau trong buổi hát đầu tiên, cô gái thấy chàng trai hướng tới mình nhưng không biết chàng trai đã có nơi chốn

nào chưa. Có kin đáo hỏi thăm qua câu hát :

Biết nhau biết tự buổi đầu

Còn e núi thăm sông sâu thế nào ?

Trăm năm chút phận má đào,

Chín khôn một đại làm sao cho tròn !

Lẽ tất nhiên, nếu chàng trai thật lòng thương yêu cô gái, chàng cho cô gái biết tình trạng gia đình của mình :

Sách đèn chăm phận nam nhi,

Đại khoa trước đã, lo gì tiểu khoa.

Cầu Ô đợi bến Ngân Hà,

Ngư câu gieo lá mới là đêm này.

Trong những buổi hát, có những chàng trai than thở về mối tình bị chia cắt :

Chim bay về núi tối rồi,

Gửi thư, thư chậm, gửi lời, lời quên.

Cũng như hát ví miền Bắc, mọi trạng thái tâm hồn đều có những câu hát đề phỏ diễn.

Nhắc lại mối tình xưa chẳng ? Họ sẽ hát :

Nghe tin em đã có con bông

*Anh cho riêng đồng bạc, đúc chiếc vòng châu
đeo.*

Đề mĩa mai ai họ sẽ hát :

Hoa thơm mất nhụy đi rồi,

*Về tô màu thuốc lại bán cho người đường
xa.*

Đề diễn tả một ý chí vững mạnh họ sẽ hát :

Hoa tàn bướm hầy còn xinh.

Chợ tan mặc chợ, quán với đình cứ nghiêm.

Câu hát biến diễn theo mọi hoàn cảnh. Trước đây trong Văn Hóa Nguyệt san số 69, xuất bản tháng 3 năm 1962, các tác giả Hoàng Diệp và Thiết Mai có nhắc đến câu chuyện cụ Phan bội Châu trong một cuộc hát ví được một cô gái quê hỏi thăm một cách rất tài tình :

Vấn quán hà tỉnh, hà danh ?

Hà châu, hò quận ? Niên canh kỷ hà ?

Câu hát chỉ có 14 chữ, lại toàn chữ Hán, mà hỏi được tới năm điều. Câu hát sau này đã được dịch nôm :

Hỏi anh tên họ là gì ?

Quận châu nào tới, tuổi thì bao nhiêu ?

Cụ Phan đã trả lời câu hỏi trên và hát đáp :

Trước Lãm Thúy, sau Hồng Sơn,

Nhà nào đọc sách gầy đàn nhà anh.

Qua câu trả lời, Cụ Phan đã trả lời đề trả lời chứ so sánh câu hỏi với câu đáp, ta thấy câu đáp không sát với ý nghĩa câu hỏi tài tình và lém lỉnh trên, đấy không kể cụ đã dùng Nôm để đáp một câu Hán. Dù sao câu đáp cũng đã nói lên tính tình hào hoa phong nhã và chí khí cương cường của một kẻ sĩ đất Lãm Thúy Hồng Sơn.

Hát ví Nghệ Tĩnh, ngoài những câu hát trao tình, và những câu hát nói lên tâm trạng của trai

gái, còn có những câu hát đố rất khéo léo đôi khi đến hiểm hóc, với những câu trả lời thật hay và thật tài nói lên sự ứng đối lanh lẹ của nam nữ ca hát.

Dưới đây là những câu thách lời đối đã được nhiều tác giả nhắc tới trên sách báo (1).

Thách :

Ai xô ông Tề mà Ông Tề Ngã

Ai lôi ông Phàn mà ông Phàn Tri ? (2)

Chàng mà đối được gái nữ nhi theo về.

Đối :

Ai đập ông Cồ mà Ông Cồ Trúc ?

Ai đơm Vua Vũ mà Vua Vũ Vương ? (3)

Anh đã đối được hỏi nàng tính rằng ?

Thách :

Cô Xuân đi chợ Hạ,

Mua cá Thu về chợ hãy còn Đổng.

*Trai nam nhi đối được, gái má hồng xin
theo.*

Đối :

Anh ở bên Nam sang bán hàng thuốc Bắc.

(1) Phần lớn những câu hát trong đoạn này đều trích trong cuốn *Hát Ví Nghệ Tĩnh* của Nguyễn chung Anh

(2) Tề Ngã và Phàn Tri là học trò Đức Khổng Tử

(3) Cồ Trúc là vua nước Cồ Trúc, Vũ Vương là Vua nhà Chu

Chữa con gái Đông phòng cảm bệnh miền
Tây
Ông Tư Hồng, Bà Nguyệt Lão như anh sang
đây kết duyên.

Thách :

Chi là chưng, chi là đó, chi là đi.
Rượu bồ đào anh không uống, anh uống gì
mà say ?

Đối :

Trung là trung, trung là trưa (giữa)
Xích xuống tí nữa thì trung là ngay,
Anh không say vì rượu mà chỉ say ngãi
nàng.

Trên đây là một số các câu thách và đối, còn nhiều câu khác với lối chơi chữ tương tự. Cũng có một số câu cho tới ngày nay vẫn chưa có người đối được đến nơi đến chốn :

Chữ rằng : Nhật nguyệt tịnh minh

Ngày Nghiêu, tháng Thuần, hội thái bình âu ca

Câu này khó đối bởi hai chữ nhật (日), nguyệt (月) ghép lại thành chữ minh (明). Nhật là mặt trời, nguyệt là mặt trăng, minh là sáng. Nhật nguyệt tịnh minh là mặt trời mặt trăng đều sáng, song nhật, nguyệt lại có nghĩa là ngày tháng. Ngày Nghiêu tháng Thuần chỉ sự thái bình.

Cha con thầy thuốc về làng

*Gánh một gánh hồi hương, phụ tử thiếp hỏi
chàng đối chi ?*

Hồi hương là về làng, phụ tử là cha con, nhưng
hồi hương và phụ tử lại là tên hai vị thuốc Bắc.

Nồi đồng ba, nấu cháo ba ba

Tam tam nhi cứu, hỏi anh đã chín chưa ?

Mấy câu trên là những câu khó đối, và lối
thách đối văn tự này thường chỉ những người có
đôi chút học thức mới đem ra thử tài nhau, còn giới
bình dân họ có những đôi câu đối giản dị và bình
dân hơn, đối đáp ý nghĩa ở ngay nếp sống hằng
ngày, tuy vậy cũng không phải là không tế nhị và
không tài tình. Ta hãy thử nghe câu đố hỏi chú thợ
cày :

Bây giờ hỏi thật chủ cày

Một trăm gánh lúa được mấy tay mấy gò ?

Đáp :

Hai tay úp lại một bàn,

Một trăm gánh lúa được sáu ngàn tư tay.

Nghe tuy giản dị nhưng câu hỏi thật khó, và
câu đáp thật rành. Theo cách gặt lúa Vùng Nghệ
Tĩnh hễ gặt đầy trong nắm tay là một *tay*, hai tay
nhập một là một *gò*, bốn gò là một *lượm*, bốn lượm
bó lại thành một *bó*, hai bó là một *gánh*, mỗi gánh
lúa có 32 gò tức là 64 tay, một trăm gánh là 6.400
tay hoặc 3.200 gò.

Và sau đây là mấy câu đố khác :

Đố:

*Anh muốn hỏi em một lời
Mặt trời ở đó, trốc (đầu) trời ở mô?*

Đáp:

*Anh về van đất, đẩy ơi,
Ra đây em chỉ trốc trời cho anh.*

Đố:

*Nghe tin em buồn bán tài tình.
Hỏi em con cá rô mấy vảy, con cá kình mấy
xương?*

Đáp:

*Anh về đếm mạ giữa nương,
Đếm người giữa chợ thì em mới đếm được
xương cá kình.*

Những câu đối đáp trong hát ví Nghệ Tĩnh thương gần với nếp sống hằng ngày, và cũng luôn luôn thay đổi theo trường hợp của từng người hát.

Thách thức nhau, đối đáp với nhau nhiều khi còn có những câu châm chọc nhau hoặc moi móc nét xấu hoặc hoàn cảnh của nhau, tương tự như các lối dân ca khác ở khắp Bắc, Trung, Nam.

Hát ví Nghệ Tĩnh là một thú của dân quê, rất tiếc ngày nay không còn nữa. Hát ví vùng này đã mất, chính quyền miền Bắc bao giờ cũng chủ trương biến hóa cho đến suy tàn tất cả những cái gì còn đượm dân tộc tính và thay thế vào lối hát

cổ truyền này, phải chăng là những lối hát mới tuy không hợp với tinh thần người Việt Nam nhưng đã được chính quyền cổ võ và ép buộc người dân phải theo.

Văn minh Đông Á trời thu sạch

Này lúc cương thường đảo, ngược ru !

Thi sĩ Tản Đà là một nhà tiên tri khi sáng tác hai câu thơ trên ! Ngày nay cương thường thật là đảo ngược ở miền Bắc, và ở miền Nam người ta cũng đang lo sự suy đồi của văn hóa vì đụng chạm với những sản phẩm ngoại lai !

HÁT QUAN HỌ

Hát quan họ là một lối hát trao tình đặc biệt của mấy huyện Tiên Du, Võ Giàng, Yên Phong tỉnh Bắc Ninh và huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang.

Tương truyền rằng hát quan họ có từ đời nhà Lê và người đặt ra lối hát này là Hiếu trung Hầu tên húy là Diên làm quan dưới triều vua Lê cảnh Hưng. Xuất thân Hiếu trung Hầu là hoạn quan, sau được thăng Thanh Hoá trấn đốc đồng.

Hiếu trung Hầu quê ở xã Lũng Giang, tổng Nội Duệ, huyện Tiên Du, trấn Kinh Bắc. Ngài không có con và khi chết ngài bầu hậu hàng Tổng và hàng năm tổng Nội Duệ mở hội đề kỷ niệm ngài tại Đồi Lim tức là Hồng Vân Sơn.

Hiếu trung Hầu lúc về già, đặt ra lối *hát quan họ* để mua vui.

Đây là một lối hát đối đáp giữa hai bên trai gái, qua những câu hát nam nữ tỏ tình với nhau. Lời hát đôi khi thật văn chương bóng bẩy, đôi khi thật thắm thiết nồng nàn,

Hát quan họ, trai gái đối đáp với nhau không cần tới âm nhạc đệm, nhưng nếu có nhạc càng hay. Trường hợp có đệm nhạc rất hiếm, và thường chỉ thấy trong buổi hát thờ ở các đình làng.

Hát quan họ phải hát giọng đôi, hai người châu miệng vào cùng nhau hát, hai giọng luyện với nhau, tiếng ngân vang, vang vút, tiếng trầm êm ái như ru.

Hát quan họ có nhiều giọng, nhưng có ba giọng chính các nam nữ thanh niên vẫn dùng để đối đáp trong những ngày hội. Ba giọng đó là :

Giọng sống.— Dùng để dạo giọng lúc bắt đầu hát. Giọng sống ngân vút cao nghe đầm ấm nồng nàn. Đây là giai đoạn đôi bên trai gái dò xét ướm hỏi lòng nhau :

*Hôm nay tứ hải giao tình,
Tuy rằng bốn bề nhưng sinh một nhà.*

*Số anh phải lấy vợ xa,
Số em không lấy chồng nhà được đâu.
Đã chót yêu nhau, lấy nhau cho được,
Bỏ lòng này rày ước mai ao !*

Trên đây là một câu hát giọng sống. Lúc hát

lên có những khúc đệm ý a, ý á hoặc ời ư... hoặc những tiếng láy đi láy lại để câu hát ăn với âm thanh, âm thanh ăn với giọng hát.

Những câu hát Sồng có thể dùng cho bên nam, bên nữ cũng được, lúc hát lên bên đương sự chỉ cần đổi một vài chữ trong câu hát cho hợp với mình.

Giọng Vặt.— Sau khi đòi bên dạo giọng bằng một vài câu hát Sồng là những câu giọng Vặt để đòi bên gần bó với nhau. Nếu giọng Sồng chỉ có một giọng thì giọng Vặt lại gồm nhiều giọng : giọng buồn, giọng vui, giọng cao, giọng thấp, giọng ngắn, giọng dài. Chính vì vậy mà gọi là giọng Vặt, giọng Vặt không đồng nhất. Có khi giọng hát bắt chước tiếng đàn với những lời đệm tình tang, tang tênh, có khi giọng hát bắt chước tiếng chim liu lo nhưng nòng nân, có khi bắt chước tiếng run để nghe buồn rầu ảo não. Giọng Vặt cần thay đổi mới nói lên đủ tình tiết yêu thương của đôi bên nam nữ.

Những câu hát giọng Vặt thường có hai câu để đôi bên đối nhau, bên nọ hát lên, bên kia xướng lại dù bên hát trước là nam hay nữ. Cũng như những câu hát giọng Sồng, mỗi câu hát đều có thể dùng được cả cho đôi bên nam nữ chỉ cần thay đổi một đôi chữ trong câu hát để cho hợp với người hát :

Nam :

Ngồi tựa vườn đào,
 Thấy người thực nữ ra vào lòng những
 vẩn vương,
 Gió lạnh đêm trường,
 Nửa chần chờ đó, nửa giường để đó chờ ai,
 So chữ sắc tài,
 Có công gấn bó ai người phụ nghĩa quên
 công.
 Nên chăng đẩy vợ đây chồng !

Nữ :

Ngồi tựa vườn đào,
 Thấy người bạn ngọc ra vào lòng những
 vẩn vơ.
 Tháng đợi năm chờ,
 Yêu nhau chớ để hững hờ với khách tài hoa.
 Khấn nguyện trăng già,
 Duyên tơ xe lại một nhà đầm ấm yên vui.
 Nguyệt lặn sao rời,
 Bỏ công gấn bó, bỏ lời gấn bó giao đoan.
 Nên chăng tình Tấn duyên Tần !

Dưới đây xin thêm hai câu hát giọng Việt khác
 đối nhau :

Nam :

Con chim bồ câu,
 Nó liệng thấp nó lại liệng cao,
 Liệng qua cửa phủ, liệng vào trong dinh
 Ngọn đèn khơi ngọn tam tinh

Khơi lên cho tỏ ta nhìn mặt nhau
 Nhìn người chẳng dám nhìn lâu
 Nhìn qua thấy mặt chịu sầu thiết tha !
 Nào lời tôi dặn hôm qua ?
 Có nhớ những lời tôi dặn hôm qua ?

* * *

Nữ

Con chim bồ câu
 Nó liệng thấp nó lại liệng cao,
 Liệng qua cửa phủ liệng vào trong kho.
 Ngọn đèn chịu gió phát phơ
 Nào lời tôi hẹn bây giờ là đâu ?
 Khơi đèn nhìn mặt thêm sầu,
 Khơi đèn nhìn mặt thêm đau tắc lòng !
 Phụ tình ao ước chờ mong
 Trách ai đã phụ tình ao ước chờ mong !

Trong giọng Vật có cả giọng ngâm thơ. Đây
 là những bài thơ nói lên tình yêu của trai gái :

Biết chăng, chẳng biết hỏi tri âm ?
 Vẩn vút con tơ vẩn ruột tầm.
 Khắc khoải sầu tuôn, lòng tựa bề,
 Bồi hồi dạ nhớ tháng như năm.
 Chăn loan bên đắp bên chờ đợi,
 Chiều nguyệt nửa nằm, nửa biếng thăm.
 Một bức tình thư đưa nhận gửi,
 Thấu tình chẳng hỏi bạn tri âm ?

Giọng Bỉ. — Trai gái quan họ dạo giọng bằng

giọng Sông, gấn bó với nhau bằng giọng Vặt và để chia tay nhau họ dùng giọng Bể, hoặc gọi là giọng Vĩ.

Giọng Bể ngân dài, nói lên sự chua xót của phân ly, sự luyến tiếc của ngày mau tàn, nhất là khi gặp nhau ở những đám hội phải chia tay từ giã nhau.

Bây giờ giáp mặt đình ninh

Xa xôi ai có thấu tình chẳng ai ?

Hay là người đã nghe ai ?

Thả chông đường nghĩa rắp gai lổ tình !

Nội dung câu hát giọng Bể thường là căn dặn nhau, bảo nhau nhớ lấy những lời hẹn ước, đừng vì khuất mắt xa rời mà quên nhau.

Tuy ba giọng hát là ba thời kỳ của buổi hát, gặp gỡ, gấn bó và giã từ, nhưng nhiều khi hát sang giọng Bể rồi, có những đám quan họ lại trở lại hát giọng Vặt như cố náu lấy sự lưu luyến của trai gái đang tuổi yêu đương. Giọng Vặt một đôi câu rồi họ lại chuyển sang giọng Bể để từ biệt và hẹn hò nhau.

NĂM GIỌNG TRÊN

Ngoài ba giọng chính trên, quan họ còn có năm giọng gọi là năm giọng trên. Năm giọng này chỉ hát tới những khi hát giải. Năm giọng đó có những tên nghe thật kỳ khôi : *Đường bạn, Lên núi, Xướng sòng, Hừ la và Tình tang.*

1.— Đường Bạn : Giọng gẩn bó keo sơn với những lời hát rất tình tứ.

2.— Lên Núi : giọng hát khi hát lên, người nghe có cảm giác như thấy một đoàn người reo hò cùng nhau leo núi. Câu hát lối tứ tự. Rất tiếc kẻ viết bài này lâu ngày không còn nhớ được câu nào.

3.— Xuống sông : cũng như giọng lên núi, khi hát lên người nghe có cảm giác như một đoàn người đang bước xuống kín nước ở dòng sông.

4.— Hừ La : Tèn thật kỳ khôi với những bài hát giọng kéo dài đặc biệt.

5.— Tình Tang : Cũng như giọng Hừ La, lúc hát câu hát được đệm bằng những tiếng tình tang.

Năm giọng trên của quan họ chỉ người hát giỏi mới hát nổi, vừa tốn hơi tốn sức, lại phải diễn tả cho đúng điệu của mỗi giọng.

NGUỒN GỐC CỦA TỤC HÁT QUAN HỌ

Như trên đã nói, theo tương truyền thì tục hát *Quan họ* do Hiếu trung Hầu đặt ra để mua vui lúc tuổi già. Vốn là một hoạn quan không có con cái, Hầu đã phó thác sự cúng giỗ của mình sau khi nhắm mắt cho dân chúng tổng Nội Duệ, nhưng trong tuổi già sống không con trơ trọi, ngày tháng nặng nề, Hầu tìm cái vui trong cái vui của đàn trẻ trong thôn xã, trong hàng tổng.

Dựa theo lối hát ví của vùng Kinh Bắc tức là

Bắc Giang và Bắc Ninh ngày nay, Hầu đặt ra lối hát *quan họ* thay cho hát *Vi*, vì hát *Vi* bao giờ cũng chỉ có một giọng đều đều kém linh động. kém tình tiết, kém cả nòng nân, trong lối diễn tả, Vốn đã được hầu hạ nhà vua trong cung cấm, Hầu căn cứ vào những điệu nhạc khi vui khi buồn, khi đầm ấm, khi dãn dỗi để đặt ra lối hát *Quan họ* với những giọng hát diễn tả đúng tình cảm từ lúc trai gái mới gặp nhau, qua thời kỳ gắn bó cho tới khi từ giã tượng trưng bởi ba giọng chính : *Sống, Vặt, Bể*.

Lúc mới sơ khởi, Hầu có ban nhạc cho hòa theo các giọng hát nhưng về sau trong thôn quê, không phải lúc nào cũng sẵn nhạc, nên dân chúng gặp gỡ nhau là hát theo những giọng Hầu đã đặt ra. Thay vì nhạc đệm, họ hát giọng đôi để tránh sự trơ trẽn của giọng đơn ca, để người ca giọng ấm có thể diu dặt người còn non giọng. Hát *quan họ*, lúc đầu chỉ có mấy xã thuộc tổng Nội Duệ như *Lũng Giang, Lũng Sơn, Duệ Đông* v.v... nhưng dần dần, dân chúng vùng lân cận thấy hay đều cùng nhau tập hát. Cho tới thời tiền chiến, tục hát *quan họ* này lan suốt nhiều xã thuộc hai huyện *Tiên Du* và *Võ Giàng* tỉnh *Bắc Ninh*, và còn lan tràn sang một số các xã tỉnh *Bắc Giang* ở bên kia sông *Cầu* như *Mặt Ninh, Nội Ninh* v.v...

MÙA QUAN HỌ.

Chính ra, trai gái quan họ có thể hát với nhau quanh năm. bất cứ vào lúc nào, nhưng đời sống nông dân bận lam lũ làm ăn, nên quanh năm nếu có hát quan họ, chỉ có hát lẻ tẻ, mà hát lẻ tẻ thì lối hát vì thích hợp với đồng quê hơn. Bởi vậy quan họ chỉ được hát trong những dịp lễ bái quan trọng hoặc trong những dịp khao cưới ở các tư gia.

Mùa Xuân là mùa hội hè lễ bái, dân quê nhân vụ chiêm vừa cấy xong, vụ gặt chưa tới, làng làng đua nhau mở hội và nam nữ thanh niên họp nhau thành từng bọn rủ nhau đi hát quan họ.

Mùa quan họ tới với mùa Xuân từng bừng, tới với lòng hân hoan của những chàng trai cũng như của những cô thôn nữ nụ cười nhí nhảnh, yếm thắm thắt lưng điều.

Mùa quan họ là mùa hội Xuân. Có hội xuân là có hát quan họ tại các vùng đã kể.

Sau ba ngày Tết, từ ngày mồng bốn đã có làng mở hội, như làng Hữu Thấp, huyện Võ Giang tỉnh Bắc Ninh. Trai gái quan họ từ các làng kéo nhau tới.

Thường họ tới hội vào lúc quá trưa, và họ hát cùng nhau cho tới tối. Lúc ra về họ lại hẹn hò nhau tới các hội khác.

Suốt ba tháng Xuân, có hội ở làng nào đều có trai gái quan họ kéo nhau tới hát.

Cuối Xuân hội bắt đầu thưa dần. Công việc nhà nông lại bắt đầu vất vả vì sửa soạn cho vụ gặt chiêm hoặc vì dỡ hoa màu phụ.

Rồi rồi, họ hát chơi xuân, bắt đầu có công việc, họ bắt đầu làm việc trở lại và ghi nhớ những kỷ niệm ca hát của ngày xuân. Những cuộc gặp gỡ mùa xuân đã từng tạo nên những lứa đôi đầy hạnh phúc.

TẠI SAO LẠI GỌI HÁT QUAN HỌ.

Tại sao giọng hát này lại gọi là hát quan họ ? Về điểm này, trước đây đã nhiều người giải thích trong số đó có cả nhạc sĩ Phạm Duy. Mọi người đều cho rằng vì sự kính trọng bọn người cùng hát với mình nên dùng tiếng quan để xưng hô, còn họ tức là ý nói một bọn đông. *Quan họ là một bọn nhiều người được sự tôn trọng của những người khác. Hát Quan họ tức là lối hát của những người này.*

Tôi đã được dịp hỏi người dân xã Lũng Giang, các cụ già nơi đây đã trả lời :

— Ta gọi nó là hát quan họ thì là hát quan họ. Chính chúng tôi ở nơi đây cũng không hiểu tại sao lại có danh từ này. Theo các cụ chúng tôi truyền lại thì đầu tiên những người hát là thân nhân họ hàng quan Hầu được ngài dạy cho trước. Quan họ là những người có họ hàng với Quan Hầu, và hát quan họ là lối hát của Quan Hầu tập

cho những người này đầu tiên.

Lời giải thích xét ra rất có lý, vì lúc đầu truyền giọng hát mới, Hiếu trung Hầu tất nhiên phải truyền cho con cháu trước rồi sau mới do con cháu truyền cho người ngoài.

Trong khi chưa ai biết đích xác tại sao lại gọi là Hát quan họ, thiết tưởng nên chấp nhận lời giải thích của các cụ làng Lũng Giang, nơi có đôi Lim và có thể là quê tổ của tục hát quan họ.

MỘT BỌN QUAN HỌ.

Trai gái quan họ, đi hội, họ họp nhau thành từng bọn để thay phiên nhau hát. Trai cũng như gái, một bọn quan họ gồm ít nhất năm người, do một người dẫn đầu, lo việc mời mọc bạn hát, hoặc quyết định những điều liên quan tới cả bọn. Người này các quan họ tôn là anh Hai hoặc chị Hai.

Sau đó là các anh chị Ba, Tư, Năm và Sáu.

Nếu bọn Quan họ có sáu người, ngoài anh Tư hoặc chị Tư còn có anh hoặc chị Bốn. Không có anh Cả hoặc chị Cả như hát Ví.

Một bọn quan họ bao giờ cũng gồm toàn những người cùng một làng, để còn đối đáp hát với trai gái làng khác. Trai gái cùng làng không cùng hát với nhau ở ngày hội.

Họ có thể hát tập hát chơi với nhau trong làng, nhưng đã đến hội, bao giờ họ cũng tìm các bọn quan họ thiên hạ để mời hát, như vậy vừa

được dịp tỏ tài năng nêu danh tiếng cho làng mình, vừa được hát thẳng cánh không nề nang gì.

Tại các hội Xuân, trai gái quan họ, trông thấy những bọn quan họ ở làng nào là họ nhận ra ngay. Mỗi bọn đều có một đặc điểm riêng, khi đứng với nhau hoặc những khi hát với các bạn.

MỜI HÁT Ở HỘI

Đi tới hội, các bọn trai gái quan họ sau khi lễ Phật hoặc lễ Thần, tùy theo hội chùa hay hội đình, cùng nhau đứng ở quanh nơi địa điểm hội, ở sân đình, ở trước chùa, ở những thửa ruộng khô quanh đình chùa. Họ chờ bọn khác mời hát hoặc họ đang tìm kiếm một bọn hát bạn để mời hát. Trong lúc đó họ có thể xem những trò vui khác ở hội như đánh đu, đánh cờ, chơi tổ tôm điếm v.v...

Khi một bọn quan họ thấy một quan họ khác, nếu là bạn quen biết vẫn hát thường trong các hội khác thì dễ dàng lắm. Họ chào nhau, rồi mặc nhiên như đã hẹn hò trước họ cùng nhau hát cầu vui sau khi đã mời nhau trầu nước.

Bọn trai bảo bọn gái :

— Liền chị hôm nay đã đến đây, chắc liền chị vui lòng cho liền em hầu tiếp mấy câu.

Thế là bọn gái nhận lời.

— Liền anh đã không chê chúng em hát kém,

xin liền anh cho chúng em theo.

Xung hỏ với nhau, các bọn nam nữ quan họ thật là khiêm tốn. Họ tôn nhau là liền anh và liền chị, bao giờ cũng tự xưng mình là liền em.

Và họ cũng rất là nhún nhường lịch sự : khi họ nói xin liền anh cho chúng em theo là ý họ muốn bên nam hát trước. Bên nam lẽ tất nhiên cũng phải lịch sự khiêm tốn :

— Liền em chỉ biết những chợ gần, liền chị đã đi chợ xa, xin liền chị cho liền em theo.

Câu nói trên của bên Nam thật hết sức nhún nhặn và tôn trọng bên nữ. Khi họ nói chỉ biết những chợ gần là ý họ muốn nói họ biết ít câu hát, chỉ hát được những câu dễ hát giọng thường, và khi họ nói liền chị đã đi chợ xa là ý họ muốn đề cao bọn nữ biết nhiều câu hát.

Rút cục thường thường bọn nữ hát trước, bọn nam hát sau.

Có những trường hợp có một bọn quan họ nam hoặc nữ tới hội nhưng không gặp những bạn hát quen, chỉ toàn những bọn lạ. Như vậy họ không hát chẳng ? Có chứ, đã đi đến hội phải hát không được hát họ thấy ngứa cổ làm sao, và họ, bịn rịn vô cùng nếu phải về không. Họ ngắm những bọn lạ, rồi họ mời, có khi nam mời nữ cũng có khi nữ mời nam.

Một bọn nam chờ ở hội đã lâu không gặp bạn

quen giờ thấy một bọn nữ họ liền mời. Thấy nhau họ biết nhau ngay đó là một bọn quan họ. Họ biết qua nhân số năm hoặc sáu người, và đi hội nhiều, mắt họ nhìn quen, họ nhận ngay ra đó là một bọn quan họ.

Họ mang trầu tới mời. Đi hội, các bọn quan họ thường có sẵn bọc trầu để mời hát. Miếng trầu là đầu câu hát! Có những bọn quan họ lịch sự, họ không mang trầu ở nhà đi, họ lấy ngay những coi trầu các hàng nước bán trong ngày hội mời các bạn hát. Bạn hát dùng bao nhiêu họ sẽ trả tiền nhà hàng.

Họ mang coi trầu tới trước bọn mà họ đoán là bọn quan họ. Họ mời :

— Mời liền chị soi trầu ! Nhất niên nhất lệ, hôm nay dân làng đây mở hội, gặp liền chị, xin liền chị cho liền em được hầu tiếp ca mấy câu mừng xuân.

Lẽ tất nhiên bọn con gái chối từ nói là không biết hát. Bọn trai sẽ năn nỉ :

— Vui xuân, liền chị biết chợ xa thì đi chợ xa, không biết chợ xa thì đi chợ gần.

Bọn gái lúc đầu từ chối nhưng về sau cũng nhận lời. Cũng có khi bọn gái từ chối hẳn vì họ đã có hẹn với một bọn trai khác. Họ sẽ trả lời thẳng thắn :

— Chúng em xin cảm ơn liền anh. Nhưng thú

thực hôm nay chúng em đã có hẹn, xin hẹn với liền anh đến hội khác.

Có thể các cô đưa ra đề nghị để gặp bọn trai ở hội nào ngày hôm sau hay một ngày gần đó.

Đối với những bọn liền chị đã có hẹn trước như vậy, lẽ tất nhiên các liền anh không thể cố mời được và đành nhận sự hẹn hò một ngày gặp gỡ mai đây.

HÁT Ở HỘI.

Bạn hát gặp nhau, cũng như hai bọn quan họ mới tiếp xúc lần đầu, sau khi chào mời và nhận trầu của nhau, họ bắt đầu hát, bên nào hát trước tùy theo sự thỏa thuận của đôi bên như trên đã trình bày.

Họ hát với nhau qua các giọng Sông, Vặt và Bì.

Họ hát giọng đôi. Bọn gái thường lấy nón che gió để giọng đỡ văng, hát đỡ mệt. Bên nọ hát một câu, bên kia đáp lại.

Trong lúc hát, qua mỗi đoạn, họ lại dùng mấy tiếng gọi nhau như để nói hết tâm tình qua lời ca. Họ nhắc anh Hai ơi, anh Ba ơi... Chị Hai ơi, chị Ba ơi... cho đến anh Sáu ơi, chị Sáu ơi, rồi họ lại gọi trở lại anh Hai, chị Hai nếu câu hát quá dài.

Ngồi rằng ngồi tựa vườn đào

*Thấy người thực nữ ra vào lòng những vắn
vương.*

Chị Hai ơi !

*Gió rằng gió lạnh đêm trường
Nửa chần đề đó, nửa giường đề đó chờ ai*

Chị Ba ơi !

*So rằng so chữ sắc tài
Có công gần bó ai người phụ nghĩa quên công
Chị Tư ơi !*

Họ hát với nhau ở bờ ruộng trước cửa chùa, ở bên đường cạnh đình làng, họ hát với nhau ở trên đồi như ở hội Lim.

Họ xúm nhau nhập thành một bọn, mãi mê hát với nhau mặc cho thời gian trôi qua, mặc cho những ai đi xem có đứng quanh họ để thưởng thức lời ca câu hát của họ. Họ không biết tới ngoại cảnh, đôi bên họ chỉ biết hát với nhau. Mùa Xuân gió tuy lạnh nhưng lòng họ đang xuân !

Chỗ này một đám hát, chỗ kia một đám hát ! Bao nhiêu những câu tình tứ nồng nàn, bao nhiêu những lời hứa hẹn ái ân ! Nhiều cuộc trăm năm đã bắt đầu ở nơi đây qua những câu hát đắm thắm yêu đương.

Thường họ đến hội vào lúc quá trưa như trên đã nói và họ bắt đầu hát vào khoảng giờ Mùi. Họ hát với nhau cho tới lúc bóng chiều đổ xuống mới chia tay. Có khi cùng về một đường, họ tiếp

tục cuộc hát trên đường về. Bọn họ khi đi theo đường đê, giọng hát văng vẳng rất xa, nghe rất du dương. Những lúc chia tay này, bao nhiêu câu hát hay đầy luyện ái họ đều đem ra hát với nhau, và lúc này họ không cần phải chọn câu đối cho xứng với câu xướng của bọn hát bạn mà họ chỉ cần hát để nói lên sự cảm mến nhau.

Gió Xuân miền Bắc lạnh, nhưng họ không thấy lạnh, những câu hát đã khiến cho lòng họ ấm áp.

Họ tiễn đưa nhau đến cổng làng mới chia tay và họ còn hẹn nhau gặp gỡ ở những ngày hội mấy hôm sau. Có những bọn hát họ hát với nhau hết xuân này sang xuân khác và nhiều lứa đôi tốt đẹp đã nên duyên nhờ những khúc hát hội xuân!

MỜI BẠN HÁT TỚI NHÀ HÁT TRẮNG ĐÊM

Có nhiều bọn quan họ, tuy đã hát ở hội và trên đường về với một bọn quan họ bạn, đến lúc chia tay vẫn còn bịn rịn không muốn mỗi bọn về một nẻo. Họ đề nghị mời nhau về làng họ rồi hát suốt đêm.

Đọc đến đây, các bạn sẽ mỉm cười, sao họ say nhau quá vậy? Thật họ quả có say nhau, vì phần nhiều trai gái quan họ đều là những người mới lớn chưa lập gia đình. Như vậy gặp nhau, gần nhau, hát tặng nhau toàn những lời ca đầy tình tứ, làm sao họ khỏi say nhau. Say nhau, họ không muốn

bỏ dở cuộc hát, họ cần hát cho thật thỏa, thật đã, như vậy họ mời nhau về làng để hát mua vui một canh có sao !

Có khi bọn quan họ trai mời bọn quan họ gái, và có khi bọn quan họ gái mời bọn quan họ trai. Thường khi, hai bọn mới gặp nhau đã say nhau lời hát, bọn gái vẫn mời bọn trai về làng. Tại sao vậy ? Xin thưa : bọn trai ngủ đêm ở một làng lạ không sao, còn bọn gái trước khi ngủ đêm tại xã nào cần phải được phụ huynh biết trước và cho phép.

Khi một bọn gái mời một bọn trai về làng, họ phải trình với phụ huynh và bọn hát bạn này thường được tiếp ở nhà chị Hai.

Tục lệ quan họ lạ lắm ! Bọn quan họ trai do bọn gái mời tới làng được phụ huynh bọn gái tiếp đãi rất long trọng. Cha mẹ các cô gái tỏ ra rất quý mến những chàng trai. Những chàng trai này được mời lên nhà trên, ngồi một bên, còn các cô gái ngồi mé bên kia, nghĩa là hai bọn ngồi hai gian bên giường thờ. Đôi bên lại tiếp tục hát, trong khi đó người làng các cô gái kéo nhau tới nghe hát và xem mặt liền anh.

Đôi bên sẽ hát với nhau trắng đêm !

Họ hát quên ăn chẳng ? Không, bọn quan họ trai được tiếp đãi lịch sự với cơm nước thịnh soạn. Các cô gái đã góp tiền nhau để làm cơm mời liền

anh. Lễ tất nhiên liền anh soi côm bên này thì liền chị cũng soi côm ở mé bên kia, và hai mâm đều có vẻ như hai mâm cỗ xuân.

Lần này liền chị mời liền anh, một bữa khác, liền anh sẽ xin phép phụ huynh liền chị để mời lại. Trong khi liền anh tới làng liền chị các trai làng không hề tỏ vẻ ghen tương mà còn tỏ rất nhiều thiện cảm với liền anh là khác.

Không nói chi trai làng, nếu cô gái quan họ có chồng, chồng họ cũng không ghen; và chính họ cũng không nhận là vợ e liền anh mất cảm tình, họ chỉ bảo đó là chày hay họ hàng vì đó thôi ! Trường hợp này rất ít vì các cô gái đã lập gia đình rồi thường giữ ý không đi hát hội như khi còn son trẻ nữa !

Đã có lần, có một chị Hai có chồng đứng đầu một bọn quan họ nữ. Bọn này mời bọn quan họ bạn tới làng, và chị Hai phải lo việc đăng cai, Chính chồng chị đã thân hành làm côm để mời liền anh.

Sau bữa côm, hai bên liền anh và liền chị cùng nhau tiếp tục cuộc hát cho tới tang tảng sáng. Liền anh ra về, liền chị đưa tới tận cổng làng, và cũng có nhiều anh chị em của liền chị đưa chân theo.

Khi một bọn quan họ nam mời một bọn quan họ nữ tới hát đêm thì cũng vậy, cũng côm nước và cũng có người làng tới xem mặt liền chị và cũng tiễn đưa lúc sáng ngày.

Đừng ai có ý nghĩ gì xấu với họ ! Họ tiếp nhau suốt đêm chỉ bằng câu hát, và không có truyện trên bệc, trong dẫu !

HÁT GIẢI

Từ trên tôi mới chỉ trình bày về những cuộc hát vui xuân, ở hội cũng như ở nhà. Hát quan họ có những cuộc thi đua lấy giải rất gay go.

Tại nhiều hội xuân tại vùng quan họ, ngoài các cuộc vui như đánh đu, đánh cờ... còn có treo giải hát quan họ. Thường có ba giải, và giải thưởng thường gồm trà, pháo, khăn điều, đôi khi có thêm tiền.

Giải quan họ được treo suốt ngày hội để các bọn quan họ các nơi có thì giờ tới dự.

Hát quan họ giải thưởng hát ở hành lang đình.

Giải thưởng đặt ở trên một án thư, hai bên là hai chiếc tràng kỷ, dành cho hai bên dự giải, một bên Nam, một bên Nữ.

Trên án thư, về mé bên nữ có úp 10 chiếc chén và mé bên nam có 6 chiếc. Mỗi khi bên nào thua, bị lấy đi một chiếc chén. Như vậy, muốn thắng bên nam phải thắng bên nữ mười câu, còn bên nữ chỉ cần thắng bên nam sáu câu là được. Hát được một bọn chưa phải là được, có thể có những bọn khác vào tranh tài. Bọn thắng phải làm sao giữ giải trong suốt thời gian ấn định của hội làng có khi một hai ngày, có khi ba ngày.

Đôi bên hát giải dưới sự trọng tài của một

người cầm trịch. Người cầm trịch là một người hát giỏi biết nhiều giọng, có thể hát lại được những câu hát sai của bên thua.

Muốn vào dự giải, bọn dự thi phải hát qua đủ năm giọng trên cho người cầm trịch nghe. Không hát đủ năm giọng trên không được dự hát giải.

Hát giải quan họ cần phải hát đối nghĩa là bên hát một câu bên hát sau phải có một câu đối lại, phải đối cả ý lẫn giọng, sai ý hoặc sai giọng đều không được. Khi đối giọng phải đối đủ những mạch đẽm câu như ý 'a, tình tang tính, hự răng ới hự. Thí dụ :

Ngồi rằng ngồi tựa có mấy vườn ới ha hạ đào.

Những mạch đẽm câu có mấy ới ha hạ, cần phải được nhắc lại trong câu hát đối.

Thí dụ trên là đối giọng. Dưới là đối ý :

Ngắm xem duyên số buồn tình

*Muốn lên thượng giới tại thiên đình hỏi số xem
chơi*

Mườn tàu bay thẳng lên trời

Sớ tàu trời bảo có người hạ giới kết thân.

Vội vàng hạ máy xuống dần,

Quả nhiên gặp bạn châu trầu là đây.

Nên chẳng định liệu một ngày !

Câu hát trên ý thiết mới, và cũng mới có từ hồi Pháp thuộc. Để đối với câu này, giới quan họ gọi là câu Tàu Bay, có câu Tàu Ngắm sau đây :

Ngắm xem duyên số buồn tình,
Tàu ngàmvận lái đặng trình thẳng tới Thủy cung
Được vào bệ kiến vua Rồng,
Nhà vua tra sổ phán rằng tốt số nhân duyên.
Vội vàng tàu lái về liền
Quả nhiên gặp được bạn hiền nơi đây,
Nên chẳng định liệu một ngày !

Khi hai bên dự giải đã hát xong năm câu hát
giọng trên và bên nào đã ngồi vào phía bên nấy,
người cầm trịch mới gieo âm dương để xem bên
nào hát trước.

Có nhiều khi bên Nam nhường cho bên Nữ hát
trước mà không cần bói âm dương.

Trong lúc hát thi, dân làng và khách xem hội
đứng bu quanh để thưởng thức tài nghệ của đôi
bên. Có những trường hợp đôi bên đều hát giỏi,
giằng co nhau đến hết hội không bên nào thua, và
giải thưởng được chia đôi. Tuy nói là chia đôi
nhưng trên thực tế, thường bên nam nhường giải
cho bên nữ.

Đề mừng bên thắng cuộc, dân làng đốt bánh
pháo. Sau bánh pháo mừng, bọn quan họ thắng giải
vào lễ thần tạ ơn trước khi lĩnh giải.

Giải thưởng tuy không đáng là bao, nhưng bọn
được giải thực là hãnh diện.

KẾT BẠN

Đặc biệt nhất trong làng quan họ là tục Kết Bạn.

Hai bọn quan họ thuộc hai làng khác nhau, một bọn nam và một bọn nữ, sau khi đã hát với nhau nhiều lần ở nhiều hội xuân và cũng đã mời nhau về để hát đêm nhiều canh, thường kết bạn với nhau.

Kết bạn, nghĩa là đôi bên giao kết chỉ hát với nhau ở hội và không hát với bọn nào khác. Việc kết bạn phải được phụ huynh và hương chức hai làng chấp thuận.

Đôi bên muốn kết bạn với nhau phải trình với phụ huynh và hương chức biết để xin sự đồng ý, nhất là những bọn quan họ nữ, càng cần được sự chấp thuận của dân làng hơn.

Bọn quan họ nam được bọn nữ cho biết hương chức trong làng và phụ huynh của bọn này đã bằng lòng sự kết bạn của họ với bọn Nam, và họ mời bọn nam tới ngày hội làng họ, hoặc nếu ngày hội đã qua rồi thì một ngày sóc vọng, tới yết thần ở đình làng. Bọn Nam đến đúng hẹn cùng nhau mua đồ lễ thường gồm hoa quả, trầu cau, trà rượu, đi đến làng bọn nữ. Bọn nữ đợi đón họ cùng với dân làng, đưa họ vào đình trình diện với các hương chức. Giới thiệu xong bọn trai lễ yết thần. Có đốt pháo để mừng sự kết bạn của đôi bên. Sau đó đôi bên cùng hát thờ thần.

Kể từ ngày đó, bọn Nam được dân làng bọn nữ coi như những người thân của làng xã. Họ quý những chàng trai đó như những rể làng. Mỗi khi

làng có công việc gì vui mừng, bọn trai đều được bọn gái mời tới để hát thờ thần và sau đó hát mua vui một vài canh. Lễ tất nhiên mỗi lần bọn trai tới đều có đồ lễ yết thần, và bọn trai được bọn gái khoản đãi rất thịnh soạn.

Bọn trai đã đến làng bọn gái rồi, một ngày sau bọn gái cũng nhân một ngày lễ thần ở làng bọn trai, tới lễ nơi đây, hát thờ thần và sau đó cùng bọn trai hát một canh để dân làng bọn trai thưởng thức tài nghệ của liền chị. Bọn gái cũng được dân làng bọn trai tiếp đãi quý trọng như những cô dâu làng.

Đôi bên đã kết bạn rồi, khi làng bọn Nam có lễ, bọn Nam mời là bọn gái tới lễ và hát không cứ trong mùa xuân mà bất cứ dịp nào trong năm. Bọn nam đối với bọn nữ cũng vậy.

Và khi đi hội chỉ có hai bên hát với nhau. Bọn trai hát với một bọn gái khác, bọn gái sẽ ghen, và bọn trai cũng sẽ ghen nếu bọn gái kết bạn với mình hát với một bọn trai khác.

Nếu tại một hội nào, vì chờ đợi lâu không thấy bọn kết bạn với mình tới, bọn nam hoặc bọn nữ có một bọn khác mời, lỡ đang hát dở, họ đành phải xin lỗi bọn kia để trở lại hát với bọn kết bạn.

Trai gái quan họ đều biết rõ lệ này, nên khi bọn đang hát với mình xin lỗi vì có bọn kết bạn đã tới, họ liền vui lòng ngừng hát để trả cho hai bọn

kết bạn hát với nhau.

Tục kết bạn quan họ gần giống như việc cưới xin giữa hai bọn hát, nhưng chỉ ở trên phương diện ca hát mà thôi, vì các cô cậu tuy có kết bạn quan họ nhưng vẫn toàn quyền muốn lập gia đình với ai cũng tùy.

Nếu một người trong bọn quan họ kết bạn lấy vợ hoặc lấy chồng, bọn kết bạn đều có đồ mừng, và trong dịp này đôi bên thường hát với nhau suốt đêm đề mừng cho cô dâu chú rể.

Trong những đám tiệc khao vọng, các bạn quan họ cũng thường được mời tới hát để chúc mừng gia chủ và đề mua vui cho dân làng của bạn hát.

Những bọn kết bạn với nhau thường dành cho nhau rất nhiều kỷ niệm. Khi đã lập gia đình không còn đi hát hội nữa, nhắc đến những kỷ niệm cũ là những điều rất thích thú của trai gái đã từng đi hát quan họ. Các bà vợ và các ông chồng không hề bao giờ ghen với các bạn quan họ của chồng hoặc của vợ. Họ đã biết tục lệ, và kết bạn chỉ là kết bạn chứ kết bạn không là hôn nhân.

*
* *

Đại để những điểm chính về hát quan họ đã được trình bày. Trong đám cưới, trong đám khao, đề mua vui cho quan khách chủ nhân có khi mời hai bọn quan họ tới hát đối đáp trong đám tiệc.

Và có làng trong những dịp hội xuân có mời các bọn quan họ tới hát thờ.

HÁT TRỐNG QUÂN

Hát trống quân cũng là một lối hát trao tình giữa trai gái. Thường trống quân hay được hát về dịp Trung thu và hát ngoài trời, dưới trăng.

Hát trống quân có bên nam và bên nữ. Hai bên ngồi đối diện nhau, trống quân lập nên ở giữa.

Trống quân lập rất dễ dàng. Một chiếc thùng chè hay thùng sắt tây không thì càng tốt, hai chiếc cốc, một dây thừng và một que chống thừng cho căng. Tất cả vật liệu để lập trống quân chỉ có thế, nhưng trong tháng trung thu từ đêm mừng bảy tới đêm mười sáu, trống quân lập nên tại một xóm nào ở làng quê là trai gái trong làng kéo nhau tới hát và nghe hát.

Hai chiếc cốc đóng giữ hai đầu thừng, có khi là một sợi mây; dây thừng bắt qua chiếc thùng nằm vào khoảng giữa hai đầu. Chiếc que chống chiếc thừng trên mặt thùng cho dây thật căng. Dây càng căng, tiếng văng càng dài. Đánh trống quân là một chiếc dùi trống nhỏ bằng tre. Dùi tre đập vào thừng văng ra những tiếng *thình thừng thình*.

Tại các làng quê, vào dịp Trung thu, trai gái làng quê trước đây thường lập trống quân để hát mua vui với nhau. Có khi là con trai, có khi là

con gái. Hát đối đáp là cái thú của trai gái chưa vợ chưa chồng. Một chàng trai đi đến một xóm có lập trống quân. Chàng vào hát nhưng chỉ muốn hát với những gái còn son rỗi. Ngồi xuống đám trống quân, cầm chiếc dùi đánh trống, tiếng *thình thùng thình* bật ra, chàng bắt đầu ca :

Tháng tám anh đi chơi Xuân (1)

Đồn đây có hội trống quân anh vào

Thình thùng thình

Trước khi hát anh có lời rao,

Không chồng thời vào, có chồng thời ra

Thình thùng thình !

Có chồng thời tránh cho xa

Không chồng ta sẽ lân la tới gần !

Thình thùng thình

Tiếng rằng ca hát đối đáp thường dành cho trai gái thanh tân, đôi khi cũng có những người đã thành gia thất nhưng vẫn muốn hát để nhớ lại thuở còn con gái. Các người này cũng lập nên trống quân nhưng chính họ là người hát trước, và họ cũng không dấu gì tình trạng hộ tịch của họ, họ đã có chồng và có cả con :

Trống quân em lập nên đây

Áo rủ làm chiếu, khăn quàng làm mừng.

Thình thùng thình.

(1) Có lẽ xuân đây là tuổi xuân.

*Mua vui với ánh trăng, trong
Có con cũng hát, có chồng cũng chơi.*

Thình thùng thình

Con thì em mượn vú nuôi.

Chồng thì em để hát nơi xóm nhà

Thình thùng thình

Với câu hát trên, người hát đã nói rõ tình trạng gia đình của mình, bên Nam ai hứng thị hát, ai không chịu thì đi tìm đám trống quân khác mà hát với các cô thiếu nữ chưa chồng.

Trống quân nhiều khi lập nên, chỉ có một bên nam hoặc nữ. Họ chờ đợi người tới hát. Họ đánh trống và hát một mình để như mời người tới đối đáp.

Trống quân anh đánh nhịp ba

Lúc vào nhịp bảy, lúc ra nhịp mười!

Thình thùng thình.

Hoặc là họ hát những câu bông đùa để khuyến khích những người còn lảng vảng bên ngoài chưa dám ngồi xuống hát. Thường các cô thiếu nữ hay khiêu khích những chàng trai:

Trống quân có đĩa thịt bò,

Những anh không vợ đi mò cả đêm!

Thình thùng thình!

Hoặc:

Trống quân, trống quit, trống còi,

Ta chẳng lấy nó, nó đòi lấy ta.

NHỮNG LỐI HÁT TRỐNG QUÂN

Nếu hát quan họ khi hát có ba giọng chính để đối đáp với nhau thì trống quân chỉ có một giọng, nhưng câu hát lại nhiều, người hát có thể ứng khẩu đặt ra câu hát được.

Hát quan họ, vì ở nhà quê, trong những buổi hát hội thường hát giọng đôi, và câu hát phải hát theo giọng, nên phải có câu hát trước, không thể ứng khẩu được; hai người hát, một người ứng khẩu, người kia biết sao mà theo.

Hát trống quân dễ ứng khẩu, câu hát do đó thay đổi tùy người đi người hát, và với sự ứng khẩu, câu hát thường nói lên rõ được tình tiết tâm trạng của người hát.

Hát trống quân có hai lối hát :

— *Hát vắn*, là hát theo vần

— *Hát đố*, là hát thành những câu đố bắt buộc đối phương phải trả lời.

HÁT VẮN

Đây là lối hát thông thường mỗi khi có trống quân lập nên. Hát chỉ cần theo vần, người hát hoặc dùng những câu hát sẵn hoặc tự đặt ra những câu hát mới, thường theo thể lục bát hoặc lục bát biến thể.

*Đã đi đến chốn thi chơi,
Đã đi đến chốn tiếc lời làm chi !*

Đã gặp nhau ở đây thì,

Hát năm ba khúc bỏ khi vắng nhời.

Đó là một câu thông thường trai gái thường hát lúc bắt đầu cuộc hát.

Có khi bèn gái lập nên đám trống quân, có những chàng trai hát giỏi tuy đã tới đám nhưng chưa chịu ngồi vào hát. Bèn gái mời :

Đồn chàng là khách tài hoa,

Mời chàng đối đáp một và trống canh.

Có lá mà lại có cành,

Có em mà lại có mình mới vui !

Câu mời sao mà khéo léo. Chàng trai biết cô gái muốn mời mình, ngồi vào đám hát, và để tạ lòng người đẹp, chàng cũng hát một câu rất là phong nhã :

Người thanh lời nói cũng thanh

Thấy ai lịch sự lòng anh vui mừng !

Đêm trăng sáng chỉ có chừng

Đôi ta đã gặp thì đừng xa nhau.

Những trai gái trống quân lúc hát thường đã biết nhau nhưng cũng nhiều khi gặp người lạ. Trong trường hợp này họ dò xét tình ý nhau qua câu hát, hỏi thăm nhau đã thành gia thất chưa, đôi bên bằng lòng nhau liệu bác mẹ có tác thành cho chăng.

Thấy nàng anh cũng muốn thương

Sợ nàng còn vương tơ vương nẻo nào !

*Xuân xanh mấy độ trăng cao,
Yêu nhau bác mẹ vun vào cho chẳng ?*

Có những câu hát trai gái thử tài nhau xem chàng có phải là con người học thức, xem nàng có phải là gái trâm anh biết đủ điều tứ đức tam tòng.

Đây là gái thử trai :

*Truyện Kiều anh đọc đã lâu,
Xin anh hãy kể một câu hết Kiều.*

Chàng trai chỉ việc đáp :

*Trăm năm trong cõi người ta,
Mua vui cũng được một vài trống canh.*
Hoặc bên gái thử bằng những câu sau :

*Truyện Kiều anh đọc đã thông,
Xin anh hãy kể một dòng chữ Nho.*

Đáp :

*Hồ công quyết kế thừa cơ,
Lễ tiên bình hậu khắc cò tập công.*
Trong câu trên toàn chữ Nho, không có một chữ Nôm nào.

Hay câu sau đây :

*Truyện Kiều anh kể đã thông,
Xin anh hãy kể một dòng chữ Nôm.*

Đáp :

*Này chồng, này mẹ, này cha,
Này là em ruột, này là em dâu.*

Trong câu trên toàn chữ Nôm, không có một chữ Nho nào.

Đây là những câu gái thử trai, những câu trai thử gái cũng nhiều :

*Thấy em là gái trâm anh,
Hỏi em hai chữ bố kinh thế nào ?*

Đáp :

*Bố kinh thờ mẹ thờ cha,
Thờ chồng trọn đạo cùng là nuôi con.
Và có khi chàng trai đi sâu hơn :*

*Thấy em anh cũng quý lòng,
Hỏi em tứ đức, tam tông là chi ?*

Đáp :

*Theo cha rồi lại theo chồng,
Khi chồng trăm tuổi, dốc lòng theo con.*

*Tam tông đạo ấy vuông tròn,
Thì câu tứ đức ai còn nghĩ suy !*

*Công, dung, ngôn, hạnh nữ nhi
Phận em là gái em thì phải theo.*

Trong những đám hát như vậy, hai bên đều thuộc nhiều câu hát và hai bên đều có tài ứng khẩu để trả lời nhau.

Thường trai cũng như gái, trong những đám trống quân thán tám, mỗi bên có đôi ba người, luân phiên nhau hò hát để mua vui. Tuy mỗi bên mấy người, nhưng cặp trai gái nào có tình ý với nhau, họ chỉ đối đáp với nhau.

Có những đám hát thi, mỗi bên chỉ một người hát cho đến mãn cuộc.

HÁT ĐỐI

Hát vận là hát theo vần, dùng những câu có vần mà hát với nhau.

Trong những cuộc hát thi hoặc trong đám hát mà trai gái hai bên đều muốn cho người nghe hát cùng thấy rõ tài nghệ của mình, họ thường dùng những câu hát đối bắt đối phương phải trả lời. Những câu đối có khắp trên mọi lãnh vực, về luân lý, về lịch sử, về vạn vật cũng như về những điều thông thường cần biết.

Dưới đây là mấy thí dụ.

Hỏi :

Cái gì nó bé nó cay ?

Cái gì nó bé nó hay chữa quyền ?

Đáp :

Hạt tiêu nó bé nó cay

Đồng tiền nó bé nó hay chữa quyền.

Hỏi :

Đố ai biết đá mấy hòn,

Núi cao mấy ngọn, trăng tròn mấy trăng ?

Đố ai biết lúa mấy cây

Biết sóng mấy khúc biết mây mấy tầng ?

Đây là một câu đố mẹo, vì đố những điều không ai có thể trả lời được. Đáp lại một câu đố

mẹo, người ta cũng phải trả lời mẹo :

Đá kia chỉ có một hòn,

Núi kia một ngọn, trăng tròn đêm nay.

Lúa kia chỉ có một cây.

Sông kia một khúc và mây chín từng.

Trong câu trả lời, người đáp đã thông thường hóa những điều mình trả lời. Đá nào biết bao nhiêu hòn, nhưng đá nào cũng là hòn đá, vậy chỉ dùng hai tiếng hòn đá bất cứ hòn đá nào. Ngọn núi, khúc sông và cây lúa cũng vậy. Ai biết mà đếm được, cho nên bất cứ ngọn núi nào cũng là ngọn núi, khúc sông nào cũng là khúc sông và cây lúa nào cũng là cây lúa.

Riêng có trăng tròn thì đêm nay dưới ánh trăng thu đôi bên ca hát với nhau trăng đang tròn vậy.

Mây được trả lời là chín từng vì ca dao có câu :

Nhất cao là chín từng mây.

Và câu đố dưới đây tương tự như những câu hỏi về vạn vật :

Hỏi :

Quả gì năm mùi sáu khe,

Quả gì nứt nẻ như đe thợ rào ?

Quả gì kẻ ước người ao,

Quả gì lấp lánh như sao trên trời !

Quả gì ăn đủ năm mùi,

Quả gì to lớn có người ngồi trong ?

Quả gì thích chữ trạm rồng,
Quả gì cùi trắng nước trong hời chàng ?
Quả gì da nó vàng vàng,
Quả gì lặn lóc giữa đàng cái đi ?
Quả gì da nó sù sì,
Chàng mà đáp được, thiếp thì theo không.

Đáp :

Quả khế năm mùi sáu khe,
Quả na nứt nẻ như đe thợ rào.
Quả mận kẻ ước người ao,
Quả mơ lấp lánh như sao trên trời.
Quả lê ăn đủ năm mùi,
Quả động to lớn có người ngồi trong.
Quả chuông thích chữ trạm rồng,
Quả dừa cùi trắng nước trong đó chàng !
Quả thị da nó vàng vàng,
Bùa yêu lặn lóc giữa đàng cái đi.
Quả mít da nó sù sì,

Nay anh giảng được em thì theo anh.

Mấy câu đối đáp trên chỉ là một thiểu số trong hàng trăm câu hát đối đáp có sẵn.

Trai gái, khi hát thường chỉ dùng những câu hát vận mới nói lên được hết cảm tình yêu thương của nhau. Ít khi dùng đến hát đố như trên đã trình bày. Cũng có khi trong làng, trai xóm này gặp gái xóm khác, đôi bên tức khí nhau mới dùng đến

những câu hát đố, mục đích để dẫn mặt nhau và đánh bại nhau trong câu hát.

NGUỒN GỐC TỤC HÁT TRỐNG QUÂN

Hát trống quân là một lối hát thuần túy Việt Nam. Có người cho rằng lối hát này bắt nguồn từ đời nhà Trần. Thời đó khi quân Việt phải chống quân Nguyên, đức Trần hưng Đạo đặt ra lối hát trống quân để quân lính mua vui với nhau.

Cũng có người lại cho rằng hát trống quân là một tục của người Tàu truyền sang Việt Nam và bảo rằng tục hát này bắt đầu từ đời nhà Tống. Lúc bấy giờ nước Tàu bị quân Nhung dịch quấy rối, quân sĩ phải đi đánh giặc nhiều, nhớ nhà nên ông Bao Công mới đặt ra tục hát trống quân để quân lính đóng bên Nam, bên Nữ hát với nhau cho đỡ nhớ nhà.

Ông Văn Thôn trong Văn Hóa Nguyệt San số xuất bản về tháng 6, 7-1957, lại cho tục hát trống quân mới có từ đời vua Quang Trung. Ông đã viết :

Riêng về nước ta, vị anh hùng dân tộc Quang Trung cùng đánh dấu ngày rằm tháng Tám bằng một cử chỉ không nhuộm vẽ hoang đường, dài các nhưng vô cùng thiết thực mà nên thơ. Muốn cho binh sĩ theo ngài đi đánh Đông dẹp Bắc, quên nỗi nhớ nhung cố quận, vua Quang Trung đã cho họ trong các giờ nhàn rỗi, nhất là các đêm gió mát

trăng thanh, cùng nhau hát nhịp, để vừa hát đối, một bên nam, một bên nữ, vừa đánh nhịp vào một dulong dây thép, căng trên một chiếc thùng rỗng ruột. Nhân dân thấy hay lạ, đã bắt chước rồi áp dụng cuộc tiêu khiển vào ngày hội rằm tháng tám mà gọi đó là tục hát Trống Quân.

Ý kiến của Ông Văn Thôn không biết đúng hay sai, nhưng có điều chắc chắn là hát Trống Quân là một lối hát rất phổ thông tại miền Bắc, nhưng lại rất ít thấy tại hai miền Trung và Nam. Nếu đúng hát Trống Quân do vua Quang Trung đặt ra cho quân lính và được dân gian bắt chước, hát trống quân phải được phổ cập nhiều ở miền Trung, nhất là ở phía Nam mới đúng.

Dù tục hát Trống quân có từ đời nào, và do ai đặt ra thì tục này cũng đã ăn sâu vào phong tục dân quê Việt Nam, và đã là một trong ba lối hát giao tình chính của nam nữ thanh niên Bắc Việt trước đây.

HÁT CÒ LẢ

Ngoài ba điệu dân ca chính để trai gái hát trao tình với nhau, miền Bắc còn một điệu hát rất đáng kể và cũng rất phổ thông đó là điệu *hát cò lả*.

Điệu hát này không dùng để hát hội, thường chỉ được hát trong lúc làm việc khi có một bọn nam nữ, hoặc hai bọn nam nữ cùng đối đáp.

Thí dụ :

Câu hát :

*Con cò bay lả bay la
Bay ra cửa Phủ bay về Đồng Đăng*

Điệp khúc :

*Tình tình tang, tang tình tình
Cô mình ơi, cô mình rằng, rằng có nhớ, nhớ
hay quên.*

Câu hát thường là một câu lục bát, do một người hát, còn điệp khúc do cả bọn cùng ca.

Điệp khúc, điệu không thay đổi, nhưng lời đôi khi thay đổi.

Thí dụ :

*Mình nay vận mở thái hòa,
Bốn phương lạc nghiệp âu ca thái bình.*

Điệp khúc :

*Tình tình tang, tang tình tình
Dân làng ơi, dân làng rằng, rằng có nhớ, nhớ
hay quên.*

Thường thì trai gái gọi tới nhau trong điệp khúc.

*Trông trăng như nón không quai,
Như thuyền không lái như ai không chèo.*

Điệp khúc :

*Tình tình tang, tang tình tình.
Cô mình ơi, cô mình rằng, rằng có nhớ, nhớ
hay quên.*

Hoặc :

*Người ta chồng trước vợ sau,
Anh kia không vợ như cau không buồng.*

Điệp khúc :

*Tình tình tang, tang tình tình
Anh chàng ơi, anh chàng rằng, rằng có nhớ,
nhớ hay quên.*

Hát cò lả là một điệu hát rất vui, vui vì nhiều người hát và giúp đỡ người ta quên mệt trong lúc làm việc, nhất là công việc ngoài đồng.

Cái vui của trai gái làm vui cả những người đứng tuổi cùng làm việc, nhất là các bà già thường vun vào để trai gái làng thương yêu nhau.

HÁT CÁC PHƯỜNG

Đây là những lối hát đặc biệt của vùng Nghệ Tĩnh. Chính ra những lối hát này chỉ là biến thể của hát ví vùng Nghệ Tĩnh và được ca hát trong những khi làm việc thuộc các nghề thủ công và làm ruộng.

Như trên đã trình bày, câu hát trợ lực cho việc làm giải trí con người trong những lúc nghỉ ngơi và trong những khi hội hè đình đám ; đây là cuộc chung vui của cả người hát lẫn người nghe.

Tại vùng Nghệ Tĩnh các nghề nghiệp được tổ chức thành phường, và những phường này trong khi làm việc trai gái thường ca hát với nhau, để việc làm tăng thêm năng xuất và cũng là dịp để trai gái trao tình với nhau, có khi kén bạn trăm năm qua câu hát. Những cuộc hát phường có tổ

chức nhất là hát *phường cấy* và hát *phường vãi*, Ngoài ra cũng còn nhiều phường khác nữa như phường buôn, phường củ v. v... (1)

HÁT PHƯỜNG CỦ

Đúng ra phải gọi là hát chặt củ, vì câu hát được mọi người hát trong lúc rử nhau đi chặt củ trong rừng.

Nghệ An, Hà Tĩnh nhiều rừng núi, dân chúng sau những vụ mùa, công việc đồng áng đã vơi, rử nhau vào rừng chặt củ. Họ đi với nhau thành từng đoàn, như vậy để vừa vui công việc vừa hỗ trợ lẫn nhau nếu bất thần có hoạn nạn như gặp thú dữ, bị cây cối đè, bị té ngã hoặc bị bất cứ tai nạn gì. Có đồng vui, là có hát. Họ hát để quên mệt và cũng là để trai gái nhẵn nhủ nhau.

Đi chặt củ, ngay từ sáng tinh mơ thanh niên, thanh nữ đã cùng nhau mo côm, đôn sóc và lạt hợp nhau ở ngã ba đường để cùng đi thành từng hàng vào rừng. Họ phải leo núi, băng suối tới nơi có nhiều củ.

Núi Hồng Lĩnh thường được dân các hạt Can Lộc, Nghi Xuân, Đức Thọ, Thạch Hà kéo nhau vào chặt củ và họ gọi núi này là núi Ngàn Hồng.

Đoàn người vào tới rừng, tản mát ra mỗi người một bụi để chặt củ. Công việc vất vả, họ

(1) Những câu hát các Phường ở đây đều trích trong cuốn *Hát ví Nghệ Tĩnh* của Nguyễn chung Anh.

vui vẻ làm. Trưa họ nghỉ ăn cơm rồi lại chặt cho đến chiều.

Vừa chặt củi, thỉnh thoảng có người cất lên tiếng hát.

Không đi thì nhớ thì thương.

Ra đi lên động xuống trường nhọc nhằn.

Động là con đường lên dốc núi, còn trường là con đường hẻm giữa hai trái núi. Câu hát trên nói lên sự nhớ thương của họ đối với núi rừng và nói lên sự nhọc nhằn khi đi chặt củi.

Hát để tả sự nhọc nhằn, hát để ca tụng công việc, nhưng hát nhiều hơn là những khúc hát yêu đương.

Đợi chờ anh với em ơi,

Sau rồi lên ngược xuống xuôi anh chờ !

Tiếng hát vang lên trong khu rừng ở một bụi nào, hòa với tiếng dao chặt vào củi như làm nhịp cho câu hát. Một tiếng hát cất lên ở bụi này, lập tức ở bụi kia có tiếng êm ái đáp lại :

Lên rừng những lách cùng lau,

Những sáng cùng cỏ biết anh đâu mà chờ !

Và không lâu, câu hát chưa dứt ở một bụi thứ ba đã có một chàng trai lên tiếng :

Tiếng ai nói với bên non

Muốn sang coi thử có dòn hay không ?

Có câu hỏi ắt có câu trả lời :

Một ngày hai bạn trèo non

Lấy gì mà đẹp mà dòn hỏi anh !

Tiếng hát lên, tiếng đáp lại, khu rừng rậm bỗng rộn ràng sinh khí. Pha vào đấy là những tiếng cười và đôi khi là những câu nói tạo cho khung cảnh thêm vui vẻ.

Với những câu hát, thời gian đi quá mau và công việc cũng nhiều kết quả, củi dẫn nhanh hơn, chẳng mấy chốc người người đều được một gánh nặng.

Đoàn người gánh củi trên vai lại đi thành hàng để trở về làng. Ra khỏi rừng cỏ người còn quay nhìn lại như luyến tiếc, và có khi một câu hát lại được cất lên.

Ra về chỉ một ngóng (nhìn) theo

Ngóng rừng rừng rậm, ngóng đèo đèo cao !

Tiếng hát vang, bước chân nhịp nhàng, phưởng củi thoăn thoắt bước, gánh củi kéo kẹt trên vai chẳng mấy lúc đã về tới làng.

Một câu hát của người đi đầu báo tin cho làng xóm biết phưởng củi đã về :

Động cơn (cây) Mai thì hốc (dốc)

Động trợ Đó thì dài

Ra đến động Hai vai

Thậm chừng chi là khỏe

Chi thậm chừng là khỏe

Câu hát của người đi đầu vừa dứt, mọi người đi sau đồng thanh tiếp vào hai tiếng **Hay chưa** (đã hay chưa).

Thật là vui, thậm là vui. Cũn được nhiều, một ngày qua không phí một ngày.

HÁT PHƯỜNG CẤY

Hát phường cấy có ở khắp vùng Nghệ Tĩnh, nhất là nơi nào nhiều ruộng.

Mùa cấy, nhà nông phải mượn thợ cấy để cấy lúa, và thợ cấy thường đi thành phường, trong phường thợ cấy thế nào cũng có đôi ba cô nhan sắc. Trai làng thấy có phường cấy, lại có các cô thợ cấy duyên dáng xinh đẹp, là ngay buổi chiều hôm đó, cõm nước xong các cậu rủ nhau một bọn tới nhà có phường cấy để xin phép chủ nhà hát đối đáp với gái phường. Lại những câu hát yêu đương tình tứ của vùng Nghệ Tĩnh mà dưới đây xin trích ra ít câu.

Thoạt tiên là những câu xã giao chào hỏi :

Nhân đêm thông thả mát trời,

Nghe tin bướm nhẩn, vội dõn gót qua.

Đến đây mừng cảnh mừng hoa,

Trước mừng hai cố, sau ra mừng phường,

Hai cố đây tức là ông bà chủ nhà còn phường tất nhiên là phường thợ cấy.

Chào xong rồi đến mời, vì các cô trong phường bao giờ cũng làm cao, phải mời mọc các cô mới chịu hát.

Đến đây không hát cũng đàn,

Lẽ nào đâu có lẽ con người ngoan chõi từ !

Mời một lần không được thì mời lần nữa, hoặc tìm những câu hát khích lòng tự ái của các cô trong phường.

Ôm đồn mà gảy năm cung

Biết ai đem nhị ra mà gảy chung với đàn.

Rút cuộc bèn gái bắt lời, và đôi bèn câu qua câu lại cho tới thật khuya các chàng trai mới trở ra về. Chàng hát, nàng hát, vui thật là vui!

Ở nhà con khách mách tương liên

Con nhện sa trước mặt, đi ra tự nhiên gặp nàng!

* * *

Vừa ra vừa gặp anh đây,

Một là duyên kỳ ngộ, hai trời xây đất vắn.

Trong khi hát, đôi bèn lựa câu hỏi thăm quê quán với nhau.

Đến đây lạ bến, lạ rào (sông),

Hỏi con chim hồng nhạn ở phương nào lại đây?

Kẻo mai nhớ núi chim về,

Ai nhớ chim muốn hỏi biết thư đề ra sao?

Đây là lời chàng trai hỏi cô gái. Cô gái đáp lời và đồng thời cũng như hỏi thăm lại chàng trai về danh tính

Em đây là con chim phượng,

Chị em đó là con chim nga,

Từ Bểng Sơn bay lại, bướm gặp hoa là tình.

Hỏi anh quý tánh phương danh,

*Mai ra đường gặp bạn, khỏi mang tiếng vô tình
làm ngơ.*

Chàng trai trong câu hát đáp sẽ cho biết tên họ của mình và có khi cho biết cả tuổi, và tỏ ý sẵn sàng tới các cô gái, chàng hỏi thăm anh chị em cha mẹ có một cách văn hoa :

*Hỏi em cây quế mấy ngành
Cây sung mấy nụ, cây hành mấy hoa ?*

*Hỏi em phụ mẫu tại gia,
Chị em sum họp mấy nhà mấy nơi ?*
Lời hỏi han đã khéo léo chưa, và thật là bóng bẩy tài tình.

Và đây là lời cô gái đáp lại, và cô gái cũng hỏi thăm đến anh em cha mẹ của chàng trai như chàng trai đã hỏi nàng.

*Thưa anh cây quế năm ngành
Cây sung năm nụ, cây hành năm hoa
Song thân thương tại ở nhà*

*Hai anh đầu chị cả, việc thất gia đành rồi
Còn anh Lan quế mấy chồi
Hai ông Bà thương tại ? Anh trả lời cho em...
Hỏi thăm về gia đình, rồi họ lại ước độ nhau
xem đã có nơi có chốn nào chưa :*

*Trăng lên có chiếc sao châu,
Hỏi thăm đào liễu đã ăn trầu ai chưa ?*

*Mận hỏi thì đào xin thưa :
Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào.*

Hai bên nam nữ hát với nhau cho tới khuya,
dân làng tới nghe hát cũng đông, nhưng càng về
khuya người dự thính về dần. Đôi bên cũng phải
cùng nhau tạm biệt. Họ hát từ giã nhau với những
câu hát kể lể niềm thương nỗi nhớ.

Ra về rặng được mà về ?

Bức thư ai gửi, lời thề ai trao ?

Ra về rặng dứt rặng đành ?

Ra về bỏ mối tơ manh ai quây ?

Ra về dặn trúc dò mai,

Dặn đào với liễu chớ nghe ai pha dèm.

Ra về lòng lại dặn lòng

Cam chua chớ phụ, ngọt bồng chớ ham.

Vì cam nên quit đèo bồng

Vì anh cần mẫn nên lòng em mơ.

Bọn trai ra về, ra tới ngõ còn hát quái trở lại
như nhớ tiếc và đề hẹn hò :

Ra về bẻ lá cấm đây,

Đến mai ta nhớ chốn này ta đi.

Bọn trai hát quái lại thì bọn gái ở trong nhà
cùng hát vọng ra :

Trăng khuya soi bóng anh đi

Thấy chân anh bước rọt (ruột) em thì quặn đau.

Cuộc hát đã tốt đẹp, đôi bên đã có lời hứa hẹn, sau khi đã cùng nhau tỏ tài đối ứng. Cũng có những trường hợp, trai gái trong khi hát khích bác nhau, và như vậy là *hát không kết*.

Trường hợp hát không kết là đôi bên bắt bẻ, vặn hỏi, thách đố nhau đi đến chỗ bí mà hỏng cuộc hát. Có khi còn dùng câu hát mà chửi nhau là khác nữa. Những cuộc hát như vậy cũng rất ít xảy ra (1)

Hát phường cấy vùng Nghệ Tĩnh cũng tương tự như hát ví nhiều tỉnh miền Bắc, gặp khi ngày mùa, các nông gia có đón thợ cấy thợ gặt thì các trai làng thường rủ nhau xin phép nhà chủ được cùng các cô thợ cấy, thợ gặt hát ví một đêm.

HÁT PHƯỜNG VẢI

Hát phường vải là lối hát của những cô thợ dệt vải. Dân chúng nhiều Xã thuộc huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An có nghề dệt vải, và trong lúc đưa thoi dệt vải, họ có những câu hát, hát với nhau để quên công việc. Hát với nhau nhưng nếu có những chàng trai muốn đến hát thử tài với họ, họ sẽ không từ chối.

Nghề dệt vải có thể nói là một nghề sung túc, và con cái trong gia đình thường được đi học, có khi con gái cũng được cấp sách đến nhà các ông

(1) Nguyễn chung Anh.— Tài liệu đã dẫn.

đồ ăn mảy đạo thánh. Bởi vậy trong vùng có nhiều học trò họ cầm trịch trong những buổi hát, họ nhắc cho các cô gái những câu hát để thử tài với các chàng trai.

Hát phường vải có nghi thức, không giản dị như các lối hát của các phường khác, tuy tựu trung vẫn chỉ là hát đối đáp giữa trai gái.

Để bạn đọc có một ý niệm về lối hát phường vải, chúng tôi xin in ở phần tài liệu đọc thêm một bài viết về lối hát này.

HÁT PHƯỜNG BUÔN

Nhiều nơi vùng quê, sau những vụ mùa màng, người dân quê mang nông phẩm của mình đi bán, hoặc nhân lúc việc đồng áng rảnh rang mua nông phẩm của dân làng mang đi bán ở các nơi khác. Đây chỉ là những chuyến buôn bán tạm bợ, vì sự sinh sống chính là nông nghiệp.

Dân chúng vùng Nghệ Tĩnh cũng vậy. Đi bán nông phẩm như vậy họ họp nhau thành từng phường vì thường hàng mang bán ở chợ xa, họp thành phường đi cùng cho vui, để có sự giúp đỡ nhau khi cần thiết. Những phường buôn này gồm những người cùng buôn bán một thứ hàng và theo hàng hóa người ta gọi tên phường, phường củ nâu, phường chè, phường gạo, phường chiếu v. v... Phần nhiều là dân quê nghèo, những người sung túc họ thường nghỉ ngơi sau mùa màng để bù lại

sự vất vả của công việc nhà nông, và nông phẩm của họ, họ bán ngay tại nhà cho những người các phường tới mua mang bán đi các chợ.

Hợp thành phường như vậy, họ tổ chức những cuộc hát với nhau. Thường thường họ đến nơi bán hàng từ ngày hôm trước để hôm sau họp chợ sớm. Tối hôm đó, các chàng trai hoặc ở các phường khác, hoặc ở nơi có chợ tìm tới các phường có các cô thiếu nữ để xin hát một canh.

Cũng là để giải trí, nhất là để khoe tài, và đôi khi qua những cuộc hát phường đã có những đôi trai gái trở nên đôi bạn, nên các cô gái phường có trai phường khác hoặc trai làng chợ tìm đến yêu cầu hát, ít khi các cô từ chối.

Những câu hát của phường buôn cũng không qua những lời trao tình nồng thắm, những câu hỏi han nhau về gia cảnh, về lứa đôi, những câu ước hẹn chung tình.

*Nghe tin em buôn bán tảo tần
Khi đi xuôi, về ngược có nợ nần chi ai không ?*

* * *

*Anh quen chưa ráo mờ hôi,
Chưa trưa buổi chợ đã chia đôi nẻo đường.*

* * *

*Em đang buôn bán cõi này,
Khi đi xuôi về ngược, ghe(còn) có ngày gặp nhau.*

* * *

Ra về chân bẫm, chân quỳ

Bạn quen nhớ một, khách tương tri nhớ mười !

Ngoài những câu hát yêu đương, vì họ là phường buôn, nên thỉnh thoảng có thêm vào những câu hát liên quan tới nghề nghiệp, chê những sự lọc lừa mua rẻ bán đắt, đông đây bán voi :

Mẹ em cầm đầu đi lừa,

Tham hơn ba hột, giã chưa đến trày (chày)

Ai đã sống ở nông thôn, đã ăn gạo giã bằng cối ắt hiểu gạo phải giã đủ một số bao nhiêu chày mới trắng, gạo giã chưa đến chày là gạo giã dối và như vậy là do sự tham lam của người buôn gạo.

Chính vì sự tham lam buôn rẻ bán đắt, buôn đây bán voi nên người đời mới có câu mai mỉa :

Thực thà cũng thể lái buôn !

Và trong khi hát với phường buôn, đã có những người lên tiếng chê bai phường buôn :

Cha gang, mẹ sắt, con đồng,

Tội gì mà lụy trong vòng nhà thau ?

Đói cơm mà hơn no rau

Khó mà quân tử hơn giàu lái buôn.

Nhưng dù ai chê bai phường buôn thì mặc, phường buôn lại gặp phường buôn, và đã có nhiều đôi kết chỉ xe tơ cùng nhau nối duyên tần tảo cho đến đầu bạc răng long.

Hát với nhau, họ nhớ nhung nhau, và trong những ngày xa cách họ hằng nhắc nhở đến nhau .

*Mấy lâu ni chợ đón không đi
Đò lương không ngược, không biết anh mắc
công chi ở nhà (1)*

Trên đây là mấy lối hát của mấy phường Nghệ Tĩnh. Còn nhiều phường khác với những lối hát riêng, mỗi phường có một vài nét đặc biệt và mỗi phường lại có những câu hát nói về nghề nghiệp của mình, còn ngoài ra phần nhiều là những câu hát trao tình của trai gái.

Các phường đó là :

- Phường gặt, câu hát và hoàn cảnh hát cũng tương tự như phường cấy.
- Phường nón, làm nón, làm áo toi.
- Phường đan, đan những đồ dùng bằng mây, tre.
- Phường chiếu, dệt chiếu.
- Phường vàng, làm vàng mã.
- Phường đường, nấu đường mía.
- Phường vá lưới, vá lưới đánh cá.

HÁT GIẶM

Hát giặm cũng là một lối hát đặc biệt của vùng Nghệ Tĩnh như hát các phường.

(1) Đò Lương là chuyển đò ngược lên chợ Đò Lương, tỉnh Nghệ An.

Hát giặm là hát thế nào ? Muốn hiểu hát giặm là thế nào, trước hết cần phải hiểu giặm là gì :

Nguyễn đồng Chi trong hát Giặm Nghệ Tĩnh quyền một đã giải thích *giặm* là *đem một vật gì nhét vào, chắp vào, đệm vào, điền vào hay phở vào một cái gì còn khuyết, một cái gì còn có thể chứa được.*

Trong lúc *hát giặm* đối đáp, người trả lời phải liên vận với câu cuối của người hát hỏi. Thí dụ :

Hỏi :

*Tôi hỏi mợ mấy lời,
Xin mợ tương cho về tổ.*

Đáp :

*Lời cậu vừa nói đó,
Xui dạ thiệp âu sâu*

.

Nối liền vận như vậy là **giặm**, và cũng còn gọi là **bắt xấp**, do đó hát giặm còn được gọi là hát **xấp** hay hát **Luồn** (1). Luồn là len lỏi, ở đây là theo vần của người trên mà bắt vần câu hát.

Hát giặm có ba lối :

— Hát ứng khẩu để đối đáp giữa trai gái,

— Hát ứng khẩu giữa các bạn bè kể lên những câu chuyện mới xảy ra ở trong vùng hoặc ở nơi xa mới đồn đến. Cũng có khi có người biết hát đến chơi nhà bạn, hát chào mừng khen cái hay cái tốt

(1) Nguyễn đồng Chi.— Hát giặm Nghệ Tĩnh I.

của bạn. Ông Lê văn Hảo đặt tên lối hát này là *Hát Giặm thời sự* (1).

— *Hát giặm vè*, dùng để kể đầu đuôi một câu chuyện hay một sự tích, văn thể gần giống như vè.

HÁT GIẶM ỨNG KHẨU

Trong ba lối hát giặm, lối hát ứng khẩu giữa nam nữ trai gái là lý thú và thịnh hành hơn. Trong cuộc hát giặm này, trai gái có dịp tỏ tài cùng nhau.

Cũng như hát ví, khi đi hát giặm, người ta họp nhau thành đoàn do một người cầm đầu gọi là *tay bẻ chuyện*. Tay bẻ chuyện phải là người hát hay, bắt thiệp khéo léo để có thể *noi theo câu hát của phe địch mà đối đáp cho sát nghĩa rồi nhân đó hỏi vặn lại* (2).

Cùng với người bẻ chuyện còn có một hai người *cặp*, người cặp hát lấp theo câu hát của người bẻ chuyện, làm sao cho giọng hát được đồng đều liền với nhau phát ra, có như vậy gọi là *hát cặp* và không phải là một việc dễ dàng. Người cặp phải là người hát khá và có thể trở nên người bẻ chuyện của một đoàn khác. Trong một đoàn cũng có người không biết hát, đi theo đoàn để tập hát.

Người bẻ chuyện phải giỏi giang để trong khi

(1) **Lê văn Hảo.** — *Vài nét về sinh hoạt của hát giặm và hát ví, dân ca Nghệ Tĩnh*. Đại Học số 34, tháng 8—1963.

(2) **Nguyễn đồng Chi.** — Sách đã dẫn.

đối đáp có thể ứng khẩu hát lên hàng chục, hàng trăm câu hát trong mỗi canh hát.

Hát giặm có những thủ tục riêng.

Lúc khởi sự hát, bên nam bắt đầu đứng lên xướng trước một vài lời giáo đầu cả kê bóng lông. Chờ khi bên nữ có người cất giọng là câu chuyện mới bắt vào đề (1).

Trong lúc hai bên hát, có thiên hạ đứng nghe bốn phía. Dưới đây là một câu hát giáo đầu :

*Tui cũng ngủ yên rồi,
Cậu cũng ngủ yên rồi,
Nghe đũa hú sau hồi,
Tui thức chước dậy ngồi,
Than với mẹ một lời :
Giữ tau thủ phận rồi
Nhưng tính tau hay nhởi hay chơi
Giữ hẩn kéo hẩn lối
Nhân trăng sáng rạng trời
Theo bầu bạn đi chơi (2)*

Câu giáo đầu trên là theo lối cổ, nhưng có những câu giáo đầu rất ngộ nghĩnh khiến người nghe lấy làm thú vị. Sau đây là một câu ca tụng thổ sản hải sản của quê hương họ đề dần bắt sang quang cảnh cuộc hát.

*Ruốc tui ngon lắm bà ơi
Ngon bằng năm ruốc họ*

(1) Nguyễn đồng Chi -- Sách đã dẫn.

*Ngon bằng mười rước họ
Nhân trời thanh trắng tỏ*

Sau câu hát giáo đầu là câu *nhập đề*. Phái nam hát câu nhập đề kèm theo những lời hát chào mừng.

*Tui nhóm bước chân ra,
Cậu nhóm bước chân ra,
Cũng không phải say đắm nguyệt hoa,
Nhân chuyện vô đây đà,
Trước mừng Ông mừng Bà,
Sau tui trộm phép thưa ra
Từ kẻ lão người già
Đến con nít đàn bà
Cả bản hạt lân la
Một tiếng chào cao hơn mâm cỗ*

Sau câu hát *uhập đề*, đôi bên trai gái hát mời trầu, mời cau, mời thuốc, hát hỏi lý lịch, rồi sau hết là đến những câu hát yêu đương. Yêu đương bao giờ cũng là chủ chốt của những cuộc hát giữa hai bên nam nữ bất cứ lối hát đó là lối gì.

Đôi bên nam nữ hợp nhau, cuộc hát giậm kéo dài có thể hết đêm này qua đêm khác. Cũng có khi đôi bên chỉ hát một canh, và chấm dứt cuộc hát một cách đột ngột có khi đến tàn nhẫn. Trước những lời ân cần của bên trai, bên gái có thể có cô lên tiếng phá đám cuộc hát :

*Em đã có chồng rồi
Em đã có lứa rồi,*

Vung úp đã vừa rồi,
Đũa ghép đã thành đôi,
Bạn đừng có ồm ở với tôi
Tôi lấy chân khóa lại
Tôi lấy bàn khóa lại.

Hát giặm có vài tục cho là *sái* nhưng người ta vẫn cứ phạm, *sái* là không nói có, có nói không, như gái có chồng trai có vợ vẫn nói là chưa thành gia thất. Họ phải nói dối vậy đề còn có thể đi hát được ngỗ hầu hưởng cái thú nam nữ gần kề, và đề có thể khoe tài, có khi khoe cả sắc đối với nữ giới. Những khi hai tay bẻ chuyện tài ba gặp nhau, đổ nhau những chuyện trên trời dưới biển, tìm được những điều hiểm hóc mà đổ khiến đối phương không thể đáp được là một điều thích thú vô cùng. Trong những trận tranh tài này, người thắng sẽ tiếng tăm lừng lẫy, được sự ngợi khen của cả vùng. Những câu hát họ đặt ra sẽ được truyền tụng.

HÁT GIẶM THỜI SỰ

Hát giặm thời sự không có trai gái đối đáp, chỉ là những cuộc hát giữa bạn bè để kể những chuyện đã xảy ra. Ở lối hát này, ý nghĩa và giọng hát cần hơn lời hát, và những câu hát thường hát xong là quên ngay, thắng hoặc có người nhớ thì cũng không nhớ được hết bài. Hát giặm thời sự còn dùng để chúc mừng ca tụng người chủ nhà mình đến thăm. Dưới đây là một thí dụ :

*Tràng cảnh lưu liên,
 Anh em vội mừng tràng cảnh lưu liên,
 Được hai chữ vững bền,
 Được bốn chữ bình yên (1).*

HÁT GIẶM VÈ

Câu hát trong lối hát này đặt thành từng chuyện kể đầu đuôi một việc, một sự tích. Lời văn và ý nghĩa trong câu hát được chú trọng hơn giọng hát. Câu hát có thể đọc lên như một câu vè. Những câu hát giặm vè thường được đặt trước, phải có sự suy nghĩ của người đặt, không thể ứng khẩu như hai lối hát trên. Những câu hát giặm vè thường dài, có khi đến hàng trăm câu, và thường các tác giả được lưu danh. Cụ Phan bội Châu có sáng tác bài kể chuyện Năm Châu, dùng cho hát giặm vè, dài 150 câu và bắt đầu bằng những câu sau :

Kể chuyện Năm Châu

Em ngồi kể chuyện năm châu :

Á, Úc với Phi, Âu

Bên Tây cầu châu Mỹ.

Lần xem trong lịch sử,

Thay đổi mấy tang thương,

Kẻ nhược có người cường,

Giống trắng có giống vàng,

Giống đen đỏ rõ ràng,

(1) Lê văn Hảo. — Tài liệu đã dẫn.

Cõi thế giới treo gương,

Ai đồng tâm soi lại

Ai nhiệt thành soi lại

v. v...

*
*
*

Qua những câu hát trên, ta thấy những câu hát giảm được sáng tác theo thể ngũ ngôn hoặc ngũ ngôn biến thể với những câu 6, 7 chữ nhưng rất ít.

Mấy câu đầu bài hát thường hay lấy lại, cốt nhắc lên ý toàn bài.

Những câu lấy lại, hát lên ảnh hưởng đến nội dung lời ca.

Hát giảm rất khó khăn, rất tốn hơi, do đó vùng Nghệ Tĩnh đã có câu :

Dai nhất là thổi tù và,

Thứ hai hát giảm, thứ ba thả diều.

HÒ HUẾ

Hò Huế là điệu hò đặc biệt ta hằng được nghe các cô lái đò sông Hương hát lên.

Ở Huế, hò được phân biệt hò mái nhì, hò mái đưa và hò mái đẩy.

Mái chính là chiếc bơi chèo. Một con đò thường có hai bơi chèo, chiếc ở đằng trước gọi là *mái nhất*, chiếc đằng sau gọi là *mái nhì*.

Hò mái nhì là giọng hò khi kẻ trước người sau cùng chèo.

Hò mái đưa là giọng hò lúc thuyền buông tay chèo.

Hò mái đầy là giọng hò khi người chèo thuyền hai tay cầm hai chèo xây lưng về hướng tiến lên mà chèo, vừa chèo vừa hò. Chèo thuyền như vậy gọi là *đầy*.

Ba lối hò, tên khác nhau, tùy theo động tác của người hò, nhưng lúc hò, các cô lái đò thường dùng những câu ca dao đã có sẵn, hoặc đôi khi hát lên những điệu hát của cổ đô.

Thường câu hò chỉ nói nhiều về yêu đương như bất cứ lối ca hát nào, nhưng đôi khi cũng bày tỏ những nỗi niềm ngoài phạm vi tình ái, như câu hò đề nhớ tiếc ông Trần cao Vân đã giúp vua Duy Tân chống Pháp, nhưng việc không thành rồi bị xử tử :

Chiều chiều trước bến Văn Lâu

Ai ngồi, ai câu, ai sầu, ai thảm,

Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai mong ?

Thuyền ai thấp thoáng bên sông

Đưa câu mái đầy chạnh lòng nước non !

Và câu hò sau đây nói lên tình thế ngửa nghiêng của nước nhà vào đời Vua Thiệu Trị.

Bên chợ Đông Ba tiếng gà eo óc,

Bên chùa Thọ Lộc, tiếng trống sang canh.

Giữa sông Hương, gợn sóng khuyên thành

*Đêm khuya một chiếc thuyền mảnh ngửa
nghiêng.*

Theo Thái văn Kiềm câu hò này đã nhắc lại một cuộc họp lịch sử vào năm 1847, nhân lễ tứ tuần của Vua Thiệu Trị khi đó có cuộc tập hợp của 773 hộ lão, tổng cộng là 59. 017 tuổi (1)

Quốc sự đang ngửa nghiêng, đảng Văn Thân gieo ra mấy câu hò thống thiết để kêu gọi nghĩa sĩ bốn phương.

Những câu hò đều ý nghĩa bóng bẩy nhưng đã thúc giục lòng yêu nước của mọi người.

*Chợ Đông Ba đem ra ngoài giải,
Cầu Tràng Tiền đúc lại xi mon.
Ôi người lỡ hội chồng con,
Về đây gá nghĩa vương tròn với ta.*

.

*Tiếng hát Ngự Ông giữa sông Nhật Lệ
Tiếng kêu đàn nhạn trên ánh Hoành Sơn
Một mình em ngồi giữa sông Hương
Tiếng ca theo khúc đoạn trường ai nghe !*

Đôi khi câu hò cũng là những bức tranh linh động tả cảnh Huế cùng những vùng lân cận :

*Tỉnh Thừa Thiên dân hiền cảnh lịch,
Non xanh nước biếc, điện ngọc đền rồng,
Tháp bảy tầng, Thành Miếu, Chùa Ông
Chuông khua Diệu Đế, trống rung Tam tòa
Cầu Trường Tiền sáu nhịp bắc qua*

(1) Thái văn Kiềm. Cổ đô Huế trang 5. Nhà Văn Hóa bộ Quốc Gia Giáo Dục xuất bản 1960.

*Tả Thanh Long, hữu Bạch Hổ đợi khách âu
ca thái bình,*

Dù sao, những câu hò tả cảnh, nhắc lại lịch sử
cũng chỉ là số ít, đa số câu hò đều là những câu hát
yêu đương :

*Nước đầu cầu, khúc sâu khúc cạn,
Chèo qua Ngọc Trản đến Vạn Kim Long.
Sương sa gió thổi lạnh lòng
Sóng xao, trăng lặng gọi lòng nhớ thương !*

* * *

*Cầu Trường Tiền sáu vài mươi hai nhịp,
Anh qua không kịp tối lắm anh ơi !
Bấy lâu nì chịu tiếng mang lời,
Dẫu có xa nhau đi nữa cũng bởi Ông trời
mà xa.*

Ngoài những câu ca dao thường được dùng
làm câu hò, các thi nhân cũng sáng tác nhiều câu
hát cho mỗi loại hò.

Thí dụ :

HÒ MÁI ĐẦY

Biết An Phận

*An phận, thân vô nhục,
Tri cơ tâm tự nhàn ;
Đám phù vân chấp chóa bóng giàu sang,
Chớ trông mong cho khoẻ bụng,
Cứ chàng ràng mãi mắt công.*

Thảo am Nguyễn Khoa Vy

HỒ MÁI NHÌ

Biết ở đâu là cầu Ô Thước ?

*Mênh mông nguyên ước, dưới nước trên
trời.*

Đêm khuya ngót lạnh mùa khơi

*Khúc sông quanh vắng có người sầu riêng
Ứng Bình Thúc Giạ*

*Tâm sự chát chua biết ai mua mà bán,
Rao khắp chợ đời không thấy dạng người
mua !*

Bán buôn là chuyện bông đùa,

Đành đem tâm sự chát chua ra về.

Bửu Lộc

HỒ GIÃ GẠO

Thực ra không phải chỉ riêng ở Huế có lối *Hồ Giã gạo*, lối hò này khắp Bắc Trung Nam đều có. Đây là những câu hò trai gái hò với nhau, hoặc hò một mình trong khi giã gạo để quên mệt.

Khi trai gái cùng đối đáp, họ dùng những câu hò để trao tình và cũng để thử tài nhau. Dưới đây là một thí dụ, các câu hò do Cụ *Ứng Bình Thúc Giạ* sáng tác :

Nữ :

Giữa chợ phiên có điều lạ lạ,

Có dân quê giã gạo hò khoan ;

Hay đâu có thiếp có chàng,

Thuyền duyên quân tử hai đàng gặp nhau.

Nam :

*Chợ phiên đây không có dây Bà nguyệt,
Xe duyên, xe nợ chữa biết làm sao.
Thuyền duyên mới gặp anh hào,
Một đôi câu nhân nghĩa hát chào nhau chơi.*

Nữ :

*Điều hò khoan em nghe anh hát,
Câu mái đẫy em xin hát anh nghe.
Mặc dầu ai có khen chê,
Dở hay tay giữ dạ, chớ hề đon sai,*

Nam :

*Khen vời chê là nghề khán giả,
Dở vời hay xin hạ bút trường quan.
Giải thưởng treo có bạc có vàng,
Có anh đây là Tư Mã, lại có nàng là Văn
Quân.*

Nữ :

*Nay mô may, gặp người quân tử,
Xin cho tiện nữ hỏi thử vài câu ;
Xôn xao kẻ trước người sau,
Giữa chợ phiên qua lại ai sầu ai vui ?*

Nam :

*Bạn thuyền duyên hỏi chi câu nớ ?
Trang hào kiệt nghe đã khó nghe
Buồn là buồn cho qua chẳng có hiền thê,
Vui là vui cho bậu cặp kẻ đang kén chồng.*

Nữ :

Ai có chồng ai không có vợ,
 Chừ duyên, chừ nợ, xin chớ nói đề chừng.
 Tuổi em đây hãy còn xuân,
 Đạo chơi giữa chốn ba quân em kiếm chồng.

Nam :

Mày liễu mặt hoa gọi là sắc gái,
 Văn hay võ giỏi mới gọi tài trai ;
 Chợ phiên này có đã dạo chơi,
 Hỏi thăm có đã chấm đặt người mô chưa ?

Nữ :

Nói rằng chưa thời tôi chưa muốn nói,
 Thưa rằng có thời tôi nợ muốn thưa,
 Dầu cho năm lọc bảy lừa,
 Duyên Đàng không thuận nẻo, gió đưa biết
 rặng chừ ?

Và dưới đây là hai câu hò đối đáp đề thử tài
 nhau :

Nữ :

Chợ Ngô Thành tiếng tiêu ai thổi ?
 Chợ Hoài Âm ai lòn lỏi thiếu niên ?
 Ngày nay ai đến chợ phiên,
 Nhớ xưa danh sĩ, danh hiền là ai ?

Nam :

Chợ Ngô Thành tiếng tiêu Ông Ngũ Tử,
 Chợ Hoài Âm là lịch sử chú Vương Tôn
 Hai tay Quốc sĩ tiếng đồn,

*Chuyện xưa tích cũ, e cô gái khuê môn đã
thuộc lòng.*

CA HUẾ

Ngoài các lối hò, Huế còn có những lối ca đặc biệt được mệnh danh là *Ca Huế*. Những bản ca này cũng thường được các cô lái đò sông Hương hát tới: gọi là ca Huế, nhưng ta có thể được thấy ở khắp miền Trung, nhất là các tỉnh ở giữa Trung Việt, và ngày nay ở cả miền Nam Việt nữa. Dưới đây là mấy lối ca Huế chính :

CỔ BẢN

Nguyên là một bản nhạc cổ (1). Bản nhạc này được phổ thành rất nhiều bản ca khác nhau về ý và lời. *Cổ bản* còn được gọi là ca Bắc hoặc ca Lý. Xuất xứ không rõ ở đâu nhưng người Huế hay ca cùng với các điệu ca khác. Bài ca có sáu vần làm sáu khổ. Đây là một thí dụ :

*Duyên thắm, duyên càng đượm vì giống đa
tình,*

Thêm nhiều ngày mận nong càng xinh.

Bực khuynh thành thực là tài danh,

Song duyên kia đừng phụ, nào trách mình.

Chỉ non thề nguyện cùng trời xanh !

Lòng dặn lòng cho đành

Nối kết mình, kết mình !

(1) Xin xem chương trên về cần,

* * *

Thư nhận đưa tin tháng ngày
Nguồn ân ái dăm đầu voi đầy
Thương càng bận, làm bận lòng đây
Vấn vương tình tự vì đây
Tơ hồng khéo xe thực là may

* * *

Trăng rọi thêm hoa,
Lầu ngọc sáng lòe,
Hương thương ngút nhà ;
Khắp gần xa,
Tiếng đàn hòa ca.

* * *

Ngâm vịnh mấy chén quỳnh,
Say sưa cùng mình.

* * *

Sánh tay vai,
Nhân ngãi lâu dài,
Thực là vui, dăm nào phai,
Tâm đầu ý hợp như rửa mấy người !
Ngọc Vô Hà, Biện hòa mới hay !
Một ngày tương tri, tình si ấy là ai
Muôn vàn không ngại mưa ngay tiếng cười,
Gọi mười người như người.

* * *

Anh hùng có đâu, có là đâu

*Thôi thôi đừng, đừng nấn nỉ suy nghĩ thêm
sâu ;*

*Mặc ai dầu,
Lại hầu thương yêu, mận nồng bao nhiêu !
Đường còn lâu, chút tình sâu !
Vui lòng ưng ý, danh lỵ chi cầu.*

KIM TIỀN

Kim tiền cũng nguyên là bản nhạc được phổ thành nhiều bản ca, rất phổ biến ở Huế, điệu nhịp mạnh và nhanh. Kim tiền ca chỉ có hai vần và hai khổ :

*Bắt tay ngồi lại đây,
Không mấy khi ta gặp bên này,
Cho đó rõ niềm Táy,
Lời đắng cay,
Tuy xa đàng, không xa mặt,
Chung tình lại càng vui
Càng thêm vui...*

* * *

*Ai khéo xui mình gặp,
Một cặp đa tình,
Thiệt tại trời xui mình.
Hay là lối ba sanh,
Hay đó là lối ba sanh,
Xin cho bền dạ, giữ dạ,
Dầu gặp người quen
Xin cho bền dạ, giữ dạ.*

LƯU THỦY

Đây cũng là một bản nhạc cổ được phổ thành nhiều bài ca. Mỗi bài ca có bốn khổ tạo nên bởi bốn vần :

*Kể từ ngày gặp nhau,
Trao lời hẹn cho vện vàng thau,
Dây tơ mảnh xe chặt lấy nhau.*

* *

*Xe không dặng đem tình thương nhớ,
Cảm thương người ngấm nghĩ ba thu.
Xa cách nhau đêm nằm vẫn thấy.*

* *

*Thấy là thấy chiêm bao,
Biết bao vắn vương bên mình,
Mình giật mình đòi cơn.*

* *

*Biết bao lại quan sơn một đường,
Tình thương tơ vương mọi đường,
Xin cho trọn cương thường.*

* *

HÀNH VÂN

Cũng như Lưu Thủy, ca hành vân cũng do một bản nhạc cổ mà ra, và mỗi bản ca cũng có bốn vần tạo thành bốn khổ :

*Một đôi lời
Nhắn bạn tình ơi!*

Thề non nước giao ước kết đôi,
 Trăm năm tạc dạ
 Dầu xa cách, song tình thương chờ phụ
 thì thôi.

* *

Niềm trọn niềm xin đừng sao nhãng,
 Trước kia định nợ ba sanh.
 Đẹp duyên lành,
 Trọn niềm phu phụ, bậc tài danh.

* *

Dầu tiên có tại non Bồng,
 Kết mối tơ hồng,
 Ấy thời trông !

* *

Nghĩa sắt cầm,
 Hòa hợp trăm năm,
 Bởi vì xa cách, nhắn nhe cùng bạn tri âm.

NAM AI

Nam Ai là một bản nhạc buồn nhất được phổ lời ca, lời ca thường cũng buồn. Ca thể có ba vần tạo thành ba khổ :

Khuyên ai gần bó báo đền công trình thầy
 mẹ,
 Ân nặng nhường sông, nghĩa chất non cao ;
 Ôn cùc dục cù lao
 Sinh thành lo sợ biết bao :
 Lo cơm bữa nhường nao,

Ấm bông ra vào.

* * *

Nàng niu bú mớm đêm ngày xem tay vàng
ngọc,
Hay chạy hay đi, lúc nắng lúc mưa.

* * *

Từ xưa đến giờ
Lúc hãy còn thơ
Đến bây giờ
Chịu nhuốc nhơ
Biết bao nhiêu mà !
Trong năm trọn, ngày qua
Da mồi tóc bạc mây xa.
Khuyên trong cõi người ta
Thảo ngay mới là.

NAM THƯƠNG

Cũng là một bản nhạc buồn, một bản cổ nhạc được phổ lời ca. Phải chăng vì chịu ảnh hưởng nhạc Chiêm Thành, nên bản nhạc này cũng như nhiều bản nhạc khác đượm vẻ buồn. Ca thể cũng có ba vần như Nam Ai để tạo thành ba khổ :

Ôi ! Tan hợp xiết bao, tháng ngày đợi chờ
non nước,

Ngàn dặm chơi vơi !
Mấy lời nào dễ sai lời ;
Ai ơi ! Chớ đem dạ đổi đời,

Ý ưng tình thêm càng ưa ý
 Thiết là đặng mấy người,
 Lại sai lời.

*
 *

Tương tri cho đá vàng thêm lại yếu vì,
 Nhớ khi cuộc rượu câu thi,
 Thêm càng thương tiếc, phong lưu ai bì !
 Năng vì tình, tình đôi ta, duyên trao nợ,
 rằng ai.

*
 *

Buộc lại người sinh,
 Lời hẹn ba sinh
 Vấn vương tơ tình

NAM BÌNH

Vốn là một bản cổ nhạc không buồn, không vui, âm thanh nhẹ nhàng đi đều đều, được phổ ra lời ca và thường được ca nhi ưa hát. Ca thể có ba vần tạo thành ba khổ :

Thương nhau vì nợ tri âm,
 Mối tình thâm !
 Buộc ràng đây đó,
 Vầy cuộc ca ngâm,
 Dưới trần như đã riêng phần !
 Đề riêng phần !
 Mặc duyên may hay là nợ với nần.
 Chi bằng ưa ý,

Nợ hay duyên, hỏi người thanh khí,
 Ai là kẻ xoay vần ?
 Tuổi xuân xanh, chưa từng cái nợ phong
 trần,
 Vướng vào cuộc ân ái,
 Càng cay đắng, đắng cay muôn phần.

* *

Được như lời ước mong,
 Cho thỏa tình tư tưởng.
 Tưởng rồi trông,
 Ngồi tựa bên sông,
 Thỏa mùi bông,
 Vẩn vương tơ lòng.

* *

Oi người Việt ơi !
 Gặp khi thời lai...
 Ngọn đèn kiến thức
 Bừng rạng muôn nơi,
 Tri tài đua kịp theo người,
 Kịp theo thời sánh chung vai...
 Cho xứng mặt giống nòi
 Sống đời khang thái...
 Bước quang vinh ta càng hăng hái,
 Thêm vững thêm dài.
 Hết chồng gai... Tung cánh bằng bay lượn
 khắp trời.
 Nhân dân chờ một tương lai...
 Mừng nay đến, đến trong mọi người,

*Vững một niềm an vui....
Đô thị cùng thôn đã lắng hòa lai,
Rạng ngời ánh mai... cảnh càng tươi
Ý dân là ý trời.*

*
* *

Ngoài các ca thể trên, ở Huế còn rất nhiều thể ca khác, phần nhiều là do những bản nhạc cổ những bản nhạc này, phần lớn đã được trình bày trong chương thứ nhất về Cầm. Dưới đây, soạn giả xin cố gắng, về mỗi ca thể chứng dẫn một bài đề bạn đọc cùng hiểu, nếu có thiếu sót hoặc sai lầm rất mong được sự thể tình.

TỨ ĐẠI CẢNH

*Thương trăng tròn, thương trăng khuyết,
Thương tha thiết, trăm mối bên lòng.
Thương đóa hoa vừa nở, dập dìu ong bướm
ong,
Thương đóa hoa tàn lạt phấn phai hương
Nào ai kể buồn trông ?*

*
* *

*Thương mây bạc, gió đưa xiêu lạc, không
biết về đâu !
Thương nước trôi bèo dạt, bèo dạt trôi nơi
nao !*

*Thương số ba đào, chìm nổi lao đao,
Đời vất vả biết là bao ?*

*
* *

Thương chim nhận đêm đông kiếm bạn,
 Bao quản tuyết sương !
 Sương tuyết sương dày dạn, tiếng nhận kêu
 thâm thương !
 Thương kẻ si tình, theo dõi người thương.

Trông mòn mỗi ngày xanh,
 Đành đành thương trông đỉnh Ngự chiều
 đông.

Thông reo nào nùng
 Mưa gió không ngừng,
 Nào bạn tác ngày xuân, ai chịu lạnh cùng
 không ?

Ngủ ngủ thương, ca nhi giữa sông Hương
 Véo von gọi tình năm canh,
 Dầu giải sương gió sương ?
 Cái thương sao cứ quanh bên mình,
 Thương chi trọn trăm nghìn mối thương,
 Thương đâu vẹn trăm nghìn mối tình
 thương

BÌNH BÀN

Non nước, nguyên non nước,
 Xin ai sánh vai đừng ngại,
 Quyết lâu dài, sum vầy trúc mai,
 Mấy lời phụ người,
 Cùng nhau trước sau cho vẹn,

*Trăm năm chớ đem tình, tình lọt phai,
Dầu lại vàng phai, dám nề sai,
Có đâu đời đổi tình ai !
Nhấn khuyên bạn ân tình hãy còn lâu,
Lại dục lòng ta, nhớ người xa,
Bóng trắng tà, gió lồng hơi ba.
Cầm ca, ngân nga tiệc quỳnh,
Trần trọc, xa mỗi vàng đá dựa màn loan,
Dận duyên, buồn riêng,
Trạnh niêm tấy, đắng hòa cay,
Châu rơi tương tư càng nặng,
Khéo thay là, những lại qua,
Đêm thanh vắng, tình người ngọc,
Thở than thêm phiền !
Buồn tủi phận, lận bộn bèo mây,
Trắng gió, trắng gió đưa tình,
Vừa gặp mình, thiệt trời khéo dành !*

TÀU MÃ

*Cành bèo sen, đà hiệp duyên,
Trắng thề một bên, vầy bạn tiên,
Lúc say tỉnh mảnh trắng tàn,
Chuyện hiệp tan, màn loan,
Bấy lâu đợi chờ,
Chút duyên tình cớ
Lúc tình cớ, bây giờ thấy đây !
Một lòng càng xinh,
Có tình với mình ấy ai ?*

Ngậm ngùi lúc hương nguyên
 Rượu nghiêng tiệc quỳnh,
 Mấy nổi đá vàng
 Đêm thâu người đâu, người đâu ?
 Người đâu đã thấy nhau còn ngờ !
 Người đâu lại thấy bây giờ !
 Ngày xưa, mưa gió thêm nồng,
 Song đã vương vấn, vương vấn tơ mảnh.
 Thề non, thề chớ sai lời !

Điệu ca tàu mã hát dồn dập như ngựa nhảy.
 Điệu này nguyên trước đây là một điệu ca nhạc
 của Tàu cho nên cũng gọi là *ca khách*, và bản nhạc
 gọi là *nhạc khách*.

NAM XUÂN

Nguyên là một bản nhạc Nam, bản nhạc vui
 nhất trong các bản Nam, được phổ lời ca. Dù là bản
 nhạc vui hơn các bản khác nhưng vẫn đượm nét
 buồn do đó những bản ca Nam Xuân khi hát lên
 nghe cũng man mác hiu buồn, một cái buồn thướt
 tha trầm trầm :

Nhấn nhe vườn hạnh, ngồi chờ chim xanh
 Khéo đưa tình,
 Đưa tình đưa lại cho ta, lại cho ta,
 Trót đã nặng má !
 Đã gần xin bạn đừng xa,
 Sớm đào tối mạn lân la,
 Trước còn trăng gió, còn trăng gió,

Sau ra đá vàng !
 Loan ôm phụng, phụng ôm loan,
 Biết bao giờ cho hiệp mặt mơ màng.
 Đã lo toan vầy hiệp nhân doan,
 Máy hồng đưa gửi thơ nhàn, gửi thơ nhàn,
 Đưa sang tình tự thiệp chàng,
 Đôi đôi thương nhớ,
 Thiếp với chàng, đôi đôi thương nhớ.
 Thương nhau phải băng ngàn !
 Trót cưu mang, xin cho toàn.
 Chờ đem dạ phụ phàng !
 Mảnh trăng thề vằng vặc soi chung, -
 Dầu thu hết, sang đông, đông xin chờ !
 Mối chỉ hồng, cạy cùng Ông Tơ,
 Xe giấy Bà Nguyệt
 Cho duyên này hiệp mặt sum vầy,
 Đài gương suốt đó đây phủ nguyệt !

PHÚ LỤC

Nguyên cũng là một bản đàn được phổ lời ca.
 Phú lục thường bốn vần, bốn khổ :

Giữa bụi hồng :

Thấy, thấy nghe thấy,
 Thấy nghe thêm nực cười.
 Khiến cho người đôi phen,
 Ngồi không xuống, đứng không yên.
 Lạ quen đưa chen ngờ ngàng.

Đòi muôn mặt, đòi lắm tuồng
 Say cùng tỉnh, đã chuyện thường ;
 Bao màu sắc, bấy đau thương,
 Ngao ngán trăm đường.
 Ôi đâu còn đa đoan !

* * *

Cầu danh lợi như giấc mộng vàng,
 Càng suy nghĩ... lòng thêm càng,
 Trông cây cỏ mà thẹn thường,
 Lo quyền quý, sánh thua hơn,
 Năm tháng quay cuồng,
 Đâu tâm hồn... đâu tâm can.

* * *

Ràng hay... ràng dỡ..., ràng khéo khôn...
 Khôn khéo... dăng diu ai lường,
 Lờ lờ khắp muôn nẻo đường,
 Bụi Hường... chèn chân mãi càng vương.
 Luống trông vời non nước,
 Khốn lo toan.

Bữu Lộc

Ngoài các bản ca trên rất được phổ biến tại Huế còn nhiều bản khác, nhất là các bản Tàu với mười bản cổ, mệnh danh **Liễn Bộ Thập Chương**, rất được giới ca nhạc xưa sử dụng :

Phàm tuyết,
 Nguyên Tiêu,
 Hồ Quảng,
 Tày Mai,

*Liên Hoàn,
Xuân Phong,
Long Hồ,
Giao duyên,
Quả phụ,
Lý Tử Vi,*

Cũng còn nhiều bản ca khác nữa, rất tiếc soạn giả không biết rõ hết để trình bày cùng bạn đọc.

HÒ MIỀN NAM

Cũng như ở Miền Bắc và miền Trung, miền Nam cũng có những câu hò để trai gái hò cùng nhau, hoặc hò một mình trong khi làm những công việc nặng nhọc. Tuy câu hò không làm tiêu tan được sự mệt mỏi, nhưng cất tiếng hò, người ta cảm như công việc thấy nhẹ nhàng đi phần nào, và sức chịu đựng như tăng hơn lên.

Miền Nam cũng có nhiều lối hát hò khác nhau tùy theo công việc và tùy theo trường hợp của người hò.

Sau đây là mấy loại hò miền Nam, được phổ biến hoặc trên toàn cõi miền Nam, hoặc trên một vài địa phương:

HÒ CÁY

Phổ biến khắp miền Nam. Lối hò này tương tự như lối hát ví ngoài Bắc khi trai gái làm đồng hò với nhau, tuy giọng hò có khác giọng ví.

HÒ CHÈO THUYỀN

Phổ biến khắp miền Nam. Trai gái trong lúc chèo thuyền hò với nhau, hoặc trong khi đi sông nước hò một mình. Miền Bắc và miền Trung có giọng hát đò đưa, miền Nam có hò chèo thuyền.

Hò Đồng Tháp,

Hò Bến Tre,

Hò Bạc Liêu,

Hò Sa Đéc,

Hò Đới Gò Công,

Hò đới Mỹ Tho,

Sáu loại hò này là những loại hò địa phương, mỗi nơi giọng hò hơi có khác nhau, nhưng tựu trung đây đều là những « *Loại hò chèo thuyền phổ biến trên các sông lạch miền Nam là những đường giao thông, thông dụng nhất (1).* »

Ngoài các loại hò trên, có lẽ tại miền Nam cũng còn những loại hò khác, nhưng khi hò lên giọng cũng không khác mấy các loại hò trên, và cũng được Nam Nữ hò đối cùng nhau trong lúc làm việc trên cạn hoặc dưới nước.

Cũng như bất cứ loại ca hát nào, những câu hò thường nói tới sự yêu đương của trai gái, mặc dầu cũng có những câu nhắc tới những vấn đề khác,

(1) **Lê văn Hảo.** — *Vài nét về Hò, dân ca Miền Trung và miền Nam.* — Đại Học số 35-36, tháng 10 và 12-1963.

như tỏ lòng mến phục kính yêu các vị anh hùng cứu quốc, như nhắc tới lòng oán hận của dân chúng đối với cường hào ác bá, như nêu lên những đức tính tốt của phụ nữ :

*Chẳng thà em chịu đôi chịu rách,
Học theo cách Bà Mạnh, Bà Khương ;
Không thềm như Chị Võ Hậu đời Đường,
Làm cho bại hoại cương thường hư danh.*

Những câu hò nhắc tới những vấn đề ngoài yêu đương tuy vậy không nhiều, chỉ những câu hò nội dung trữ tình là phong phú nhất.

Hò là một loại dân ca, mà đã là dân ca, phần lớn các câu ca dao được sử dụng. Những câu hò miền Nam cũng như các câu hát khác miền Bắc và miền Trung đều thoát ở những câu ca dao ra, nhiều khi chính là những câu ca dao.

Này đây, ta hãy nghe giọng hò của một chàng trai chờ đợi lúc đêm khuya, trước sự lẻ loi của mình :

*Gió đưa con buồn ngủ lên bờ,
Mùng ai có rộng cho tôi ngủ nhờ một đêm !*

Nghe câu hò sầm sỡ, không hiểu cô lái đò miền Nam có trả lời chẳng. Có thể cô dùng một câu ca dao để đáp lại :

*Trời một vùng đêm dài không hạn,
Mượn gió chiều hỏi bạn ngàn sông :
Thân em là gái chưa chồng
Tơ duyên có chắc như dòng nước chẳng ?*

Có khi cảm vì câu hò có duyên của cô gái,
chàng trai đem dạ mến thương :

*Sông sâu sóng bủa láng cò,
Thương em vì bởi câu hò có duyên.
Làm thơ chẳng biết cậy ai đem,
Cậy con chim nhạn nó đem cho mình.*

Trong những câu hò thường có những câu
nam nữ thách đố thử tài nhau :

*Nước dưới sông lững đứng,
Mây đưa gió vật vờ.
Tơ duyên đã buộc sờ sờ,
Qua đây bậu đấy còn chờ đợi ai ?
Thấy em hay chữ,
Anh hỏi thử đôi lời :*

Tây giăng dây thép giữa trời làm chi ?

Đây là một câu Nam hỏi Nữ. Nam nữ bình
dân thường hỏi đố nhau những câu rất tầm thường.
Nam hỏi thì nữ đáp, nhưng vừa đáp nữ vừa hỏi
lại :

*Tây giăng dây thép giữa trời,
Chờ anh có việc trao lời em hay.
Tiếng anh ăn học chữ Tây,
Cho em hỏi thử mặt trời xây phía nào ?*

Nữ hỏi thì Nam cũng đáp, đáp để tỏ ra mình
không kém cỏi :

*Mặt trời sáng mọc phương Đông,
Chiều tàn bóng xế xây trong non Đoài.*

Cũng có khi câu thách đố cần một sự hiểu biết sách vở cao hơn mới trả lời được. Thường những câu này, cũng như những câu hát *Ví Phường Vải* ở Nghệ Tĩnh là do những người có học thức đặt trước hoặc trong những cuộc hát đối đáp, những người này đã gả nghĩ họ một bên nào :

*Hỏi anh đọc sách Thánh hiền,
Ai người đi tới non tiên đúc vàng ?
Tiếng anh ăn học nhà trường,
Trả lời em thử trong vườn mấy cây ?*

Trả lời :

*Em nghe anh trả lời đây,
Trong vườn chỉ có hai cây nghĩa là :
Một cây xanh tốt rườm rà,
Một cây xanh tốt nữa là thung huyền.
Sách xưa chép chữ còn nguyên
Người cày núi Lỗ non Tiên đúc vàng.
Trời xui anh dạng gặp nàng,
Bà Nguyệt cho sơi xích thàng hôm nay !*

Muốn đố gì thì đố, bao giờ rút cuộc cũng là những lời hát trao tình yêu đương. Những cuộc hò đối đáp hai bên kéo dài cho đến khi xong công việc; cũng có trường hợp tuy rất hiếm, cuộc hát không được đến đầu đến đũa, vì trong câu hát đôi bên có sự xích mích. Trong trường hợp này, nhiều khi đôi bên hát những câu thật tàn nhẫn, có khi như chửi nhau :

Vườn có chủ, giữ gìn cây có chạ,
 Hoa có rào ngăn đón bướm ong vô.
 Hỡi anh chớ khá bơ thờ,
 Đừng có quen đường cũ bước trở gầy chân !

Sự xích mích rất ít xảy ra, vì đã ưng đối đáp
 với nhau, họ chỉ tìm những câu nhẹ nhàng êm ái
 để trao đổi với nhau, tuy đôi khi người con gái tỏ
 kiêu kỳ, nhưng kiêu kỳ để chinh phục chàng trai :

Chết tôi, tôi chịu,
 Mình đừng bận bịu,
 Bớ bạn chung tình !
 Nhận bay cao khó bán,
 Cá ở ao quỳnh khó câu.

Cô gái có ý nói mình không phải là kẻ dễ
 dàng, không phải bạ đâu vương đấy.

Cá ở ao quỳnh cá cũng ở lâu,
 Mỗi ngon thả xuống lâu lâu cũng chìm.
 Nhận bay cao nhận mỗi nhận tìm,
 Dương cung theo mãi cũng hì nhận sa.
 Sao mình không lo bảy lo ba,
 Lo cau trở muộn lo già hết duyên.

Tóm lại dù một cuộc hò có bắt đầu bằng những
 câu hộ thể nào đi chăng nữa, thường cũng kết thúc
 bằng những câu yêu đương đậm thắm.

Trair gái hằng ngày gặp gỡ nhau, sự yêu đương
 càng nảy nở, và những câu hò càng thêm tình tứ,
 dù họ hát lại những câu ca dao cũ hay sáng tác ra

những câu hò mới trong dịp đối đáp với nhau.

Quang cảnh những buổi hò thật là vui, nhất là những buổi hò đã tụ họp trai gái vì công việc.

Sự gặp gỡ giữa trai gái là một sự thường trực diễn ra hàng ngày hàng đêm, trên đồng, dưới sông, chung quanh cối xay, cối giã, giữa đêm trắng, trong đêm tối, giữa một gái một trai, giữa một đám người có thể gồm cả nam phụ lão ấu, trong hoàn cảnh thiên nhiên, giữa nhịp sống thông thường của dân tộc. Sinh hoạt trong nông thôn, công tác nơi đồng áng đã không phân rẽ trai gái, mà trái lại, luôn luôn đoàn tụ trong một tinh thần tương trợ tương thân, trên một thửa đất màu mỡ lành mạnh làm chứng cho cuộc gặp gỡ duyên vị nông nân (1).

Cùng làm việc, cùng gặp gỡ, câu hò đã nói thay lời nói yêu đương, và sự yêu đương luôn luôn được giới hạn trong vòng lễ giáo, được sự chấp thuận và giúp đỡ của người lớn. Chính vì vậy mà trải bao nhiêu cuộc biến chuyển của đất nước, những lối hò vẫn tồn tại, và sẽ còn tồn tại mãi mãi và những câu hò sẽ ngày một thêm phong phú về nhạc điệu cũng như về nội dung, nhất là về nội dung.

Đêm khuya thanh vắng cũng như ban ngày giữa đồng ruộng, chúng ta còn được nghe những tiếng hò ơ, bắt đầu một câu hò. Hai tiếng hò ơ có thể

(1) Thuận Phong.— Duyên Hội Ngộ, Bách Khoa số 7, ngày 15-4-1956

kéo dài như vô tận trước khi bước vào câu hò chính thức.

Những tiếng hò ở tiêu biểu của câu hò miền Nam cũng là những tiếng đề nói lên cái tinh thần đoàn kết bất diệt của dân Việt Nam. Người Việt đã đoàn kết để chung vui, đã đoàn kết để khuyến khích nhau trong công việc, đã đoàn kết để khích lệ nhau trên đường chính nghĩa, và sự đoàn kết càng keo sơn bền chặt trước những quốc biến, ấy cũng là nhờ ý nghĩa những câu hò, và ảnh hưởng của những cuộc hò đối đáp, Nam, Bắc cũng như Trung.

HÁT VỀ

Chính nghĩa về là *một bài văn kể một chuyện đặc biệt xảy ra và ngụ ý khen chê* (1). Bài văn này thường làm thành thể thơ bốn chữ, năm chữ, lục bát hay song thất lục bát hoặc các thể thơ trên với biến thể.

Bài về được đặt ra thường được hát lại và truyền khẩu người này qua người khác.

Thông thường những bài về bắt đầu bằng mấy chữ *vẻ vẻ ve*.

Vẻ vẻ ve
Mày về lá lốt,
Cô kia thời tốt,
Cậu nọ thời xinh,

(1) Đào văn Tập.— Tư điển Việt Nam phổ thông.

Đôi bên rập rình

Muốn lấy nhau chẳng !

Những bài về theo thể lục bát, song thất lục bát v.v... có khi không có mấy chữ *vẻ vẻ ve*, nhất là những câu về miền Bắc :

Làng ta có sự nức cười,

Có Ông Nhiều Bút là người rượu say ;

Mỗi ngày một lít như bay,

Rượu say ông mới làm bây giờ trò.

Bà Nhiều sao chẳng biết lo,

Mượn lũ thợ cấy, ông mò một cô.

Nhưng mà hư hỏng cơ đồ,

Bà Nhiều bắt được liền vồ cả hai.

Hát những câu về người ta thường lấy giọng đọc lên, không có đệm trên, đệm giữa hoặc đệm dưới như các lối hát khác.

Ở miền Nam có những câu về về các loại cây, loại cá, các thứ bánh, về dạy trẻ v.v... ngoài lối về kể chuyện. Và các câu về thường bắt đầu bằng sáu chữ :

Nghe vẻ nghe ve

Nghe về.....

Thí dụ :

Nghe vẻ nghe ve

Nghe về con Cúc

Trâu ăn mấy chút

Bắt mẹ tôi đèn (1)

Dưới đây xin trích mấy đoạn ở mấy câu về miền Nam :

VỀ TRÁI CÂY

*Nghe vể, nghe ve,
Nghe vè trái cây,
Dây ở trên mây,
Là trái đậu rồng.
Có vợ có chồng,
Là trái đu đủ.
Chặt ra nhiều mủ,
Là trái mít ướt.
Hình tựa gà xước,
Vốn thật trái thơm.*

.

VỀ CÁC LOẠI CÁ

*Nghe vể, nghe ve,
Nghe vè loại cá.
No lòng phỉ dạ,
Là con cá cơm.
Không ướp mà thơm,
Là con cá nêgát.
Liệng bay thoăn thoắt
Là con cá chim.*

(1) Tiền Giang.— Về Miền Nam, Nxb Phạm văn Tươi, Saigon 1956.

*Hụt căng chết chìm,
Là con cá đuối.*

.

VỀ CÁC LOẠI BÁNH

Bài vè này đặc biệt không bắt đầu như những bài vè trên, lối hát bắt đầu hơi khác :

*Bà con cô bác,
Lẳng lẳng mà nghe.
Tôi nói cái vè,
Vè các thứ bánh*

* * *

*Mấy tay phong tình huê nguyệt,
Thì sẵn có bánh Trung thu.
Mấy gã phật tu,
Bông sen thơm ngát.
Ai mà hảo ngọt,
Thì có bánh cam.
Những kẻ nhát gan
Này là bánh tét,*

.

VỀ DẠY TRẺ

*Nghe vè, nghe vè,
Nghe vè dạy trẻ.
Có công cha mẹ,
Có chữ thánh hiền,
Gần mực thì đen,*

Gần đến thì rạng.
 Khuyến ráng học hành,
 Làm lành lánh dữ,
 Nấu sủ sôi kinh,
 Cho mình thế sự,
 Cho tử xem coi,
 Học đòi việc tốt.

— Tất cả mấy bài vè trên đều rất dài, mỗi bài bảy tám chục câu hoặc hơn nữa, bài vè nào nói riêng về thứ đó.

Những bài này cũng như những bài vè khác thường được trẻ em người lớn nghèo ngao hát những lúc buồn rỗi một mình.

Hát vè đề tiêu thì giờ, hoặc trong khi làm việc người ta hát lên để quên mệt nhọc, cũng như giữ dịp cho việc làm. Hơn nữa những câu vè kể chuyện xấu tốt thường được nhắc tới để răn người phạm lỗi, để khuyến khích việc hay.

Hát vè không có nhạc, nhưng thực ra, giả có ai đem phổ nhạc những bài vè, có thể những bài vè sẽ là những bản nhạc đáng người đời lưu ý.

Ngoài các bài vè thuật chuyện hoặc đặt vè các loại cây, cá v.v... có những bài vè được tác giả gửi tình ý bên trong, như trong khi vận động phong trào Cần Vương, lối hát vè được dùng làm lợi khí tuyên truyền. Ý nghĩa trong các bài vè này rất giản dị, dễ hiểu.

Chàng ơi chàng ngồi lại
 Thiếp bàn giải đôi lời :
 Bảy tám chục năm trời
 Dem thân làm nô lệ
 Cúi đầu làm nô lệ,

Nổi đấng cay xiết kẻ
 Nói ra những thảm sầu
 Chữ nhân sĩ sự thù,
 Sao mà anh chịu được
 Sao mà chàng chịu được ? (1)

HÁT TÔN GIÁO

Hát tôn giáo là những điệu hát lời ca được hát trong những dịp tế tự.

Ở đây tôi không nói tới những bản ca nhạc đã được dùng trong hết mọi lễ nghi, đã thuộc vào nghi thức của tế tự tôi chỉ nói tới những loại ca tôn giáo thuộc giới bình dân, mà tiêu biểu nhất như trên đã nói là điệu chầu văn.

Các giọng hát tôn giáo có nhiều và sự khác biệt lại rất ít giữa các giọng này. Dưới đây là mấy giọng chính.

HÁT CHẦU VĂN

Đây là lối hát của các người cung văn tại các

(1) Thạc Nhân. — Tài liệu đã dẫn.

đèn điện khi có các Cô đồng, Bà đồng, Ông đồng lên đồng.

Các ông đồng, cô đồng và bà đồng lên đồng, còn gọi là *hầu bóng* nghĩa là ngồi trước bàn thờ đề hồn các ông Hoàng bà Chúa, hoặc các Cô, các Cậu nhập vào. Muốn cho đồng chóng lên, nghĩa là đề giới vô hình sớm nhập vào thân xác hữu hình của người ngồi đồng, các cung văn vừa đàn vừa hát những câu xúng tung công đức, tài nghệ và nhan sắc của những hồn nhập đồng.

Đối với mỗi vị, ông Hoàng, bà Chúa, Thượng ngàn hoặc Thủy Cung v. v... đều có những khúc hát châu văn riêng.

Đàn cung văn là chiếc đàn nguyệt và gảy lên một điệu *phùng phụng phùng phùng phùng phùng*. Những câu hát châu văn được hát bằng một giọng riêng, hết sức tâng bốc đối với các giá đồng nghĩa với các ông Hoàng, bà Chúa, các Cô, các Cậu nhập đồng.

Có rằng cô đẹp nhất đời

Dáng đi điệu múa miệng cười có duyên !

Tiếng đàn vang lên, tiếng cung văn hát, lại thêm các con hương đệ tử vây quanh người ngồi đồng suốt soa khăn vái. Những người ngồi đồng được gọi là *ghế đệm* của các ông Hoàng, bà Chúa, các Cô, các Cậu.

HÁT SAI BẢO, LỆNH TRUYỀN

Đây cũng là một lối hát tôn giáo, nhưng không phải là của các cung văn, mà là của các *Thầy Tự*, tức là những người thờ các vị thần đạo Lão, người dân quê gọi nôm na là các ông thầy *Cúng*. Tục cho rằng các *Thầy Tự* rất cao tay có thể khu trừ được ma quỷ và khi cúng khấn có thể ra lệnh sai bảo hoặc truyền khiến các vị thần đề tróc ma trừ tà.

Nếu giọng châu văn của những người cung văn như tăng bốc giới vô hình thì giọng hát sai truyền rất là hách dịch. Cùng với tiếng hát này có tiếng cảnh tiếng tiu.

Thầy sai Đại Thánh Tề Thiên

Huyền công dùng phép dẹp yên loài tà.

Thường câu nào cũng bắt đầu bằng hai tiếng *Thầy sai*.

NHỮNG CÂU HÁT THỜ

Đây là những câu hát dùng để hát trong những buổi lễ thần, thường là hát theo những điệu múa. Cũng có khi ca nhi đơn ca theo một điệu đàn, lối hát đơn ca theo đàn này gọi là *hát giải*, mà dưới đây là một bài mẫu. Bài này dân hai làng Phú Đa và Trinh Nữ, thuộc phủ Bình Giang tỉnh Hải Dương, thường dùng hát mừng lẫn nhau khi có đám rước giao hảo, làng nọ tới làng kia (1) :

(1) Xin xem trong Làng Xóm Việt Nam, Nam chi Tùng Thư Saigon, 1968, trang 367—375.

*Xinh thay mấy thiên thai cảnh lạ,
Dưới trần gian một áng non bông,
Sườn non mây kéo ngất trên không,
Cửa động gà kêu vang dưới nguyệt.*

Bích sa động lý càn khôn biệt

Hồng thụ tri biên nhật nguyệt trường (1)

*Nước lao sao điểm rớt khúc sinh hoàng,
Mây lơ lửng mĩa mai con điều tước.
Hoa hớn hở sắc vàng chen sắc biếc,
Nức hai bên như đón rước người.
Lạ lòng thay cảnh thiên thai !*

Thực ra câu hát trên chỉ là một câu hát nói, nhưng hát nói trong trường hợp hát thờ thần được gọi là hát giải.

Trong những buổi hát thờ, trước khi hát giải, ca nhi phải hát dâng hương. Ca nhi thấp hương dâng lên bàn thờ và hát :

*Một nén hương thơm thấu chín lần,
Kính trời, kính đất, kính linh thần.
Chữ rằng nhất niệm thông tam giới,
Mừng vua muôn tuổi trị muôn dân.*

*
* * *

*Một nén hương thơm thấu cửu thiên,
Mây lồng năm thức, nguyệt lồng in,*

(1) Sắc biến trong động ngăn cách với đất trời; cây cỏ thụ bên cạnh chứng tỏ sự trường tồn với tháng năm.

Kinh thành những bén duyên hương lửa

Rõ rõ vinh hoa ức vạn niên.

Dâng hương xong, đôi khi ca nhi ngâm bài
Nhạc nhang :

Thống minh chính trực vị chi thần,

Biển hóa vô cùng đức đại lân.

Mừng vua có sắc phong choi chổi

Đệ nhất Vua, đây thượng đẳng thần.

Ca nhi có thể là những ả đào tới xin hát hoặc có khi là gái làng được dân làng cử ra, trong trường hợp này, họ phải tập trước.

Nếu là ca nhi chuyên nghiệp được mời tới để hát thờ thần, cuộc hát kéo dài suốt đêm, và như vậy, có ca thì có nhạc. Đã có nhạc, bao giờ ca nhi cũng phải hát thêm bài *Thét nhạc*.

Đời nhà Lê, mỗi khi trong cung tế lễ, trước hết quan Thái Thường cho nhạc công bày các đồ nhạc khi cùng hòa lên với tiếng hát của ca công để cho tiếng nhạc và tiếng hát ăn với nhau nên gọi là khúc thiết nhạc, nghĩa là bày những đồ nhạc khi. Đời sau đọc chệch thành *Thét nhạc*. (1)

Dưới đây là bài hát *Thét nhạc* :

Tiếng Dương tranh,

Đàn ai một tiếng Dương tranh,

Chưng thuở ngọc ó đàn nào nùng chiều ai oán.

(1) Đỗ Bằng Đoàn, Đỗ Trọng Huề.— Việt Nam Ca Trù biên khảo, 1962, trang 93.

Nhạc Thiều tâu,
 Xa đưa tiếng nhạc Thiều tâu,
 Vẳng nghe chuông giống lâu lâu lại dừng.
 Dương, hơi dương đầm ấm...
 Năm thức mây che,
 Thức mây che rõ rõ ngất trời.
 Nguyệt dải thềm lan,
 Thanh, bóng trắng thanh nguyệt dải thềm
 lan.

Tiếc thay mặt ngọc thương ai,
 Vay là đêm là đêm đông trường.
 Rạng vẻ mây rồng,
 Thiên, Nam thiên rạng vẻ mây rồng, rực
 rõ nghìn thu.

Nghìn thu ngạt ngào.
 Lãng Uyển xa bay,
 Luống thâu đêm, đêm nghe phảng phất mối
 sầu tuôn.

Tuôn khôn nhịn ngần ngơ nỗi buồn.
 Thu, lá thu ngô đồng rụng.
 Một lá thu bay, hơi sương lọt mây,
 Sương lọt mây, ngồi nghe tiếng đàn.
 Sóng, sóng hồ nước biếc, chín khúc cuốn
 quanh,
 Đáy nước long lanh, dạo ngồi chơi, ngồi.
 chơi thủy đình
 Nguyệt tà tà xế xế, ánh dải chênh chênh,

*Trên không hoa cỏ lộng canh dài.
Đỉnh Thần sơn, đỉnh Thần sơn mặt ngọc
mây ngai,*

*Thấy khách hồn mai.
Dãi tường lâu,
Nguyệt dãi tường lâu đồng vọng bóng trăng
thâu,*

*Nặng tiếng, tiếng đỉnh đang,
Tiếng đỉnh đang, xui lòng thiếu nữ.
Nhớ thương ai gửi bước đường trường,
Bước đường trường, chầy ai đã nện, nện
tương tư sâu.*

*Vò vò phòng hương,
Luống chực phòng hương,
Gửi cố nhân tình thư một bức, gọi nỗi ái
ân,*

Tư, tương tư sâu.

Theo lệ hát thi tại các cửa đình, mấy lối hát dâng hương, thét nhạc ca nhi đều phải đứng mà hát và kếp dẫn cũng phải đứng mà đàn. Hát nhạc xong mới được ngồi để bắt đầu hát giải.

Hai giải có những bài về phong cảnh như bài hai xã Phú Đa và Trinh Nữ thường dùng đã nêu trên lại còn những bài về sử, về truyện, những bài này đều là những bài hát nói.

Trong những buổi hát thờ, nhiều khi dân làng yêu cầu ca nhi hát khúc *Đại thạch*.

Đời vua Lê thần Tôn, gặp ngày lễ Vạn Thọ múa hát khúc Đại thực các quan đều dẫn người nhà vào trong cung xem. Vua thấy đông đúc mới truyền tiểu giám lấy những hòn đá to cho bọn nữ nhạc đứng lên trên hòn đá mà múa hát, chủ ý để cho mọi người cùng trông thấy. Từ đấy khúc Đại thực gọi là Đại thạch (1).

Bài hát Đại thạch là một bài thơ lục bát có biến thể ở mấy câu cuối :

Chúa từ nghe hết vãn vi,
Thoát thôi lại nói tỷ tề nổi lòng.
Ngọn cờ đỉnh núi xa trông :
Nọ sao cung quế, hẹn cùng trúc mai.
Trách thay ô thước nữ hoai,
Cớ chi sao bỗng lạc loài cho nên.
Chốn này là chốn cung tiên,
Ước gì lại được phỉ nguyên nhớ mong.
Boong boong chuông giống đêm đông,
Cảm lòng người những lưỡng công đợi chờ.
Hỏi thăm ai kẻ thân sơ,
Bóng trắng dải tở có ư chẳng là,
Đêm đêm tưởng bóng ngân hà,
Trông sao Bắc đẩu đã ba năm tròn.
Non mòn nghĩa ấy chẳng mòn,
Tào Khê nước chảy lòng còn như in

(1) Đỗ bằng Đoàn, Đỗ trọng Huê.— Sách đã dẫn.

*Tình thư phong gửi cá chim,
 Chim tìm non thăm, cá tìm vực sâu.
 Duyên ư có thấu tình nhau,
 Ngày nào Ồ thước bắc cầu sông Ngân.
 Mảng vui chơi bóng ánh xoay vần
 Lòng càng mong ước hỏi lân la, lân la gió
 mát chiều ai khoan nhạc vũ,
 Lũ thiệp gặp ngày vui.
 Hội Long vân Thánh thượng khánh thọ,
 Tấu nhạc quỳ dâng, tôi chúc mừng. (1)*

Ngoài những câu hát theo nhịp đàn nhịp phách, trong những buổi tế lễ còn có những nam nữ vũ sinh vừa múa vừa hát thờ thần. Những vũ nữ này có thể là những ca nhi chuyên nghiệp hoặc là các trình nữ trong làng cắt cử, như tục lệ làng Trúc Cương phủ Hoảng Hóa tỉnh Thanh Hóa.

Vũ thì có nhiều bài, dưới đây chỉ đề cập tới đôi ba bài chúng tôi biết, hoặc có tài liệu.

Hát bỏ bộ, *Hát bỏ bộ* là vừa hát vừa làm theo điệu bộ hợp với câu hát. Bài hát bỏ bộ gồm hai phần, phần mở đầu và phần chính. Thường bốn cô chia làm hai bên hát múa với nhau. Số người có thể tăng hơn nhưng phải là số chẵn.

Phần mở đầu :

(.) Theo sách Việt Nam ca từ biên khảo của Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huề đã dẫn.

Năm canh ngồi đợi bóng trắng (Các vũ nữ ngồi xuống)

Năm canh ngồi đợi giải cơn buồn,

Ngậm ngùi nhớ thương (Các cô đều đứng lên)

Tay nâng bàn rượu túi thơ (Tay làm hiệu giờ
bàn rượu túi thơ)

Một mình đứng đỉnh giải lo giải phiền (Các cô
đứng đỉnh đi)

Ngồi buồn xe chỉ chỉ xe (Các cô ngồi xuống lấy
hai tay xe như xe sợ chỉ)

Xỏ kim, kim xỏ (Tay phải như cầm sợi chỉ, tay
trái như cầm kim để xỏ vào nhau)

Ngồi hè vá may (Tay phải cầm kim như khâu
vào vải)

Dương cung ta bắn con cò (Các cô đứng dậy,
giờ tay lên như bắn cung)

Con le nó lặn, con le nó lội, con cò nó bay (Hai
tay các cô xò ra, nhấc lên nhấc xuống như
con le lội và chập chờn như con cò bay).

* * *

Sau phần mở đầu, các cô hát tới phần chính của bài hát Bỏ bộ. Phần chính này thường gồm 5 đoạn, dưới đây xin chép một đoạn làm mẫu.

Tình tang tính (Các cô đều múa)

Em ra kẻ chợ em coi (Vừa đi vừa nhìn)

Thấy quan tập trận,

Ồ kìa chời bắn cung. (Tay chỉ lên)

Giống con ngựa hồng, (Đi như cưỡi ngựa)

*Mao tiền mao hậu (Quay phía trước lại quay
phía sau)*

*Võ thần quan áo nậu bắt vai (Hai tay chống hai
bên cạnh sườn)*

Cờ vác vai (Hai tay đỡ lên vai)

*Súng anh tọng nạp (Tay làm hiệu nạp đạn vào
súng)*

Gương tuốt trần (Tuốt gương ra)

Tay cặp mộc mang (Tay cặp vào nách)

*Trường khu đuổi đánh đã vang (Đi nhanh, tay
làm ra điệu đánh)*

Trên đây chỉ là một đoạn phần chính, còn bốn đoạn nữa cũng tương tự, và khi múa hát các ca vũ nữ phải cùng múa đều nhau. Những ca nhi chuyên nghiệp họ đã thuộc điệu múa và đã hát với nhau nhiều ở cửa đình nên khi múa hát điệu bộ của họ không những ăn với câu hát mà còn ăn cả với điệu đàn, điệu sáo.

Tại những làng, việc múa hát do các trình nữ đảm nhiệm như ở xã Trúc Lương, nơi có đền thờ ông Lê phụng Hiền (1), các cô được dân làng cắt cử hát múa thờ thần phải luyện tập trước có khi hàng tháng. Thường tại các xã, việc múa hát do trình nữ, số các cô được cắt cử thường gấp đôi ba hoặc hơn nữa, số các ca nữ tại mỗi buổi hát thờ.

(1) Xin xem, Nếp cũ: Hội Hè đình đám của soạn giả

Ca múa bài bông.— Múa bài bông là một lối múa dàn hàng theo điệu nhạc. Bài là bày hàng, bông là hoa, múa bài bông là những bông hoa đẹp dàn bày múa hát.

Các làng, thường những làng lớn, chỉ có múa bài bông trong những dịp vào đám. Múa bài bông, ít nhất phải có 8 vũ nữ, trong những buổi đại lễ con số tăng gấp ba bốn lần. Làng xã phải kén các trinh nữ đồng tuổi và suýt soát bằng nhau. Lúc múa các cô ăn mặc áo màu sắc sỡ có giắt kim kính, thêu kim tuyến, thắt dây lưng nhiều xanh đỏ đề mũi rộng, đầu đội mũ kim phượng, tay cầm quạt. Hai bên vai các cô đeo đèn lồng thấp nển. Các cô múa dưới sự chỉ huy của một bậc đàn anh trong làng, vị này cũng được dân làng chỉ định trước để cùng luyện tập với các cô.

Tất cả các cô dự múa bài bông hợp thành một hoa đội, đứng ở ngoài sân đình.

Phường bát âm đi trước, các cô theo phường bát âm đi hàng một vào trước hương án, trong khi vị đàn anh chỉ huy đánh trống cái giữ nhịp. Đứng đầu tất cả các cô có một cô trưởng ban, cô này gõ phách theo điệu nhạc. Bước của các cô nhanh chậm theo nhịp đàn phách.

Tới trước hương án, các cô chia làm hai hàng quỳ trước bàn thờ, hai tay nâng quạt lên khỏi đầu cô trưởng ban đóng vai Tiên đồng ra khai mạc buổi ca vũ, Cô hát, giọng giống như hát bội :

*Tiểu dao lồng lộng Thiên đình,
Tật tốc giáng dương trần bộ bộ
Khâm thừa Phật tổ
Giáng hạ trần.*

Lược nghĩa :

*Nhỏn như chơi đạo Thiên đình
Mau mau kịp xuống dương trần xuống mau
Lệnh vàng đức Phật nhiệm mầu
Cõi trần giáng hạ ai đâu dám từ.*

Rồi hát tiếp một câu nói lối :

*Như tôi nay. Tiên ông trao chức
Ngó biểu tự Tiên đồng
Truyền ca nhi nam bắc tây đông
Đều múa hát dâng hương Thượng đế*

Tất cả các trình nữ đều đứng lên và bắt đầu vừa múa vừa hát.

Múa lấy nhạc làm chuẩn đích, tiến thoái nhanh chậm đều đo nhạc điều khiển, lúc quay chỉ quay một nửa người, không bao giờ quay lưng vào hương án.(1)

Ngoài mấy điệu ca vũ trên, trong những buổi tế lễ xưa còn nhiều bài ca điệu vũ khúc, thay đổi tùy theo từng buổi tế, từng địa phương hoặc từng vị thần dân chúng phụng thờ.

CÁC GIỌNG HÁT TÔN GIÁO KHÁC

Cứ kể trong việc thờ cúng thần linh, ngoài mấy

(1) Đỗ bằng Đoàn, Đỗ trọng Huê.— Tài liệu đã dẫn.

giọng *Chầu văn Sai bảo lệnh truyền* và *Hát thờ* trình bày ở trên còn nhiều giọng khác trong các buổi cúng bái. Cúng cô hồn có những bài văn, bài hát riêng. Cúng cụ, cúng thần cũng có những bài văn bài hát, những bài văn bài hát này thường các thầy cúng chỉ ê a đọc lên mà không hát như *Chầu văn* và *Sai khiến* chư thần.

Có thể kể là những bài hát tôn giáo, những bài hát trong những dịp cúng lễ có múa như múa đèn, bài văn cúng cháo, các bài văn tế v.v...

NHỮNG GIỌNG HÁT VỀ NGHỀ NGHIỆP

Đây chính là những giọng hát hành nghề, trong số đó có thể kể được cả các lối hát *Chầu văn* và *Sai bảo lệnh truyền* đã trình bày.

Mấy lối hát hành nghề đáng kể là hát *Xẩm*, hát *Tuồng*, hát *Chèo*, hát *Cải lương* v.v...

HÁT XẨM.

Hát xẩm còn gọi là *xẩm chợ* là lối hát kiếm ăn của những người thường thường bị mù tật. Họ đi một đôi ba người tới các nơi đông dân cư. Họ ngồi hát bên bờ đường, trước cửa chợ, trước cửa đình. Họ ngồi chung quanh một chiếc chậu thau. Thường là một cặp vợ chồng, chồng mù vợ sáng, vợ dắt chồng đi kiếm ăn bằng nghề hát. Đi theo hoặc là đứa con, hoặc là một người khác có khi cũng bị mù tật.

Người chồng gảy chiếc *đàn bầu* mà ta gọi văn

vẽ là cây *độc huyền cầm*. Đây là một nhạc khí độc đáo hơn bất cứ một nhạc khí nào của quốc gia nào.

Đây là một cây đàn hoàn toàn Việt Nam, và chế hóa một cách hết sức giản dị. Đàn chỉ có một dây, căng thẳng trên trống đàn, một đầu dây buộc chặt vào trống đàn, còn một đầu buộc cây trụ bằng tre. Cây trụ này dùng để nhấn âm thanh mỗi khi gảy. Đàn không ngựa không phím, và trên mặt trống đàn chỉ có sợi dây đàn. Đàn chỉ có bốn cung, nhưng mỗi cung có thể tạo ra rất nhiều âm thanh, và tiếng đàn nghe thiết tha buồn ảo não.

Người xăm gảy đàn bầu dễ đệm cho lời ca của mình. Có khi chính người này, có khi người vợ hoặc người đi theo hát. Có khi họ đồng ca.

Những câu hát của họ rất thay đổi, có khi tả cảnh có khi tả tình. Đây là một câu hát mà đám hát xăm nào cũng thường hát tới :

*Sáng trăng suông vắng vặc cái đêm hôm rằm,
Nửa đêm về sáng, trăng bằng cái ngọn cây tre,
Anh có yêu em cho vẹn một bề,
Đề em thơ thẩn ngồi kẻ bóng trăng,
Sự tình này ai có thấu cho chăng ?
Đề em chỉ nguyện bóng trăng chịu sầu,
Tương tư một nhịp đôi ba cầu,
Bắc Nam đôi ba ngả, chịu sầu đôi ba nơi.
Con chim khôn chết mệt về mối !*

Có khi đám hát xăm ngoài chiếc đàn bầu, lại

có thêm cây nhị, khi nhị, khi đàn bầu, đệm cho lời ca, và cũng có khi hòa tấu cả hai thứ nhạc khí Việt Nam này.

Những người nghe hát xẩm thường thức lời ca, giọng hát cũng như tiếng đàn tiếng nhị, quăng tiền vào chậu thau để thưởng tiền cho bọn xẩm.

HÁT TUỒNG

Hát tuồng do những ban hát trình diễn để lấy thù lao, do vậy ở đây chúng tôi xếp vào loại chuyên nghệ, những đào kép hát lấy tiền thù lao làm kế sinh nhai, tuy rằng vẫn có những tài tử lấy hát tuồng làm một thứ giải trí tao nhã, và thường trong những tích hát chỉ thủ những vai mình ưng ý.

Hát tuồng còn gọi là *hát bộ* hoặc *hát bội* là lối hát diễn lại những sự tích cổ tích trong các truyện, với mục đích rút ra một kết cấu với một ý nghĩa luân lý. Trong khi diễn lại tích cũ, các đào kép vừa hát vừa múa, đi lại trên sân khấu. Lối hát này do người Trung Hoa truyền sang nước ta từ đời nhà Tống, vào khoảng dưới triều Lý nước ta (1). Cũng có sách cho rằng lối hát này mới truyền sang nước ta từ đời nhà Trần, do một tài tử là Lý nguyên Cát.

Hát tuồng, xưa là một lối hát rất được giới

(1) Đoàn Nồng. — Sự tích và nghệ thuật hát bộ.

phong lưu trí thức ham chuộng, và giới bình dân cũng ưa thích. Theo Đoàn Nồng, xưa vua Tự Đức cũng soạn tuồng và hát với các danh nho, vua Thành Thái thích xem hát và cũng tự mình sắm vai trong tích hát ; cho đến vua Khải Định cũng ưa hát, *ban xiêm giáp rực rỡ cho con hát và bắt phải luyện tập hẳn hoi* (2).

Vì do Trung Hoa truyền sang, nên các tích hát thường soạn theo sử Trung Hoa, mãi về sau, từ dưới Pháp thuộc mới có những vở tuồng soạn theo sách sử Việt Nam như *Tây Nam Đắc Bàng*, *Gia Long Khai Quốc*, *Đông Á song Phụng* v.v... Các cách hóa trang, bố cảnh, các điệu múa đều chịu ảnh hưởng theo lối diễn tuồng Trung Hoa, cho đến cả những câu nói lối, hát khách cũng vậy. Về sau có thêm nhiều điệu hát Việt như những câu hát Nam hoặc những câu nói lối bằng văn xuôi.

Hát tuồng có những điểm đặc biệt hoàn toàn Á Đông mà trong những điểm này, căn bản là sự tượng trưng. Có thể nói hát tuồng là một nghệ thuật, và tất cả các nghệ thuật Á Đông không bao giờ có ý tả chân mà chỉ dùng tượng trưng để diễn đạt.

Trong hát tuồng, sự tượng trưng đi từ bố cảnh, hóa trang xiêm áo đến điệu bộ và câu hát.

Về bối cảnh vài cái ghế và một cái bàn là cung

(2) **Trần văn Khê.**— Hát tuồng, Bách Khoa số 60, xb ngày 15-6-1959.

điện ; một cành lá buộc vào ghế biến cung điện thành rừng xanh ; hai ghế chồng lên nhau là núi non hiểm trở ; một cây chèo là con thuyền ; một roi ngựa là con ngựa ; miếng vải có vẽ bánh xe đỏ là chiếc xe của nhà vua hoặc của Hoàng Hậu Công Chúa v.v...

Về hóa trang thì người trung mắt đỏ, râu năm chòm, nịnh mắt mốc, mặt xám hay mặt đen và râu ria. Tướng Phiên thì mặt rắn rên râu quai nón, Yêu thì mắt lục lạc, tóc mậu nậu bắp (1).

Về xiêm áo thì nịnh đội mũ vương, tướng Phiên có lông Trĩ, lông Công, còn kếp núi thì khăn đen.

Về điệu bộ, mỗi cử chỉ của đào kếp là có ý muốn biểu lộ một cảm giác, một mối cảm tình hoặc một nền luân lý trật tự của người xưa. Khi một đào kếp giơ một cánh tay làm bộ lau nước mắt không phải là có ý muốn tả chân cái buồn cho chư khán giả mà chính là muốn cho khán giả tự do tưởng tượng lấy bao nhiêu nỗi đoạn trường đau đớn. Mỗi điệu bộ tượng trưng một việc ; trung, nịnh điệu bộ khác nhau.

Xây mặt vén râu làm bộ uống rồi đồ cặn rượu về phía sau lưng là đang uống rượu. Đưa cánh tay mặt ngang mày rồi kéo nhẹ từ trái qua phải là khóc, Ngồi xuống ôm bụng, lúc đứng lên có ôm thêm « Ông Làng » (Ông Tồ Hát Bội) là nở nhụy khai hoa. Thấy

(1) Trần văn Khê. — Tài liệu đã dẫn.

cánh quạt, nghe tiếng cười cũng biết ai trung ai nịnh.

Về câu hát, tưởng đang bị thua mà hát câu khách tức là sắp chết. Nghe nhịp « cắc rụp cắc » biết là thầy rùa tưởng núi sắp ra (1).

Sự tượng trưng trong hát tuồng thật là nhiều ý nghĩa, và người dân Việt Nam, sống trong lễ lối Á Đông, qua mỗi màn mỗi cảnh của tuồng, qua xiêm áo cử chỉ của mỗi đào hát đều thấu hiểu, và do đó mới thấy thích thú.

Thích thú về điệu bộ, về xiêm áo, về bố cảnh khán giả lại còn thích thú về ca thể của tuồng. Ca thể này tổng hợp rất nhiều lối hát : nói, dậm, sa mạc, trống quân, quan họ v. v...

Thường mỗi khi diễn tuồng, đều có *câu giáo đầu*. Sau câu giáo đầu mới vào tuồng chính. Đào kép hát tuồng, đóng vai gì lúc bước ra sân khấu, phải xưng danh vị của mình :

*Tề trào Nguyên Lão,
Mỗ hiệu Đình Công,
Sơn sắt một lòng,
Tuyết da sáu giáp,
Lộc nước ơn nhà đều khắp.
Một trai một gái cũng đặng hiền...*

Mỗi lối hát được ca lên trong những trường hợp riêng :

(1) Trần văn Khê.— Tài liệu đã dẫn.

Nói lối tuồng đề xưng danh :

Quyền Đốc Đốc xa tang

Ngã tánh Chu Công Cẩn

Nói lối bóp dùng khi hai tướng địch mới gặp nhau hoặc khi cha mắng con để nói lên sự phân nộ :

Ơi hỡi ! Chớ khoe khoang thần võ,

Không phủ phục thiên sai !

Nói lối ai được dùng để tả sự buồn rầu.

Hát khách thường do các tay đóng tướng hát trước khi ra trận hay đi tuần thú, vai đóng quan hát trước khi đi nhận chức, hoặc vai người thư nhàn đi ngoạn cảnh.

Hát khách phú hay là hát khách phú lục là loại hát đối đáp của những người xa cách gặp nhau, hoặc hai tướng địch hỏi lai lịch của nhau trước khi giao tranh.

Hát khách tàu mã là lối hát của những vai đuổi giặc hoặc có việc chi cấp bách.

Hát khách tử do người đóng vai sắp chết : tướng sắp tử trận hoặc người sắp tự tử

Than và oán được hát để tả nỗi buồn.

Ngoài các điệu hát trên còn các điệu nam xuân hát lúc sắp lên đường dạo cảnh, nam thương hát lúc buồn, nam bằng hát lúc vui, nam dựng hát lúc nửa vui nửa buồn

Tại miền Nam có hai lối hát buồn :

Nam đi : Hát lúc buồn nhưng không phải cảnh biển,

Nam chạy : Hát lúc gặp hoạn nạn ; bị hổ, bị cướp đuổi.

Hát tuồng còn được gọi là tuồng cổ hiện nay vẫn được nhiều người ưa chuộng, và trong những dịp đình đám ở Nam Việt bao giờ cũng có vài buổi hát bội. Các vị quan viên, chức sắc, trong những buổi hát thường cầm châu đánh trống để khen chê các diễn viên.

HÁT CHÈO

Theo Dương Quảng Hàm, *hát chèo* dùng để diễn các việc vui cười, những tật hư thói xấu của người đời, trong lời vẫn có nhiều giọng khôi hài, nhưng lại có tính cách khuyên răn người đời, thiên về luân lý. Có thể nói rằng, hát chèo dùng cái cười để dạy đời.

Trong *Vũ Trung tùy bút*, Phạm đình Hồ cho biết lối hát chèo xuất hiện từ đời nhà Trần. Đời ấy khi có quốc táng, dân chúng xúm chung quanh quan tài để xem, người đông quá đến chật cả điện đình, dẹp rất khó khăn. Người dẹp dám mới bắt chước lối văn ca đời xưa, đặt ra lối hát song ngâm, sai quân lính đi hát riêu ở quanh đường để dân chúng xúm lại xem cho chỗ điện đình rảnh lối mà lo việc tống táng. Đời sau người ta bắt chước và

mỗi năm vào Tết Trung Nguyên, các tang gia mời người đến hát để giúp lễ, và những người này được gọi là *phường chèo*. Đến đời Vua Lê Cảnh Hưng, lối hát vẫn được biến thể và được xen lẫn nhiều giọng hát của tuồng mà thành *hát chèo* ngày nay và đã trở thành lối hát tuồng bình dân, hát tuồng nhưng lại khác hát tuồng, có thời rất thịnh hành tại miền quê Bắc Việt. Tôi còn nhớ khi tôi còn nhỏ, đi xem bất cứ đám hội làng nào buổi tối chúng tôi đều được xem hát chèo, và hai tiếng *xem chèo* đã trở nên đồng nghĩa với đi xem hội quê vào mỗi buổi tối.

Trong khoảng trước thế chiến thứ hai, ở Hà Nội có rạp Sân Nhiên Đài chuyên hát chèo, và ban chèo cổ Nguyễn đình Nghị đã từng là một ban chèo cổ nổi tiếng ở Thăng Long.

Những tích chèo một phần dựa theo truyện cổ Trung Hoa như hát tuồng, nhưng phần khác được soạn theo các tích cổ Việt Nam, nhất là các loại truyện bình dân.

Chèo Chu Mãi Thần dựa tích cổ Trung Hoa, các chèo Lưu Bình, Dương Lễ, Quan Âm Thị Kính, Thúy Kiều Kim Trọng v.v... soạn theo các truyện bình dân Việt Nam

Chèo có những điệu hát riêng, khác với hát tuồng và phân làm nhiều loại được hát tùy theo từng đoạn của vở chèo : vui tươi, buồn thảm, ý

nhị, đánh đá hoặc bông lơn.

Hát chèo có những đoạn đối thoại như ta nói chuyện. Ngoài ra còn có ba cách nói gọi là : *nói lối, nói sử và nói lửng*.

Nói lối.— Cách nói của các tay đóng học trò thi đỗ hoặc khách nhàn du. Thường là bốn câu thơ thất ngôn, hoặc có khi chỉ có 3 câu, nhất là trong các vở chèo cổ.

Nói sử.— Đây chính là ngâm thơ, nhưng nhịp điệu thay đổi :

Sử Chúc dùng vào lúc giáo đầu, ca ngợi đất nước.

Sử Xuân tinh chất vui tươi.

Sử sầu dùng để diễn tả sự buồn thảm lo âu.

Sử văn dùng để than. Thường là thơ lục bát.

Nói Lửng.— Cách nói của những đào kép thủ vai lẳng lơ như Tú Bà trong truyện Kiều, Thị Mầu trong truyện Quan Âm Thị Kính.

Chèo cũng như tuồng chịu ảnh hưởng rất nhiều của thời cuộc. Ngày nay, thuần túy chèo rất ít được trình diễn tại các rạp, chỉ thỉnh thoảng xen vào một cảnh nhỏ. Những người lưu tâm tới văn hóa, trước những sự thay đổi của ca hát không khỏi bùi ngùi khi thấy lối hát chèo đang dần đi vào con đường đào thải.

HÁT CẢI LƯƠNG

Đây là một lối hát mới có từ thời Pháp thuộc, phối hợp cổ kim, sử dụng đủ các bản hát cổ kim, các loại tuồng chèo các loại ca bình bán, nam bình, nam ai, hò ca, vè, và cả vọng cổ nữa. Cùng với các bản ca, các nhạc sĩ, đệm nhạc bằng đủ loại nhạc cũ, nhạc mới.

Do sự pha trộn này, cải lương có vẻ dồi dào phong phú về ca và nhạc, và thích hợp với đủ mọi loại khán giả nhất là dân chúng vùng quê miền Nam. Ở Bắc Việt cho đến hồi tiền Genève, lối hát cải lương không mấy phổ cập trong thôn dã, không như ngày nay tại miền Nam, mọi người dân đều ưa cải lương đặt cải lương vào một địa vị quan trọng của nghệ thuật.

Tại khắp các rạp hát miền Nam hiện thời đều có trình diễn cải lương, ở Đô thị cũng như ở vùng quê. Và các vở cải lương được soạn ra rất nhiều, phỏng theo dã sử, phỏng theo những tiểu thuyết tình cảm và có khi phỏng theo cả truyện kiếm hiệp truyện thần thoại. Cũng đôi khi có những vở cải lương xã hội nội dung có phần nào đến gần thực tế.

Cải lương đã thắng cả hát tuồng lẫn hát chèo, không hiểu đây có phải là một sự phân hóa của văn hóa chăng?

CA VỌNG CỔ.

Vọng cổ là một bài ca xuất xứ tại miền Nam

và rất được phổ biến trong đại chúng. Vọng cổ giọng buồn, náo nùng, tha thiết, dễ cảm, dễ xót xa. Có lẽ chưa bài ca nào được đại chúng miền Nam ưa thích bằng những bài vọng cổ. Thường một bản ca vọng cổ có 6 câu, nhưng trên thực tế một câu hai câu, ba câu... đều có thể được cả.

Trước sáu câu có một khúc nói lối. Dưới đây là thí dụ :

Nói lối. *Em gọi tên người bằng niềm vui vô vọng, rồi buông rơi hai tiếng ấy giữa không gian, nhứt đầu dây vại cánh hoa tàn, em xếp lại đề tủi buồn cho số kiếp. Kia mấy cánh hoa rụng xuống giữa cô liêu, nó đã tàn úa, không còn giám luyến lưu tình bướm trắng.*

Bài ca : *Chị em ơi, khó cho một cuộc đời vô vọng của những đóa hoa rơi rụng dưới chân đời, nó đã tàn phai nhan sắc từ lâu rồi, nó đã xa lìa sự sống của những ngày ử mộng đời xuân sang. Cát bụi sẽ phủ lên mình nó để rồi mưa nắng thời gian không còn biết nó là hoa gì, được mấy tuổi ước mơ mà chôn vùi nguồn mơ ước.*

Chị em ơi, em muốn nói đời hoa ấy là em, là Thu Lan đã hơn ba năm nay hầu hạ dưới chân người, nó từng thức thâu đêm để nghe gió lạnh thổi dài, nghe lá rụng, nghe tâm tình thồn thức và để buồn vui theo ánh mắt của người yêu, nhưng em không có quyền thổ lộ, vì em đã lỡ yêu. Hương tình

của thuở ban đầu nhạt phai, thì đâu thế nào em lại nói tiếng yêu ai.

— *Chị em ơi ! Em là kẻ tàn tật, linh hồn trong trắng mà mảnh hồng nhan không che kín được vết thương. Nếu em có yêu thì yêu người đồng chung cảnh ngộ, người trong sạch, linh hồn trong trắng mà tàn phế xác thân, người ấy đang cùng lương tri tâm hồn điên loạn cũng như em. Người ấy, người có quyền điều khiển đám tàn quân, có quyền oán vua hận chúa và người ấy là người đã từng phen hạ lệnh cho em dâng cơm, hầu nước, đốt lửa, giăng màn (1).*

Về văn chương những câu hát vọng cổ thường đại để như câu trên, chỉ than van, chỉ thương nhớ, nhưng với điệu ca, vọng cổ đã có *ma lực mãnh liệt* để quyến rũ giới bình dân miền Nam và cả giới trí thức nữa.

Trong các rạp hát, khi ca sĩ hạ đến đoạn *mùi* là tất cả khán giả vỗ tay, và trong lúc ca sĩ hát, nhiều khán giả đánh nhịp chân, gõ nhịp tay theo giọng ca.

Về nguồn gốc giọng ca vọng cổ, có nhiều người đưa ra nhiều luận điệu khác nhau.

Nguyễn Tử Quang trong *Thử tìm xuất xứ bài vọng cổ* đăng trong Bách Khoa số 63, xuất bản ngày 15-8-1969, đã viết :

(1) **Thạc Nhân.**— Tài liệu đã dẫn.

« Vào khoảng năm 1920, tại Chùa Làng Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu có một nhà sư, tên họ thật là gì, người làng không biết được mà chỉ biết Pháp danh là Nguyệt Chiếu. Vì ở xa lại nên người ta không rõ được tông tích nhà sư.

« Nhưng thấy nhàn ho sư học uyên thâm với tư tưởng ẩn dật, người ta đoán chừng là một văn nhân chống Pháp trong thời Cần Vương, nay thất thời nên tạm lánh mình vào cửa Phật.

« Tuy đã đi tu nhưng vẫn mang nặng tình non nước, lòng còn hoài bão chí khí lớn lao với một cuộc đời thay, nên nhà sư mới đem tâm sự mình ký gởi trên bài từ, đề là *dạ cổ hoài lang*, nghĩa là *Đêm khuya nghe tiếng trống nhớ chồng*. Đại ý của nó cũng tựa như tác phẩm *Chinh phụ ngâm* của Bà Đoàn thị Điểm.

« Bài thơ này lại được vào tay Ông Sáu Lầu, một nhạc sĩ có danh tiếng lúc bấy giờ. Lời thơ tuy tầm thường nhưng có lẽ lúc bấy giờ, giữa đời bèn thông cảm được mối tình *thương nhà nhớ nước* nên Ông Sáu Lầu mới lấy bài thơ ấy phổ ra nhạc.

« Đó là bài *Dạ cổ hoài lang* nhịp đơn, âm điệu mừng tượng hai bài Hành vân và Xuân Nữ. Bài ấy lời lẽ như thế này :

« *Từ phu tướng,
Báu kiếm sắc phong lên đàng,
Vào ra luống trông tin chàng.*

Thêm đau gan vàng,
 Trông tin chàng,
 Gan vàng thêm đau !
 Chàng dầu say ong bướm,
 Xin đó đừng phụ nghĩa tào khang.
 Đêm ngóng trông tin bạn,
 Ngày mỗi mòn như đá vọng phu.
 Vọng phu, vọng luống trông tin chàng.
 Năm canh mơ màng,
 Chàng hỡi, chàng có hay.
 Đêm thiếp nằm luống những sầu tầy.
 Bao thuở đó đây sum vầy,
 Duyên sắc cầm tình thương.
 Nguyên cho chàng
 Đặt chữ bình an
 Trở lại gia đình
 Cho én nhận hiệp đôi »

Lúc đầu vọng cổ chỉ có thế, chỉ là bài *Dạ cổ hoài lang*. Bài này được đưa lên sân khấu bởi gánh hát thầy Năm Tú ở Mỹ tho đầu tiên, rồi lần lượt các gánh khác cùng sử dụng, nhất là trong các tuồng cải lương.

Rồi bài hát chịu sự biến đổi, từ *Dạ cổ hoài lang*, đổi sang *Vọng cổ hoài lang*, để về sau tên gọi được đơn giản hóa hơn với hai tiếng *Vọng cổ*.

Những bài vọng cổ được soạn ra, dài hơn, lâm ly hơn, bi sầu não nuốt hơn !

Điều *Vọng cổ* buồn, phải chăng nó báo trước

cái buồn của dân tộc Việt Nam ngày nay ! Anh em đánh giết nhau, rồi bom rơi đạn nổ, bàn tay ngoại tộc đã dính vào, Bắc cũng như Nam, máu người Việt càng đỏ nhiều vì khí giới dị bang ! Những người có trách nhiệm vì quyền lợi riêng tư của mình không nhìn thấy tiền đồ của dân tộc. Người ngoại quốc, chúng có thương chi mình là người khác giống ! Thử hỏi trong chúng ta ngày nay mấy gia đình là không tang tóc ?

Bản ca vọng cổ vẫn được hoan nghênh, cái điệu ca vong quốc này còn được nhiều người thích thú, có lẽ đất nước chúng ta còn chịu nhiều đau đớn, và nỗi u buồn của dân tộc còn dài dằng dặc không biết đến bao giờ ?

* *

Trong các nhạc sĩ miền Nam có nhiều người tài ba đã soạn ra nhiều câu vọng cổ thật là náo nức. Dưới đây chúng tôi xin trích ra một bài của Ông Trịnh thiện Tứ, một nhạc sĩ quán ở Bạc Liêu rút trong cuốn CA NHẠC CỔ ĐIỀN, ĐIỀU BẠC LIÊU, đề bạn đọc cùng thưởng thức. Bài này gồm câu nói lối và sáu câu vọng cổ.

Vua thoái vị đi tu

Nói lối : *Cầu : Phú quý tợ môn tuyền tuyết ; chữ công danh như thảo thượng sương. Côi trần ai là cốt khổ tang thương, tránh sao khỏi con đường sanh, bệnh, tử. Thà kiến tánh đề trở về ngôi vị cũ ; lo tu tâm giải thoát nẻo sa đà. Mặc*

dầu ngày mai trăm kẻ nghiệp Tiên Vương ...

VONG CỔ

- 1) *Lên ngôi nhất thống sơn hà,
Đại quốc vi vương sống trên nhung lụa
ngọc ngà,
Trăm đôi vàng nhật nguyệt, đập máy âm
dương, cầm đầu văn võ bá quan ;
Giữ gìn xã tắc, thể thiên trị quốc an bang ;
Nhưng bao nhiêu chi cả hiên ngang,
cũng là tạm thời mộng ảo.*

* *

- 2) *Có câu ca dao: Vi chùng kiếp trước khéo tu,
ngày nay con cháu vông dù ngênh ngang.
Gieo căn là hưởng quả nên trời trả công
phủ bằng ẩn ngọc ngai vàng,
Nhưng có lẽ đâu trần duyên tạm niệm,
danh lợi tóm thâu khi kẻ nghiệp cho tiền
hoàng.
Biết đâu màn vô minh kia là tội trọng
vật khinh, nó che nguồn đạo đức.
Thôi kể từ đây thế sự giai hư, trăm
xin nhường ngôi thoái vị.
Thiên tòng nhân ý, mắng bào long cồn
cởi ra, trăm mặc vào chiếc áo cà sa.*

* *

- 3) *Công danh như bào ảnh, phú quý tựa
phù vân. Xét ra từ đại giả tan ;*

*Trên thế gian xác phàm là tượng trưng
cho tứ khổ : sanh, lão, bệnh, tử của con
người.*

*Dẫu ai có trục lợi tham danh, cũng chỉ
suốt đời tạm hưởng bởi sách có câu :
« Sơn trung tự hữu thiên niên thọ, thế
thượng nan phùng bá tuế nhưn »
Nghĩa là : ngàn năm cây vẫn sống, nhưng
thế gian trăm tuổi ít ai còn
Thiên vông khối khối, sơ nhi bất lậu ;
cao phi viễn tần giả nan toàn.*

* * *

- 4) *Đừng giữa thanh thiên, trăm phát tâm lập
nguyện siêu thoát ngươn hồn,
Xả thân cầu đạo, tế chúng độ nhưn đặng
mốt bòn công phu công quả
Vì ngươn hồn là khối chơn linh bất diệt,
là bửu pháp vô vi.
Vậy trăm còn mến tiếc nữa chi ? Cõi đời
sanh kỳ tử qui, cái xác thân phàm hý.
Cứ lo mặc sướng ăn sung, nằm cao và
ngủ kỹ, sanh ra lục đục thất tình ;
Tham vọng hư thân, đã không tích đức
lại thêm nhưn bợn phong trần.*

* * *

- 5) *Nhứt điềm vô minh chi hỏa năng thiêu
âm đức chi lâm*

Có thể đốt rừng đạo hạnh vì chưng dóm lửa
mê huyền.

Nhớ câu : « Phật pháp thậm thâm vô biệt
niệm ; đặc kiến Như Lai khi giác ngộ đạo
Thiền,

Khuyên ai đừng mê vật chất bản thân, lo tu
tâm định gieo trồng hậu quả.

Tu tâm vì Phật tại tâm, vậy phải dọn sạch
lòng mới mong gần nơi Phật tọa.

Bởi đời đây là đời giả, cố nhiên đạo cả mới
vững bền.

* *

- 6) Muốn qua bể ngạn, tìm cảnh kỳ viên, ta nên
phản tục qui nguyên, sang thuyền bát nhã.
Đồ chuông cảnh tỉnh, giống trống giác mê,
trầm gõ mờ tẩy trần và tụng kinh sám hối,
Đặng đem hạnh phúc giả phàm đổi lấy
nguồn đạo đức chơn như.

Xóa nợ trần ai, tìm chốn Phật Đài, ngày
đêm đốt nén trầm hương, dặng xông sách cõi
lòng,

Không màng khổ hạnh, bao nài khổ đảo
xác thân, giới cho tuyết sương chang thử
thách bá tông.

Vì tâm kiến Như Lai, khỏi đạo luân hồi
lục thú.

Nam mô Phật A di Đà ... Tự giác, giác
tha.

CÁC LỐI CA HÁT TRÍ THỨC

Nếu các lối ca bình dân được phổ biến trong đám quảng đại quần chúng thì những lối ca hát trí thức chỉ được giới trí thức ưa chuộng. Những lối ca hát trí thức cầu kỳ hơn cần phải có một trình độ văn hóa để hiểu biết lời ca, cũng như cần phải có khả năng tài chính để thù lao cho ca nhi.

Trong các lối ca hát trí thức có hai lối rất thịnh hành trước đây là *Ngâm Thơ* và *Ca Trù*.

NGÂM THƠ

Các tay văn tự thường làm thơ rồi ngâm cho nhau nghe, giọng thơ ngân nga như muốn diễn tả hết tình ý chứa đựng trong lời thơ.

Các cụ nhà nho có thú xướng, họa : một cụ làm một bài thơ, cụ khác họa nguyên vận rồi cùng ngâm đề cùng thưởng thức.

Nhiều người không làm được thơ, nhưng rất ưa ngâm thơ. Họ thường ngâm những đoạn trong các truyện *Kiều*, *Tống Trân Cúc Hoa*, *Lục Vân Tiên*, *Nhị Độ Mai* v.v...

Ngoài ra các nhà văn tự lại ưa làm thơ *tập Kiều*, nghĩa là lấy những câu trong *Kiều* để ngâm vịnh cho những đề khác.

Ngâm thơ thường không có nhạc. Ngày nay các tác giả mới cũng ngâm nga thơ của mình, và có đệm nhạc.

Làm thơ xong, hoặc các tác giả cùng bè bạn tự ngâm đề thưởng thức với nhau, hoặc giao cho ca nhi ngâm.

Trong những buổi tối đi mua vui ở xóm cô đầu, nhiều nhà văn, nhà thơ thường soạn sẵn những bài thơ hoặc những bài tập Kiều đề cô đầu ngâm.

Đây là cái thú thanh cao của người biết chữ.

CA TRÙ

Các cụ xưa rất ưa ca trù. *Ca trù* chính là hát ả đào, nghĩa là lối hát của cô đầu khi tiếp đãi quan viên.

Sở dĩ gọi là ca trù vì ngày xưa khi có tế lễ thường mời ca nhi tới hát và khi hát có lệ hát thẻ. *Thẻ* gọi là trù làm bằng mảnh tre ghi chữ đánh dấu, dùng đề thưởng ả đào thay cho tiền mặt (1).

Trong buổi hát thờ, mỗi khi ca nhi hát hay, lại được thưởng một chiếc thẻ, khi buổi hát tan, đoàn ca hát cứ theo số thẻ lĩnh tiền thưởng. Do đó, hát ả đào gọi là *Ca Trù*, nghĩa là hát thẻ.

Hát ả đào còn gọi là hát cô đầu, hát nhả tơ hay hát nhà trò.

Khi ả đào hát có kệp dùng đàn để đệm cho câu hát và có quan viên đánh trống cầm châu.

(1) Đỗ Bằng Đoàn, Đỗ Trọng Huề.— Việt Nam Ca Trù biên khảo.

Chính ả đào trong lúc hát lại gõ phách để giữ nhịp câu hát.

Hát ả đào có ba lối chính :

- *Hát chơi* là hát khi tổ chức tại nhà quan viên hay tại nhà ả đào để quan viên mua vui. Trong những buổi hát chơi này, có đầu thường ca những bài phóng khoáng và tình tứ.
- *Hát cửa đình* là hát để thờ thần. Trong những buổi hát này, ca nhi thường hát những bài về sử, về kinh truyện, về sự tích danh nhân, ngoài những khúc do đào hát còn những khúc do kép hát và những vũ bộ. (1)
- *Hát thi* là lối hát để khảo sát tài năng của đào kép.

Với ba lối hát, ca trù có tất cả trên 40 thể, nhưng những thể thường được hát nhiều là :

- Bắc phản
- Mưỡu
- Hát nói
- Gửi thư.

Về âm luật ca trù có 5 cung chính (cung ở đây là giọng hát và hơi đàn) :

1) *Cung Nam*, giọng bằng phẳng mà xuống thấp.

(1) **Đỗ bằng Đoàn, Đỗ trọng Huế.** — Việt Nam ca trù biên khảo.

- 2) *Cung Bắc, giọng rắn rỏi mà lên cao*
 3) *Cung Huỳnh, giọng đọc dính vào nhau mà mau.*
 4) *Cung Pha, hơi ai oán, giọng đọc chệch lơ lơ đi.*

5) *Cung Nao, hơi chênh chênh, đương ở cung nọ chuyển sang cung kia. Cung nao chen lẫn ở giữa, âm nhạc Tây Phương gọi là nửa cung.*

Về sau có thêm một cung nữa gọi là cung Phú. Cung Phú hơi như về đọc Phú, cuối câu có hơi ngân bậc cao (1).

BẮC PHẢN

Hát Bắc Phản mở đầu cho cuộc hát. Sau khi đào kép dạo phách là hát Bắc Phản. Giọng hát thanh tao từ hơi Nam chuyển sang hơi Bắc, do đó có danh từ Bắc Phản.

Câu hát là những câu lục bát, giọng hát bằng phẳng đều đều.

Dưới đây là một câu hát Bắc Phản cổ :

*Nỗi xa cách nhớ thương
 Trệu người chi mấy trắng già
 Xe dây cho hắt một nhà vơi nao.
 Bấy lâu duyên những ước ao,
 Giấc hòa mộng tưởng, chiêm bao mơ màng.
 Sơn lâm mấy cõi tượng vàng*

1) Đỗ bằng Đoàn, Đỗ trọng Huệ.— Sách đã dẫn.

Cây bao nhiêu lá thương chàng bấy nhiêu.

HÁT MƯỜU

Sau Bắc Phấn thường là Hát Mưỡu. Điệu phách khoan thai. Câu hát là một hoặc hai câu lục bát tùy theo từng trường hợp. Hát Mưỡu tuy câu hát cũng là lục bát như Bắc Phấn, nhưng giọng Nam, giọng Bắc phân minh, lời hát réo rất khác với sự bằng phẳng của Bắc phấn. Mưỡu mở đầu cho bài hát nói. Mưỡu một câu lục bát là *mưỡu đơn*, hai câu lục bát là *mưỡu kép*. Mưỡu tóm tắt ý tưởng trong bài hát nói :

Đêm thu Thăng Long

Gió đưa cành trúc la đà,

Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.

Mịt mù khói tỏa ngàn sương,

Nhịp cầu An Thái, mặt gương Tây Hồ.

Trên đây là một câu Mưỡu kép cổ, không rõ ai là tác giả. Dưới đây là một câu mưỡu kép của Tản Đà :

Hỏi gió

Cát đâu ai bốc tung trời ?

Sóng sông ai vỗ ? Cây đồi ai rung ?

Phải rằng dì gió hay không ?

Phong tình đem thổi lạ lòng trên ai ?

HÁT NÓI

Sau hát Mưỡu là *Hát Nói*, nhưng trước bài hát

Nói có năm khổ đàn. Với *Hát Nói* tác giả gói ghém ý mình muốn nói vào câu hát.

Hát nói đủ khổ có 11 câu.

Hát nói đôi khổ có trên 11 câu.

Hát nói gỏi hạc là bài có nhiều câu, vừa đôi phách lại vừa cách đặt khúc khuỷu

Hát nói mưỡu Hầu là bài hát nói có câu lục bát trước khổ kết.

Bài Hối Gió của Tản Đà là một bài đủ khổ :

Khoái tai phong dã !

Giống vô tình cây đá cũng mê toi.

Gặp gió đây hỏi một đôi lời,

Ta hỏi gió quen ai mà phảng phất ?

Thử thị Đà Giang phi Xích Bích

Dã vô Gia Cát dữ Chu Lang.

Ai cầu phong ? Mà gió tự đâu sang ?

Hay mãi khách vãn chương tìm kết bạn ?

Gió hỏi gió, phong trần ta đã chán,

Cánh chim bằng chín vạn những chờ mong.

Nên chẳng gió cũng chiều lòng.

Một bài hát Gỏi hạc và Đôi khổ.

Nhàn nhật tầm phương

Xuân bất lão nhân hà lão,

Lúc thanh nhàn đứng đỉnh đạo tìm hoa.

Nào Lan, Đào, Mai, Lý, Cúc, Trà,

So hương sắc, mỗi hoa tươi một vẻ ;

Chẳng trách bướm ong ham đào dễ,
 Nhẽ nào quân tử lại vô tâm?
 Đã chơi hoa ngắm nghĩa ôm cầm
 Vậy thưởng thức có tinh thần thời mới thích.
 Xuân khứ xuân hồi thi mãn bích,
 Hoa hàm hoa tiếu tửu khinh tôn.
 Rượu pha hương say lịt càn khôn,
 Hoa đượm tuyết lại càng tôn vẻ quý
 Vườn ngự uyển chị Hằng lưu ý
 Khách tầm phương thường để trí vắng lại
 Còn xuân hoa nguyệt còn dài.

CHIỀU DƯƠNG

(Sơn Nhân nhân bút)

Một bài hát Mưỡu hậu :

Nợ phong lưu

Cỏi trần thế nhân sinh là khách cả,
 Nợ phong lưu kẻ trả có người vay.
 Trong trần ai, ai biết ai hay,
 Làm ra đừng phi thường cho rõ mặt.
 Quân tử dụng tâm vô đồ tặc,
 Trượng phu xử thế hữu kinh quyền.
 Bất vụ nhân bất oán thiên,
 Ba vạn sáu nghìn ngày thích chí.
 Năm ba chén trà nhân rượu trí.
 Một vài câu thơ thánh phú thần
 Nhớn như trong cõi hồng trần

*Gặp ngày chung đỉnh đai cân cũng vừa
Thảnh thơi bầu rượu túi thơ.*

(NGUYỄN CÔNG TRỨ)

HÁT GỬI THƯ

Đây là giọng hát để người hát diễn đạt tình ý dưới hình thức một bức thư. Bài hát thường là những bài văn song thất lục bát, đôi khi có biến thể thêm một vài chữ cho rõ nghĩa.

Những bài thư *Gửi Người Tình Nhân không quen biết* của Tản Đà thường được dùng để hát *Gửi Thư*.

Thư đưa người tình nhân không quen biết

*Ngồi buồn lấy giấy viết thư chơi,
Viết bức thư này gửi đến ai.
Non nước xa khơi tình bỏ ngỡ,
Ai tri âm đó nhận mà coi.*

*
* *

*Ngàn mây biếc long lanh đáy nước,
Bóng tà dương ngả gác non Đoài.
Tranh kia ai vẽ cho trời?
Ngoài sơn thủy lại một người đứng trông.
Hồn kiếp trước ngần ngơ chưa tỉnh,
Mối duyên tình vợ vẫn càng thêm,
Tuyết mù tăm cá hơi chìm,
Nào người nhớ hỏi thăm tìm là đâu?
Kề từ độ lọt đầu se tóc,*

Cũng cùng mang tiếng khóc mà ra.
 Cõi sâu ta lại với ta,
 Lọ quen biết mới gọi là tương tri.
 Con gió thấm có khi cùng khóc,
 Bóng trăng thanh lắm lúc cùng chơi ;
 Gương vui cùng một nét cười,
 Nguyệt hoa cùng trải cuộc đời như nhau.
 Bề trần hải chẳng sâu mà sóng,
 Cầu hành tinh đã rộng thêm tròn ;
 Tài tình một gánh con con,
 Đông, Tây, Nam, Bắc ai còn gặp ai.
 Nỗi bèo nước đã trôi thời thế,
 Tình cỏ sương khôn dễ mà khuây.
 Phòng vẫn trở lại gót giầy,
 Chén tương tư rót cho đầy lệ vui.
 Tắc son giải mấy lời huê bút,
 Tờ giấy bay theo ngọn gió đông.
 Lòng kia hỡi có tin lòng,
 Nước non khơi cách ngàn trùng chưa xa.

Tản Đà

Nên trên là mấy lời hát ca trù thường được các ca nhi hát tới và được quan viên ưa thưởng thức. Ngoài ra còn trên bốn chục lối hát khác nữa, đáng kể là Kể truyện, Hãm, Tì bà, Xâm Cổ Đầu ...

HÁT TRẺ EM

Từ trên, chúng tôi đã trình bày phần lớn các lối ca hát Việt Nam, từ những lối ca bình dân

đến những lối được hạng trí thức ca hát hoặc ưa thưởng thức. Đây mới là những lối ca hát của người lớn, nhưng các trẻ em trong những trò chơi chúng nó cũng những lối hát riêng. Dưới đây là một số những câu hát đi theo với trò chơi.

CHI CHI CHÀNH CHÀNH

Đây là lối chơi đi tìm. Một em chìa bàn tay ra các em khác để ngón tay trở trên bàn tay của em này, rồi em này cũng lấy ngón tay trở của mình đặt lên bàn tay vừa đi vừa hát :

Chi chi chành chành

Cái đanh thổi lửa

Con ngựa chết chương

Ba vương Thượng Đế

Ừ...ừ...ập!

Sau tiếng ập, em nắm tay lại, em nào có ngón tay bị nắm trong bàn tay của em kia, sẽ nhắm mắt lại để các em khác đi ần, rồi em đi tìm.

THẢ ĐĨA BA BA

Trò chơi này cần một em làm đĩa, còn các em khác là những người lội qua sông. Các em thường cùng nhau chơi ở sân đình, sân chùa, hoặc lúc đi chăn trâu thì chơi ở trên một thửa ruộng đã dõ mầu rồi. Hai bên bờ ruộng, hai bên mé sông được coi là bờ sông. Em làm đĩa đứng ở giữa sân hoặc giữa ruộng, còn các em kia chạy qua

chạy lại. Đĩa phải đuổi bắt người lội sông. Em nào bị đĩa bắt phải làm đĩa thay cho em cũ được trở thành người lội sông trong trò chơi.

Lúc đầu tiên cần phải có một em làm đĩa. Tất cả các em đứng vây quanh thành vòng tròn, một em hát bài *thả đĩa ba ba* mỗi tiếng chỉ vào một em, em nào trúng tiếng sau cùng em đó làm đĩa. Bài hát như sau :

*Thả đĩa ba ba
Chớ bắt đàn bà,
Phải tội đàn ông.
Cơm trắng như bông,
Gạo thuyền như nước,
Đồ mắm đồ muối,
Đồ tươi hạt tiêu.
Đồ niêu phân gà,
Đồ phải nhà nào,
Nhà ấy phải chịu.*

Em nào trúng tiếng *chịu* em ấy phải làm đĩa.

Đại khái, chúng tôi kể ra vài trò chơi với các câu hát liên hệ của trẻ em để bạn đọc có một ý niệm về lối hát này. Thực ra các trẻ em nhiều trò chơi lắm, và với các trò chơi thường đều có các câu hát, chúng tôi rất tiếc không kể được hết ra đây. (1)

(1) Xin xem cuốn *Trẻ con hát*, trẻ con chơi của Nguyễn Văn Vĩnh.

HÁT TÂN NHẠC

Đây là thời kỳ tiền chiến của ca hát Việt Nam.

Tại các thành thị, người ta hầu như sao lãng hết những điệu hát cổ truyền. Chiều bóng, âm nhạc Tây phương, phong trào thể thao và hương đạo đã ảnh hưởng rất lớn tới nền ca hát Việt Nam với những câu hát vui tươi, với những bài hát sáng tác bởi các nhạc sĩ phái mới.

Kể từ những cuộc vui chơi của trẻ em nhắc lại những tích cổ cũng có những câu hát theo điệu mới, như câu hát sau đây nhắc lại sự tích Vua Đinh tiên Hoàng.

*Anh hùng xưa nhớ thời là thời niên thiếu.
Dấy binh lấy lau làm cờ,
Quên mình là mình giúp nước,
Hết sức giữ gìn cho nước,
Dấn thân trước nơi nguy nan...*

Những cuộc lửa trại hương đạo được tổ chức thay thế những trò chơi tập thể của trẻ em vùng quê, và trong những cuộc lửa trại này những câu hát Pháp được chuyển sang tiếng Việt Nam. Như bài hát con Voi dưới đây :

*Trông kìa con voi
Nó đứng rung rinh
Nghiêng mình trong đám.
Nhện chẳng vô tư.
Anh chàng voi ta,
Thích chỉ mê tơi,*

*Bên mời anh khác,
Đang xa vào chơi.*

Trên lãnh vực ca hát của người lớn, người thành thị miền Bắc hồi đó, — chúng tôi muốn nói vào khoảng từ năm 1932 trở lại — như muốn say mê những điệu hát lai Tây. Có thể vì âm nhạc mới lạ, nhưng cũng lại vì những lời ca nồng cháy của những mối tình đầy xác thịt. Những bài hát Âu Tây này khác hẳn những bài hát Việt Nam cũng ca ngợi tình ái, nhưng ở đây là mối tình êm đềm kín đáo mà thắm thiết.

Chính vì quá say mê cái mới Tây phương mà lớp người mới ở Thành thị thường ca hát những bài tiếng Pháp.

Và nhiều bài hát Pháp được chuyển sang Việt ngữ, trai gái thị thành thích thú những bài hát này, chúng đề cao cá nhân. Dưới đây là một trong những bài hát của lũ người mất gốc hồi đó, bản tiếng Việt của bài *CRÉOLA* :

*Phút mơ màng,
Ngồi bên em tựa bên thiên đường,
Và ngàn hương sắc huy hoàng chim hót ca
lừng vang
Chào xuân đi, nàng tiên, trời tươi thắm, một
màu tươi sáng.
Ta cố quên ngày tháng, sung sướng đi nàng
tiên !*

*Kia hồ xưa xa xăm man mác êm đềm,
 Ở người tiên, mắt em mơ màng,
 Cười cùng anh chớ nên ưu phiền.*

*Ca hát đi nàng tiên,
 Vang ca khúc tình duyên.*

Bài hát trên có thể tượng trưng cho tất cả những bài hát ngoại quốc được chuyển sang lời Việt hồi đó. Những bài hát này chỉ ca tụng một cách vụng về tình ái lộ liễu của trai gái.

Nhưng dù con người thành thị có ưa những bài hát này đi mấy, chúng cũng chỉ có một thời.

Chỉ ít lâu sau, một phong trào mới về ca hát xuất hiện nhờ ảnh hưởng của phong trào hướng đạo. Nam nữ thanh niên đua nhau hát những bài hát Mên, Lào, cả giọng hát Thượng mặc dầu họ không hiểu gì về ý nghĩa của bài hát. Chúng tôi có thể kể lại đây những bài *Hời màn Prô, Nàng Păng Cà lô ti* v. v...

Sau đó, vào khoảng 1941-1942, những bài hát Trung Hoa cũng được đồng bào thành thị miền Bắc hát tới và được chuyển sang Việt ngữ. Một bài danh tiếng của thời đó là bài *Hà nhật quân tái lai*, nghĩa là *Khi nào chàng trở lại* được hầu hết các thanh niên nam nữ thuộc lòng, và một số người ở đồng quê cũng hát. Có lẽ nó có tính chất phương Đông nên dễ phổ biến chăng?

Hà nhật quân tái lai ?

*Đi có đề hình bóng,
Cùng mối thương anh đề bên lòng.
Em nhả nhủ thời gian,
Mang đến trả tình quân.
Như đóa hoa thơm như sương,
Mau cứu hoa khỏi héo tàn...
Vương vấn âu sầu làm chi,
Nếu sau ngày biệt ly
Còn mong sẽ có một trùng lai tự nhi
Giữ duyên khỏi phai,
Dù bước phong trần lối kéo dơi.
Em cũng như tình quân
Yêu lo một kỷ tái xuân.*

Bài hát trên là lời than của một xuân nữ, cầu khẩn cho người yêu trở lại và mong mọi ngày tái ngộ.

Ngoài bài trên, còn bài *Nhớ Rừng* cũng chuyển từ Hoa ngữ sang rất được thanh niên nam nữ học sinh ưa thích.

THỜI KỲ SÁNG TÁC

Chịu ảnh hưởng của nền âm nhạc Tây phương, không lẽ người Việt Nam cứ chuyển mãi những bài ngoại quốc sang Việt ngữ, do đó, cùng với sự chuyển dịch trên, các nhạc sĩ Việt Nam cũng sáng tác được nhiều bản nhạc đã lột được tinh thần của

nhạc sĩ và đã trở nên rất có giá trị, nó hợp với tâm hồn người Việt Nam hơn. Có những bài như bài *Bên sườn núi* của Phạm đẳng Hình, bài *Việt Nam Bất Diệt* của Hoàng gia Linh, bài *Khỏe Vì Nước* của Hùng Lân v. v . . . rất được phổ biến. Vào năm 1942, những bản nhạc do nhạc sĩ Thẩm Oánh sáng tác cũng rất được hoan nghênh, và được đám quần chúng say mê, trong đó đáng kể là các bài *Hồ xưa* và *Tâm hồn anh tìm em*.

Ngoài ra, một hướng đạo sinh, Ông Phạm văn Xung có soạn được bài *Đi đi ta cùng đi* cũng được giới bạn trẻ luôn luôn hát tới.

Để tượng trưng cho các bài hát được sáng tác trong thời kỳ tiền chiến này, chúng tôi xin ghi lại đây bài *Tâm hồn anh tìm em* đã từng làm cho giới thanh niên thích thú.

*Tâm hồn anh tìm em,
Theo lần sang vườn Thúy,
Dưới trăng mờ sao huyền,
Lòng anh giá băng.
Dưới bóng trăng mờ,
Tìm hình người mơ,
Gió lay trong trời thanh,
Anh muốn xin hương trầm tóc xanh.
Ánh trăng hằng sáng,
Như mắt nhung mơ màng,
Và tóc em là làn liễu xanh ròn.*

* * *

*Tâm hồn anh tìm em,
Theo làn sang vườn vắng,
Nhớ nhung căng tràn tim,
Trong bóng điệu trắng mờ sao huyền,
Một mình bên sông mờ vời em.*

Bản hát trên thật là êm ái, lời lẽ thật là thanh nhã, hợp với tâm hồn bạn trẻ và cũng không đi ngược lại hướng đạo đức của phương Đông như những bài quá nồng cháy dịch ở các bài Iây Phương sang tiếng Việt.

Tưởng cũng nên nói thêm là nếu tất cả lối ca hát cổ truyền Việt Nam có thể ca không nhạc ngoại trừ *Hát chèo, Hát xẩm, Ca trù* và *Hát tón giáo*, thì những lối hát *Cải lương* và hát *Tân nhạc* đều có nhạc đệm.

KẾT LUẬN

Chúng tôi đã sơ lược trình bày các lối ca hát tại Việt Nam qua các giai đoạn từ cổ truyền tới tân nhạc. Đã đành rằng sơ sài quá và còn nhiều thiếu sót, nhưng khuôn khổ tập sách này và sự hiểu biết nông cạn bắt buộc chúng tôi phải thu hẹp nhiều điều chúng tôi muốn nói rộng hơn.

Ở đây chúng tôi cũng không đá động tới những lối ca hát mới ngày nay ở miền Bắc kể từ

năm 1945, nhất là từ năm 1954, sau hiệp định Genève. Những lối ca hát mới này chịu ảnh hưởng rất nhiều của nền ca nhạc Trung Hoa đỏ và được chính quyền miền Bắc khuyến khích.

Tài liệu đọc thêm

TỤC HÁT TRỐNG QUÂN GIỮA GIAI XUÂN CẦU, GÁI KHÚC LỘNG

Nếu bạn đi ô tô theo con đường thuộc địa số 5, tức đường Hà Nội — Hải Phòng, bạn sẽ qua một phố con con cách Hà Nội chừng ngoài hai mươi cây số, đó là chợ Đường cái.

Xuống xe, đi lần vào làng Nhạc Lộc độ nửa cây, bạn sẽ thấy một con sông con có cầu bắc qua mà bên kia ẩn hiện một làng khá đẹp, tên là Xuân Cầu thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Xuân Cầu vẫn có tiếng là một làng văn vật.

Với bộ óc mọc mạc, dân Xuân Cầu vẫn giữ được nề nếp cũ trong xóm, ngoài làng.

Quanh năm chăm chỉ làm ăn, giai làng chỉ có dịp chơi bởi ngao du trong cảnh thu đẹp đẽ. Những đêm gió thu êm, trăng thu sáng, với một tấm lòng hả hê sau trận phấn đấu với công việc nặng nhọc, giai làng thường thường tìm vui trong thú hát trống quân.

*
* *

Hát trống quân một lối chơi rất thanh nhã mà họ vẫn giữ từ trước đến nay. Hằng năm, cứ đến tháng tám, họ rủ nhau tụ năm tụ bảy để ca hát. Có một điều lạ là không bao giờ họ hát với gái làng, vì gái làng hát không hay và rất kém về môn chơi đó, nên họ phải tìm những bạn « đồng thanh, đồng điệu ».

Khúc Lộng, một làng hẻo lánh cách Xuân Cầu độ ba cây số, sản xuất rất nhiều « chim họa mi » vừa hát hay, lại ví khéo.

Cứ mùa hát tới, giai Xuân Cầu, gái Khúc Lộng lại cùng nhau ca xướng dưới những tơ trắng mướt mướt mịn màng, mặc dầu đã nhiều lần làm cho giai các nơi khác đem tâm ghen tị.

Cứ tối đến, lúc trăng thu đã lên, gió mát đã thổi, họ đã xong công việc nhà, thì đôi bên gặp nhau trong « thơ mộng » : chia làm hai đám, lên giọng ca hát véo von... Họ chào nhau một cách rất thân mật, rồi tha hồ tình tự trong phạm vi câu hát :

Lạ lòng anh mới tới đây

Thấy hoa thì hái, biết cây ai trồng !

Và cứ như thế, bên nọ giả lời bên kia rất thú vị...

Đó là mấy câu hát chơi trước khi vào cuộc cũng như thanh niên ta chơi mấy quả « ken cờ » trước khi vào bàn ping-pong.

Đùa cợt một lúc, bấy giờ họ mới bắt đầu hát đứng đắn.

Cần thận lắm, họ xưng danh với nhau trong câu :

*Anh là con giai thôn Tam,
Làng anh nhất xã chia làm ba thôn
Văn minh đã nức tiếng đồn v. v...*

Bên gái :

*Em là con gái thôn quê,
Làng em, Khúc Lộng, huyện thi Văn Giang...
Và còn dài nữa... Họ kể tất cả các việc trong
làng họ. Họ tả cảnh rất đúng bằng những câu văn
mộc mạc nhưng lưu loát.*

Thế rồi đến tình tự. Họ tự tình giữa công chúng, không một e thẹn, bằng câu hát mà người ngồi nghe tưởng tượng như họ lấy nhau đến nơi rồi. Mà thật thế, họ tự nhiên lắm, họ khuyên bảo nhau như là một cặp vợ chồng thật.

Ví dụ lúc mới tự tình :

*Đường xa thì thật là xa,
Mượn mình làm mối cho ta một người.
Một người mười tám, đôi mươi
Một người vừa đẹp, vừa tươi như mình...*

Lúc mới tình đã kết chặt :

*Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo
Thất bát sông cũng lội, cửu thập đèo cũng qua.
Yêu nhau chẳng quản gần xa,
Một ngày chẳng đến thì ba bốn ngày.*

Ái tình đã đậm thắm như vậy, thì lòng nhớ thương lai láng bội phần :

Nhớ ai em cũng khóc thầm
 Năm thân áo vải ướt đầm như mưa !
 Nhớ ai ra ngăn, vào ngõ,
 Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai ?

Và họ đã quyết khi ái tình lên cực điểm :

Lòng em đã quyết thì hành,
 Đã cạy thì gặt với anh một mùa.

.....
 Chắc như nhời ấy chớ sai
 Tháng giêng dẫn gố, tháng hai làm nhà,
 Tháng ba ăn cưới đôi ta...

Rồi khi đến chỗ họ lấy nhau thì :

Có con, lo liệu cho con ;
 Có chồng phải gánh giang sơn nhà chồng...

Họ rất chung tình :

Tay mang khăn gói qua sông,
 Mẹ kêu, lạy mẹ, thương chồng phải theo...

Cứ thế, họ trao đổi với nhau bằng một giọng
 rất thân mật. Có lúc tưởng tượng như chàng đi
 học xa xôi, bên nữ hát rằng :

Hết gạo thì thiếp gánh đi,
 Hỏi thăm chàng học ở thì nơi nao ?
 Hỏi thăm đến ngõ thì vào

Tay cắt gánh gạo, miệng chào « bóng soa »...

Giờ này sang giờ khác bằng những câu hát ứng
 khẩu, bắt vần rất khéo, họ ngồi đối diện nhau có
 khi tới sáng, không một chút nhọc mệt.

Hát như thế phần nhiều là họ hát chơi. Nhưng cũng một đôi khi có người ưa nghe, gọi vào trong sân nhà mình, treo giải để khích lệ họ hát. Trong trường hợp ấy, đôi bên nam nữ tranh nhau trở tài, hát hết đêm này qua đêm khác cho đến chừng nào một bên không đối đáp được, thì phải thắng sẽ giết giải, bấy giờ mới là « chung kết ».

Giọng trầm bổng còn dư âm . . . Trăng đã lặn và bình minh đã ló. Họ đứng dậy cáo từ nhau với mển tiếc nhớ thương. Lúc ấy, nếu bạn hỏi xem họ có mệt không, thì họ sẽ vui vẻ trả lời : « Không, chúng tôi chẳng những không thấy mệt mà lại còn khoan khoái là khác nữa . . . »

Hát ánh Trăng : một dịp giúp cho văn chương bình dân được phát triển !

Ca đêm vàng : một cuộc bày tỏ tâm tư, trao đổi tình ý của nam nữ ở sau lũy tre xanh !

ANH NGẪU

Tri Tân số 19 — Thứ Sáu, 17 Octobre 1941

HÁT PHƯỜNG VẢI

*Quand vous serez bien vieille, au soir, à la chandelle
Assise auprès du feu, dévidant et filant*

Direz, chantant mes vers, en vous émerveillant :

« Ronsard me célébrait du temps que j'étais belle

Ronsard — à Hélène

Trước hết, chúng tôi xin nói qua về nghề kéo sợi dệt vải ở Nghệ Tĩnh.

Ngày xưa, chưa có vải tàu (1), các khung cửi phải dùng vải ta. Vải ta là vải kéo bằng tay. Kéo bằng tay thời nhất định phải thô kệch, không được trơn trắng mịn màng như vải Tàu, so với popeline suisse và nylfrance bây giờ thì thật là một trời một vực. Nhưng đối với dân « cá gổ » thích ăn chắc mặc bền, vải đó đã là thứ vải che thân hoàn hảo rồi.

Thường thì người ta không mặc đồ trắng, vì dễ bẩn và mau rách. Phải nhuộm nâu mới được. Có hai thứ vải nhuộm nâu : nu non và nu bầm. Nu non là chỉ dùng củ non không thối. Các cô các bà thường thêm vỏ già cho màu thêm tươi thắm. Còn nu bầm là thứ vải nhuộm nâu rồi, còn đem trần bùn. Phải là thứ bùn lấy dưới ao sâu, đen lạnh lạnh và hăng sảng sặc. Phải chăng trong bùn đen ấy có chất moóc đắng (mordant) moóc điếc gì mà

(1) Vải Tàu do nhà máy sợi Nam Định sản xuất với bông mua của Trung Quốc. Chính nhà máy sợi Nam Định đã giết chết nghề kéo vải. Nhưng đến năm 1937, lúc Trung Nhật chiến tranh bắt đầu thì nhà máy thiếu bông, nên vải sợi trở nên khan hiếm. Cái xa kéo vải lại xuất hiện ở vùng Hoan Châu suốt cả thời kỳ đại chiến cho đến mãi bây giờ. Nhưng sau này, thì tục hát phường vải không còn nữa. Có thể nói là nó đã chấm dứt từ năm 1930, năm Xô Viết Nghệ An.

khi nhuộm bùn xong thì vải cứng lên một cách lạ lùng và dầy gấp bội. Thứ đó dùng may áo dài bền lắm, khéo mặc có thể dùng suốt đời nên các cụ thường gọi là áo *chung thân*. Nó không ấm không đẹp bằng ba đồ xuy của Tây, nhưng tiện lợi hơn nhiều. Khi đã mặc cũ và nhục rồi, thì mặt vải gầy như hình tổ ong.

Trong *Hàn Nho phong vị phú*, Cụ Nguyễn công Trứ ca tụng thứ vải đó.

Áo vải thân nặng trịch, lạnh làm mềm, nức làm gối, bốn mùa thay đổi bấy nhiêu.

Khăn lau giặt đổ lôm, trải làm chiếu, vện làm quần, một bộ ăn chơi quá thú.

Đàn bà có thể dùng vải nâu bầm để may «*thọ nhất bức*». Thứ váy đó không đẹp bằng váy lụa nhưng tiện lợi, kín đáo hơn và nhất là đi ngoài đồng áng không bị cỏ may bám vào. Vì thế nên có câu đố sau đây để so sánh hai thứ váy :

Xấu xa như tui, đầm năm bảy cầy

Đẹp tốt như chị, đầm mấy thì đầm.

Muốn có vải ta việc trước hết là phải trồng bông. Tháng giêng trồng, tháng sáu lấy quả. Quả bông chín vàng, nở xòe như đóa hoa hồng bạch. Bông lấy về phải đem cán hết hạt rồi bứt tung ra từng sợi và se thành củi để kéo. Người ta bứt bông bằng cung và kéo sợi bằng xa. Không biết cái xa của Thánh Cam Địa thế nào, chứ cái xa

của dân Nghệ Tĩnh thì giản dị lắm. Một người thợ mộc lành nghề chỉ làm trong một ngày là xong một cái. Nhà nào cũng có xa. Xa mẹ, xa con, xa chị, xa em, xa bà, xa cháu, có nhà đến năm bảy cái. Người đàn bà nào cũng biết kéo vải cả. Con gái từ bảy tám tuổi đã biết rồi. Năm sáu tuổi đã biết giần. Giần nghĩa là cuốn chỉ thành từng lọn để sau này đánh thành sọt mà dệt. Trước khi đánh sọt người ta phải ngâm hồ để sợi chỉ được bền và trắng hơn. Vì quê ở Quỳnh Lưu, nữ sĩ Hồ xuân Hương không lạ gì công việc đó nên bà đã khuyên chị em bạn gái rằng: « *Có nào muốn tốt ngâm cho kỹ* » ngâm không kỹ là không tốt !

Xem thế thì từ lúc trồng bông cho đến lúc có vải nâu mặc, người dân quê Nghệ Tĩnh đã phải làm biết bao nhiêu việc : lật bông, cán bông, bứt bông, xe cúi, kéo sợi, giần hồ, sọt, đánh ống, mắc vải, dệt nhuộm rồi cuối cùng mới may áo quần. Có thể nói kéo sợi là công việc quanh năm của đàn bà con gái. Vì công việc kéo dài thế nên mới sinh ra tục *hát phường vải* mà chúng tôi xin đề cập đến sau đây :

Kéo vải là một công việc rất dễ dàng, nên thường làm về ban đêm. Những người kéo thạo rồi thì không cần đèn nữa. Những đêm trăng sáng người ta đem ra sân. Để cho vui vẻ họ rủ nhau đến nhà nào có sân rộng và sáng. Có khi vài ba chục

xa quay đều theo tiếng hát nhịp nhàng của các cô, các bà làm thành một âm điệu dịu dàng dễ chịu hơn tiếng các xưởng dệt ở Đồ thành nhiều lắm. Trong khi đó ở nhà bên cạnh hoặc sân bên kia các chàng thanh niên trong làng cũng nhóm họp để hút thuốc Lào, uống « nác chè sen » và nghe hát rồi hát đáp lại. Thành ra hai bên đối đáp nhau như lối hát quan họ ngoài Bắc vậy. Phần nhiều là những câu tình tứ gợi cảm nổi lòng, những lời thăm dò ý kiến trao đổi một cách kín đáo, đôi khi nhờ đó có thể nên vợ nên chồng. Có khi là lời trách móc thiết tha sau nhiều năm chờ, tháng đợi, hoặc tệ hơn nữa là những câu nặng nề nghịch ngợm để tẩy chay nhau một cách cay đắng.

Không phải người nào cũng có thể sáng tác được thứ văn chương hợp tình hợp cảnh ấy. Những câu thông thường là những câu vô giá trị. Phải là những tác phẩm *i-nê-đi* mới được. Thế cho nên chúng tôi có thể nói rằng phường vải là người văn chương bình dân dồi dào nhất của xứ Nghệ. Nói là bình dân, nhưng không phải chỉ các chị cu, o hét, anh xã, ả hoe đi hát, mà cả những cậu ấm cô chiêu nữa. Nếu cậu ấm Văn nhà ta mà sinh trưởng ở đất Hồng Lam thì cậu cũng đã nổi danh rồi. Các bậc khoa bảng cũng không từ chối lối chơi tao nhã ấy. Các cụ không hát thì đến đó để gà cho nam nữ thanh niên. Danh từ chuyên môn gọi là

thông sự, giống như đánh cờ tướng thì phải có đại thi vậy, có nơi gọi là ngoại tử. Có một thời Cụ Phan bội Châu đã nổi danh về khoa đố. Tiếc rằng các tác phẩm của Cụ cũng như của những nhà nho khác chưa được ai ghi chép, và bây giờ một nhóm người xa quê hương như chúng ta đây khó lòng mà nhớ hết. Chúng tôi còn nhớ dăm ba câu, xin chép lại sau đây để các bạn thưởng thức.

Đây là một đôi trai gái mới gặp nhau lần đầu. Họ tìm hiểu nhau, thử thách nhau bằng câu ca tiếng hát. Họ hỏi vặn nhau như Hạng Thác hỏi Khổng Tử. Người con gái có quyền chất vấn trước :

Đồn rằng chàng thông thạo sử kinh

*Em đố chàng biết được con, cá kinh mấy
xương ?*

Hỏi thế thì đến ai cũng bí. Bí nhưng không lẽ lại chịu thua, chịu tịch mà về, bèn con trai liền vặn lại để tìm lối thoát, một lối thoát không vẻ vang gì nhưng hơi trơ trẽn :

Em về đếm má mấy nương

Anh đây đếm được mấy xương con cá kinh.

Bây giờ người con trai lại muốn tỏ tình :

Thấy người thực nữ mỹ miều

Anh đây muốn hỏi người yêu tên gì ?

Cô kia trả lời một cách cầu kỳ :

Đem ra hai cổ ịch ịch,

Lựa ra bốn Chức ấy thì tên em.

Tuy vậy, anh chàng thông minh kia hiểu liền. Trong bộ ịch xì (tức bài cào) có bốn con J hay V, mà ở Nghệ An gọi là Chức hay Bồi. Mỗi bộ bốn con, hai bộ tám con, nên anh chàng biết ngay tên cô kia là ả Tám Bồi và đáp :

Phải chăng là ả Tám Bồi ?

Chừng mô về thăm mẹ, cho tôi theo cùng.

Nhưng cô ả không bằng lòng lối trao duyên sỗ sàng ấy :

*Nghe lời anh nói, em đoán chắc anh khùng,
Đôi bên chưa biết tên, biết mặt đã đùng đùng
xin theo.*

Bị mắng là khùng, anh chàng chọc tức cho bõ ghét :

*Muốn biết em thì có khó chi mô,
Anh kiểm coi trù, be rượu, sang phở với
mẹ thầy.*

Hỏi vợ mà chỉ mất một coi trù và một be rượu thì thật quá dễ dàng, người con gái bị rẻ rúng quá chừng. Bị trêu ghẹo và bị khinh bỉ, cô ta chửi lại ngay :

*Thầy mẹ em còn chọn đá để gửi vàng
Không dư con gái, để gả cho chàng ngu si.
Thế là anh chàng thất bại ra về.*

Một chàng khác cũng bị tẩy chay một cách quyết liệt nhưng ở đây lời lẽ bóng bẩy hơn. Ý chừng anh chàng này ve vãn cô kia đã lâu mà

không được sơ mũi gì nhân lúc đêm khuya anh cất tiếng hát một cách chán nản :

Trăng lên đến đó rồi tề !

Hát dăm ba chuyện mà về kéo khuya.

Và đây là câu tổng biệť của nàng :

Anh về đi ngủ kéo khuya

Xấu chuôm, cá nỏ vô ãia cho mớ !

Sau ãây là lối dùng câu hát ãề trêu chọc nhau.

Một thanh niên ở ãức Thọ sang Nam Kim chơi.

Anh cùng đi với một số bạn bè và gà cho họ hát.

Vì anh chột mắt nên bị các cô chế nhạo :

Anh đi Hà Nội nẵg chừ,

Con mắt anh bít bạc, cần xa cừ một bên !

Quá tức tối vì lối châm biếm ãộc ãĩa của ãối phương anh ta chửi lại và lẽ tất nhiên, chửi xong thì chạy ngay :

Anh ãây bên Hạ mới sang

Thằng cha cả họ, cả làng Nam Kim

Bây giờ ãến chuyện chàng thư sinh ãất ãông Thành Huyện ãông Thành, sau nẵ gọi là Yên Thành, có tiếng là hay chữ. Chàng thư sinh kia (có phải là bạn N.T.D. không nhỉ ?) sang một huyện khác chơi. ãi ãâu, anh cũng tự phụ là học giỏi nên có hồm bị một cô chấť vấ :

Đấť ãông Thành ãồn rằng chàng : « Hay trự »

Vậť thiếp hỏi chàng : « Thầy Mạnh Tử con ai » ?

Hỏi thế thì thật khó. Sách Nho thường nói rằng Thầy Mạnh Kha là con Bà Mạnh Mẫu, người đã có công dạy con thành một bậc Á Thánh, còn ông Cha thì mất sớm, không công trạng gì nên không mấy ai đề ý đến tên. Thế mà bây giờ có người hỏi mới nguy chứ ! Không biết xoay sở thế nào, anh chàng bèn dùng chính sách độc tài để đàn áp cho xong chuyện :

Em là phận gái thuyền duyên

*Sao không chăm lo bếp lúc, bàn chuyện thánh hiền
mần chi ?*

Tuy trả lời được, nhưng biết là mình đuối lý, mà bên kia thì chắc chắn có người bày, chàng bèn đâm khùng, tiếp thêm một câu rồi bỏ chạy :

Thầy Mạnh là do Cụ Mạnh sanh ra

Tổ mẹ đưa hát, tổ cha đưa bày !

Đưa bày tức là các vị thông sự. Thông sự thường là những người lớn tuổi hơn, tài hoa hơn, nhưng giọng hát kém, chỉ ngồi bày vẽ cho đàn em. Thông sự đàn ông cũng có, mà thông sự đàn bà cũng có. Họ là những người ngồi trong bóng tối để chiến tranh tâm lý với nhau qua giọng hát của các em út. Thông sự có khi là bậc khoa bảng, tú tài, cử nhân hoặc tiến sĩ nữa. Họ thường chơi chữ với nhau như câu đối vậy. Chính Cụ Phan bội Châu hay làm thông sự cho các thanh niên ở Nam Đàn, Có lần

đám học trò Cụ đi hát bị các cô tẩy chay một cách kịch liệt.

Biếu anh một mẻ ngô rang,

Đút mỏ cho mọc, đốt nhang ăn thờ.

Ngô rang mà bảo đút cho mọc, thì trời cũng chịu. Ngày xưa, Ngô phù Sai bị mưu lừa lược của Việt Vương Câu Tiễn thì bây giờ chàng trai xứ Nghệ lại bị mẻ ngô rang của cô con gái (thọ nhất bức). Nhưng cụ Phan gỡ rối cho chàng một cách vừa tài tình vừa độc ác :

Chỗ mỏ mà nắng không khô ?

Mà mưa không ướt, đút vô mọc liền !

Lẽ tất nhiên là lúc hát xong, thầy trò cuốn gói đông tuốt, không cần ăn nghỉ, không thềm nhang khói ăn thờ gì nữa.

Một lần khác, bên gái hát :

Vua Nghiêu có chín người con

Đan Chu là một, hỏi còn những ai ?

Sử Tào nói rằng Vua Nghiêu có năm bảy người con trai gi đố và chỉ có hai người con gái thôi. Vua Nghiêu không truyền ngôi cho con mà lại truyền cho Ông Thuấn, vì ông là người hiếu thảo nhất trong thiên hạ, Vua lại gả luôn hai Công chúa Nga Hoàng và Nữ Anh cho. Đại khái sử Tào nói như vậy. Người ta thường chỉ nhớ tên hai Công chúa thôi, vì sử cũng nói rằng lúc Vua Thuấn mất, hai Bà ngồi khóc chồng bên bờ sông Tương, nước

mắt biến thành Ngọc và rơi xuống đất mọc thành những cây Trúc đẹp như Ngà. Người nào tò mò thì có thể nhớ thêm tên Đan Chu là vị Hoàng Tử có đức hạnh và lớn tuổi nhất còn các vị khác thì không ai để ý làm gì. Vì thế dầu có đậu Đại Khoa cũng không thể biết được một chuyện quá chi tiết trong lịch sử rườm rà của Trung Quốc. Cụ Phan bèn gà rằng:

Em là phận gái nữ nhi

Đan Chu cũng đủ, hỏi chi chín người!

Thật là tài tình! Con gái thì chỉ nên biết một người con trai thôi, biết làm chi đến chín người cho hồng chuyện. Định lấy một lần chín chồng hay sao mà hỏi vợ vắn thế?

Đó là những chuyện Cụ Phan làm thông sự cho bọn con trai. Nhiều hôm Cụ lại làm cho bọn con gái. Sau đây là những câu đã làm cho đối phương phải bí và xưa nay cũng chưa ai đáp được.

Xe cò ai đó rúa hề?

Phải người Sáo, Vạc thì về với Loan

Xe cò là cái xe đạp, và cũng là tên một con chim sáo, vạc cũng là tên con chim và cũng là tên hai cái chợ lớn ở Nam Đan, còn Loan là con chim loan và cũng là tên người con gái đang hát. Tên người tên đất, tên chim lẫn lộn nhau, bạn nào tài giỏi thử đối coi!

Quế, Hoè, Tùng, Bá, Liễu, Mai

Sum sum lục mộc anh tài đối chi ?

Mấy chữ Hán Quế, Hoè, Tùng, Bá, Liễu, Mai đều thuộc bộ mộc. Còn chữ sum viết bằng ba chữ mộc chồng nhau. Sum sum cũng là sáu mộc. Như vậy câu trên có sáu chữ mộc, câu dưới cũng sáu chữ mộc, ai làm sao đối nổi ?

Cha con thầy thuốc về làng

Hồi hương phụ tử, xin chàng đối đi !

Đây là câu đối sửa đổi lại theo thể lục bát đề có thể hát được. Chính câu đó là : *Cha con thầy thuốc về quê gánh một gánh hồi hương phụ tử.*

Hồi hương là về làng tức là quê hương, phụ tử là cha con, Hồi hương và Phụ tử lại là hai tên vị thuốc Bắc. Bốn chữ ấy chẳng chệch nhau. Xưa nay đã được bày nhiều, và tác giả chính không phải là Cụ Phan. Cụ chỉ có công sửa lại theo điệu hát thôi.

Trên đây là những câu hát trêu chọc đùa giỡn xỏ chua, xỏ ngọt để thử tài nhau. Nhưng phần nhiều hát phường vải là những câu trữ tình, thường đem đến kết quả tốt đẹp, không nên vợ nên chồng thì cũng thành đôi bạn tâm giao, xa nhau khôngặng.

Nửa về nửa muốn ở đây

Về thì nhớ bạn ở đây nhớ nhà !

Mình về để vông ai nắm ?

Để chặn ai đắp, để trâm ai đeo ?

Ai về Đức Thọ chợ Cầu,

Để thương, để nhớ, để sầu cho ai !

Cái buồn của đêm tàn phường vải cũng (lưu

luyện bao tình) không khác chi. « Đêm tàn bến Ngự » cũng ngao ngán chán chường như ngày tàn của mùa gặt.

Rồi mùa thóc rũ rơm khô

Bạn về quê bạn, biết lộ mớ mà tìm !

Cảnh sầu ly biệt đó, thiết tưởng cũng không kém gì cảnh « *dương hoa sáu sát độ giang nhân* » của Trịnh Cốc đời Đường, hay cảnh giọt ngấn giọt dài của chàng Kim phải xa cô Kiều sau một đêm trăng thề quạt ước, để về đất « *Liêu dương cách trở sơn khê* ».

Ngại ngừng một bước một xa,

Một lời trân trọng châu sa mấy hàng.

Buộc yên quải gánh vội vàng,

Mỗi sầu sẻ nửa bước đường chia đôi.

Buồn trông phong cảnh quê người

Đầu cảnh yên nhứt, cuối trời nhận thưa.

Não người cũ gió từng mưa,

Một ngày nặng gánh tương tư một ngày.

Vì thế mà đôi trai gái thường phải qua nhiều trở ngại để được gần nhau, trở ngại lớn nhất hồi đó thường là cha mẹ :

Muốn ăn kẹo lạc với đường

Dù cha, dù mẹ ngược Lường với anh

Chợ Lường tức là chợ Đô Lương có nơi gọi là Chợ Lạng.

Chợ Lường sản xuất một thứ bánh dày đặc biệt

gọi là bánh Di Lạng. Bánh Di Lạng ngọt như bánh tổ ở Quảng Nam, Quảng Ngãi nhưng dẻo như bánh dày của người Bắc và lại bùi vì ở trong còn có lạc (đậu phụng) nữa. Ở Vinh gọi là bánh bìa.

Kẹo lạc chợ Lường cũng đặc biệt ngon, vì làm bằng đường chứ không phải bằng mật như mấy chợ khác. Ăn kẹo lạc chợ Lường rồi nhấm nhấm đôi nác chè Giăng thì thú thật, nhất lại được đi với anh nữa không gì bằng nhưng phải dẫu cha dẫu mẹ thì khó lắm anh ơi !

Các trở ngại ấy thường phát nguyên từ môn đăng hộ đối, hoặc vì tôn giáo gây nên. Ở vùng Đức Thọ những làng như Nghĩa Yên, Yên Phú, Thọ Ninh, Thọ Tường phần đông dân theo Thiên Chúa Giáo. Theo tục lệ thì người bên giáo không được phép dựng vợ gả chồng với người bên lương. Hồi cụ Đình Nguyên Phan đình Phùng khởi nghĩa văn thân, dân mấy làng ấy với dân kẻ lạ vùng Đông Thái, nơi quê cụ xô xát nhau dữ dội, Cụ Đình chống Pháp mà các cố Đạo hồi đó lại là người Pháp, và thường làm gián điệp nên nhiều cố bị giết, rồi con chiền cũng bị vạ lây. Sau khi Cụ Phan đình Phùng mệnh chung quân Cần Vương tan rã, việc xung đột giữa lương giáo không còn nữa, nhưng việc hôn phối giữa đôi bên vẫn không thể được. Vì thế một anh chàng đã hát :

*Chợ em anh cũng muốn thương
Ngặt vì bên giáo bên lương khó lòng !*

Thì được cô ả trả lời một cách tình tứ, dịu dàng :

Quý hồ anh có lòng thương

A men mặc thiệp, khói hương mặc chàng

Trả lời như thế là trả lời ầu, vì thương quá mà nói liều. Các vị Giám Mục đâu có chịu sự lộn xộn đó.

Trong một trường hợp khác cũng có cô trả lời một cách rất dễ thương :

Quý hồ anh có lòng thương

Em có lòng đợi như rương khoá rồi !

Ở nhà quê, rương khoá rồi thì không ai có thể mở được, nghĩa là một khi đã hỏi, dầu chưa cười xin, chưa chung chăn gối, vẫn như đã là nghĩa vợ chồng. Nói chi bây giờ thời đại « văn miêng » nhất là ở Đô thành thiếu gì « passepartout » rương có khoá rồi dầu có khoá chữ đi nữa, họ cũng dám mở như thường.

Hoặc giả đã yêu thương nhau, mà anh chàng, lo sợ về cảnh nghèo của mình, thậm chí không sắm nổi một cái giường gỗ, một cái chõng tre để cưới vợ, thì cô ả cũng bất chấp, liền năn nỉ :

Quý hồ anh có lòng thương

*Trải chiếu nằm trửa đất cũng được, phải
chõng giường mần chi !*

Thưa các bạn trên đây là mấy câu hát ân tình của quê hương yêu dấu chúng ta, mà ba anh em chúng tôi đã cùng nhau chấp nối lại để cống hiến

quý bạn. Mong rằng các bạn sẽ tiếp đón nó như tiếp đón một người bạn chung tình đã theo dõi chúng ta từ lúc tấm mền cho đến khi khôn lớn và mãi đến lúc về già. Nó không đòi các nghiêm trang như thơ Bà Huyện Thanh Quan, không chải chuốt công phu như mấy bài Sonnet của Malherbe hay Arvers, nó cũng không nỉ non thánh thót như tiếng đàn tỳ bà nơi « *bến Tầm dương canh khuya đưa khách* » về Giang Châu, Tư Mã mà cũng phải mượn mùi áo xanh. Nhưng nó thật thà giản dị tả đúng tâm trạng thật thà. Nếu ai có hỏi, thì xin các bạn cứ hiện ngang mà trả lời rằng: chúng ta có Đoàn trường tân thanh có hát nói của Nguyễn Công Trứ, chúng ta có Tỳ bà hành, có truyện Hoa tiên, có Mai đình mộng ký, có thơ Hồ xuân Hương, có Phú Nguyễn hữu Chính ... đã dành chúng ta còn có cả hát dặm và hát phường vải nữa, nhất là hát phường vải, một lối văn chương đặc biệt của xứ Nghệ đã bị văn minh cơ khí đào thải gần nửa thế kỷ nay.

NGUYỄN ĐÌNH KHUÊ

TRẦN XUÂN TUY

VÕ TƯ NHƯỢNG

TRƯỜNG VINH

*Nội San của Hội Ái Hữu Cựu Học sinh
trường Vinh*

Xuân GIÁP THÌN. 1964

MỤC LỤC

	Số trang
TỰA	9
THỨ VUI TAO NHÃ	15
CẦM	21
Bát âm	23
Lục ký	25
Thất bát đàn	27
Sự tích Bá Nha, Tử Kỳ	28
Bát tuyệt	30
NHẠC KHÍ	33
Các loại đàn	34
Đàn bầu	34
Nhị hay đàn cò	36
Đàn cầm	37
Đàn sắt	38
Đàn tranh	39
Đàn Tỳ bà	39
Dương cầm	40
Đàn nhật	41
Đàn nguyệt	41
Đàn tam	41

<i>Đàn cầm Nam</i>	42
<i>Đàn đáy</i>	42
Các loại sáo	44
<i>Hoàng</i>	45
<i>Tiểu</i>	45
<i>Địch</i>	45
<i>Quản</i>	45
<i>Trì</i>	46
<i>Huân</i>	46
Kèn	46
Sinh tiền	46
Phách	47
Bát	47
Trống	47
<i>Trống cái</i>	48
<i>Trống cơm</i>	48
<i>Trống bưng</i>	49
<i>Trống ếch</i>	50
<i>Trống bản</i>	50
<i>Trống ngũ bộ</i>	51
Tiêu	52
Cảnh	52
Lệnh	52
Mõ	53
Cồng	53
Khánh	53
NHẠC Ở VIỆT NAM	53
Nhạc lễ	54
Nhạc tiêu khiển	58

NHẠC CUNG BẮC	59
<i>Cờ bản</i>	59
<i>Lưu thủy</i>	59
<i>Hành vân</i>	59
<i>Kim tiền</i>	59
<i>Bình bản</i>	59
<i>Tầu mã</i>	60
<i>Tứ đại cảnh</i>	60
NHẠC CUNG NAM	60
<i>Nam ai</i>	60
<i>Nam thương</i>	62
<i>Nam xuân</i>	62
<i>Nam bình</i>	62
Tài liệu đọc thêm : ÂM NHẠC XỨ THƯỢNG	69
CA HÁT	73
CÁC GIỌNG CA HÁT BÌNH DÂN	75
NỘI DUNG CÂU HÁT	77
NHỮNG GIỌNG HÁT TRONG KHI LÀM VIỆC	82
Hát đồ đưa	83
Hò kéo gỗ	86
Hò tát nước	87
Hát ru em	88
Hát chẵn trâu	90
NHỮNG GIỌNG HÁT TRAO TÌNH	92
Hát ví	93
Hát ví Nghệ Tĩnh	101
Hát quan họ	111
<i>Giọng sồng</i>	112

<i>Giọng vật</i>	113
<i>Giọng Bì</i>	115
<i>Năm giọng trên</i>	116
Nguồn gốc tục hát quan họ	117
Mùa quan họ	119
Tại sao lại gọi hát quan họ	120
Một bọn quan họ	121
Mời hát ở hội	122
Hát ở hội	125
Mời bạn tới nhà hát trắng đêm	127
Hát giải	130
Kết bạn	131
Hát trống quân	136
Những lối hát trống quân	139
<i>Hát vận</i>	139
<i>Hát đố</i>	143
Nguồn gốc tục hát trống quân	146
Hát cò lá	147
HÁT CÁC PHƯỜNG	149
Hát phường cửi	150
Hát phường cấy	153
Hát phường vải	157
Hát phường buồn	158
HÁT GIẶM	161
Hát giặm ứng khẩu	163
Hát giặm thời sự	166
Hát giặm vè	167
HÒ HUẾ	168
Hò mái nhì, mái đũa, mái đày	169

Hồ già gạo	172
CA HUẾ	175
Cổ bản	175
Kim tiền	177
Lưu thủy	178
Hành vân	178
Nam ai	179
Nam thương	180
Nam bình	181
Tứ đại cảnh	183
Bình bán	184
Tàu mã	185
Nam xuân	186
Phú lục	187
Liễn bộ thập chương	188
HỒ MIỀN NAM	189
Hồ cấy	189
Hồ chèo thuyền	190
HÁT VỀ	196
<i>Về trái cây</i>	198
<i>Về các loại cá</i>	198
<i>Về các loại bánh</i>	199
<i>Về dạy trẻ</i>	199
HÁT TÔN GIÁO	201
Hát châu văn	201
Hát sai bảo lệnh truyền	203
Những câu hát thờ	203
Các giọng hát tôn giáo khác	213
NHỮNG GIỌNG HÁT VỀ NGHỀ NGHIỆP	

Hát xẩm	214
Hát tuồng	216
Hát chèo	251
<i>Nói lối</i>	223
<i>Nói sử</i>	223
<i>Nói hồng</i>	223
Hát cải lương	224
Ca vọng cổ	224
NHỮNG LỐI CA HÁT TRÍ THỨC	233
Ngâm thơ	233
Ca trù	234
<i>Bắc phần</i>	236
<i>Hát mưỡu</i>	237
<i>Hát nói</i>	237
<i>Hát gửi thư</i>	240
HÁT TRẺ EM	241
<i>Chi chi chành chành</i>	242
<i>Thả đĩa ba ba</i>	242
HÁT TÂN NHẠC	244
Thời kỳ sáng tác	247
KẾT LUẬN	249
Tài liệu đọc thêm : TỤC HÁT TRỐNG QUÂN	
GIỮA GIAI XUÂN CẦU, GÁI KHÚC LỘNG	251
HÁT PHƯỜNG VẢI	255
MỤC LỤC	271

NHỮNG TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN

của Toan Ánh

Bước đầu, kịch vui (Hết)

Phong lưu đồng ruộng, khảo cứu phong tục, in lần
thứ ba. (Hết)

Bó hoa Bắc Việt, khảo cứu phong tục. (Hết)

Tiết tháo một thời, chuyện khi tiết của sĩ phu
Việt Nam (Hết)

Người đẹp thời Chiến Quốc, tiểu thuyết lịch sử. (Hết)

Thanh gươm Bắc Việt, tiểu thuyết lịch sử. (Hết)

Trong lũy tre xanh, truyện ngắn phong tục, in lần
thứ hai. (Hết)

Ký vãng, tiểu thuyết phong tục. (Hết)

Nếp xưa, tiểu thuyết phong tục.

Múa thiết linh, ném bút chì, tài liệu võ thuật.

Nghệ thuật ăn trộm và bắt trộm của người xưa,
tài liệu.

Tinh thần trọng nghĩa phương Đông, những truyện
trọng nghĩa của ba quốc gia Nhật, Hoa và Việt.

Phong tục Việt Nam với phụ nữ, khảo cứu. (Hết)

Phong tục Việt Nam, khảo cứu.

Nếp cũ : Con người Việt Nam, khảo cứu phong tục.
(Hết)

Tín ngưỡng Việt Nam I

Tín ngưỡng Việt Nam II

Làng xóm Việt Nam

Hội hè đình đám I

CẨM CA VIỆT NAM

XIN ĐÓN ĐỌC TRONG BỘ

THÚ VUI TAO NHÃ

Sau Cầm Ca Việt Nam sẽ xuất bản :

★ KỲ, THI, HỌA, ÂM VIỆT NAM

★ MẤY THÚ PHONG LƯU

Cả ba tập sách trên trong bộ **THÚ VUI TAO NHÃ** đều nằm trong toàn bộ **NẾP CŨ** của soạn giả.

BẢNG ĐÍNH CHỈNH

(những chữ sai hoặc thiếu sót)

TRANG	DÒNG	THAY VÌ	XIN ĐỌC
21	14	vẽ tao nhã	vẽ tao nhã
23	20	nào bặt	nào bặt
33	15	nào bặt	nào bặt
46	6	bằng đất to, như	bằng đất, to như
49	20	đánh cờ bơi hoặc đánh cờ người trên sân khấu	đánh cờ bơi hoặc đánh cờ người trên sân cờ
60	14	phổ biến nhất nhiều ở Huế	phổ biến nhiều ở Huế
75	8	nhưng sự giống nhau	nhưng trong sự giống nhau
76	23	hát bội ở miền Trung	hát bội ở miền Trung
78	2	Hay là anh đề	Hay là em đề
78	9	Cũng có những câu	Cũng có những câu
82	5	yếm thủy tây giàn	yếm thủy tây giàn
86	19	cũng cả hứng	cũng cảm hứng
89	4	mẹ ru con chị ru em	mẹ ru con ; chị ru em
110	3	Anh về van đất, dấy ơi	Anh về van đất, đất ơi
111	7	Thi sĩ Tần Đà là	Thi sĩ Tần Đà đã là
112	8	trong buổi hát thờ	trong những buổi hát thờ
114	17	Nguyệt lặn sao rơi	Nguyệt lặn sao dơi
114	18	Bỏ công gần bó	Bỏ công gần bó
114	19	Nền chẳng tình	Nền chẳng tình
119	20	làng Hữu Thấp	làng Hữu trấp
126	15	ai đi xem có	ai đi xem hội có
128	27	đã góp tiền nhau đề	đã góp tiền đề
129	3	mâm cổ xuân	mâm cổ xuân
129	7	ghen trong	ghen tuồng
129	12	là chấy hay họ hàng vì đó	là chấy hay họ hàng gì đó
131	7	bên hát một câu	bên nọ hát một câu
131	14	mấy ới ha ha	mấy tiếng ới ha ha
136	26	làng quê trước đây	trước đây
139	12	tùy người đi người hát	tùy người hát
142	25	luân phiên nhau hò hát	luân phiên nhau hát
188	5	đầu cồn đa đoan	đầu cồn đa đoan
206	13	vẽ mây rồng	vẽ mây rồng
210	5,6	bàn rượu túi thơ	bàn rượu túi thơ
211	21	xã Trúc lương	xã Trúc cương
226	26	15-8-1969	15-8-1959
227	6	nhân họ sư học	nhà sư nho học
334	21	hát nhả tư	hát nhả tư
236	26	côi tương vàng	côi tương vàng
245	7	nhưng cùng lại vì	nhưng cũng lại vì

CẨM CA VIỆT NAM CỦA
TOAN ANH BÌA ĐÌNH
CƯỜNG VÀ NGUYỄN GIA
TRÍ LÁ BỐI XUẤT BẢN GIẤY
PHÉP SỐ 3910/BTT/NBC/
PHNT NGÀY 22-9-1969 IN
TẠI TRÍ ĐĂNG 21 NGUYỄN
THIỆN THUẬT SAIGON
NGOÀI NHỮNG BẢN
THƯỜNG CÒN IN THÊM
50 BẢN ĐẶC BIỆT DÀNH
CHO TÁC GIẢ THÂN
VÀ NHÀ XUẤT BẢN